|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TÀI CHÍNH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BẢN TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA THÀNH VIÊN THỊ TRƯỜNG**

**ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU LUẬT CHỨNG KHOÁN**

*Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2020*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Ý kiến của các đơn vị** | **Ý kiến giải trình** |
|  | ***Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)*** | **VBF**   * Điều 36 khoản 8 của Luật Chứng Khoán nêu rõ rằng Bộ Trưởng Bộ Tài Chính sẽ quy định việc mua lại cổ phiếu của các công ty đại chúng. Tuy nhiên, các quy định về việc này không được đưa vào Nghị Định này – các quy định tại Điều 177 chỉ áp dụng đối với các công ty chứng khoán và các công ty quản lý quỹ.   Kiến nghị: Xem xét đưa vào các quy định về quy trình mua lại cổ phiếu của một công ty đại chúng. | * **Giải trình:** Tại dự thảo Nghị định không điều chỉnh nội dung này do nội dung này được giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn tại Thông tư về chào bán, phát hành. |
|  | ***Giải thích thuật ngữ (Điều 3)*** | **MB**   * Khoản 2 Điều 3: cổ phần đã phát hành là cổ phần đã được nhà đầu tư thanh toán đầy đủ và những thông tin về người sở hữu chứng khoán được ghi nhận trong sổ cổ đông.   Quy định chưa rõ cách xác định “*cổ phần đã phát hành*” đối với cổ phần của các công ty niêm yết được đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (tiền thân là VSD).  **Lý do:** Tại công ty niêm yết, việc cập nhật danh sách trên sổ đăng ký cổ đông khó xác định chính xác, kịp thời do số lượng cổ phiếu mua/bán biến động thường xuyên trên sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, các công ty niêm yết thường đồng nhất sổ đăng ký cổ đông với Danh sách người sở hữu chứng khoán được lập và quản lý tại VSD (không cập nhật tại sổ đăng ký cổ đông lập tại công ty).  Tuy nhiên, trong khoảng thời gian công ty niêm yết đang thực hiện thủ tục đăng ký cổ phần phát hành tại VSD nhưng thông tin cổ đông vẫn chưa được ghi nhận trên Danh sách người sở hữu chứng khoán tại VSD (như phân tích ở trên các công ty niêm yết cũng không cập nhật tại sổ đăng ký cổ đông): dù cổ đông đã thanh toán đủ nhưng cổ phần vẫn chưa được coi là đã phát hành và chưa được ghi nhận các quyền của người sở hữu chứng khoán, theo đó không bảo đảm về quyền lợi cho cổ đông.  Đề xuất **bổ sung quy định làm rõ về xác định rõ thế nào là cổ phần đã phát hành đối với cổ phần của các công ty niêm yết** theo hướng: *“2. Cổ phần đã phát hành là cổ phần đã được nhà đầu tư thanh toán đầy đủ và những thông tin về người sở hữu được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông hoặc công ty niêm yết xác nhận về việc cổ phần đã phát hành*”.  **CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 8 Điều 3: Đề nghị sử dụng thống nhất thuật ngữ người sở hữu trái phiếu (thay cho chủ sở hữu trái phiếu)   **HOSE**   * Khoản *2: Cổ phần đã phát hành* là cổ phần đã được nhà đầu tư thanh toán đầy đủ và những thông tin về người sở hữu được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông.   Đề nghị bỏ quy định này do có khái niệm nhưng không được sử dụng trong dự thảo   * *Khoản 16:* Ngày *bắt đầu đợt phát hành* cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu theo hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập; để hoán đổi cổ phiếu cho số cổ đông không xác định của công ty đại chúng là ngày đầu tiên để nhà đầu tư đăng ký hoán đổi cổ phiếu.   Đề nghị bỏ quy định này do có khái niệm nhưng không được sử dụng trong dự thảo   * *Khoản 20: Chủ nợ* là bên cho vay hoặc bên được quyền yêu cầu một tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ phải trả.   Đề nghị xem lại, tránh quy định chồng chéo vì thuật ngữ này đã được quy định tại Luật Phá sản năm 2014. Khoản 3 Điều 4 Luật Phá sản năm 2014 đã quy định: “Chủ nợ là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ, bao gồm chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần và chủ nợ có bảo đảm.”  **VCCI, MB, CLB Pháp chế Ngân hàng**  Khoản 21 *“.Tái cơ cấu doanh nghiệp là hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản hoặc bộ phận kinh doanh mà các hoạt động này làm thay đổi từ 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp trở lên căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trong đó:*  *a).Đối với trường hợp hợp nhất, báo cáo tài chính là báo cáo tài chính của doanh nghiệp bị hợp nhất có tổng giá trị tài sản lớn nhất;*  *b).Đối với trường hợp sáp nhập, báo cáo tài chính là báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhận sáp nhập;*  *c).Đối với trường hợp mua lại doanh nghiệp, bán tài sản hoặc bộ phận kinh doanh, báo cáo tài chính là báo cáo tài chính gần nhất trước thời điểm mua lại doanh nghiệp, bán tài sản hoặc bộ phận kinh doanh”*   * (VCCI) Xem xét phạm vi của thuật ngữ Tái cơ cấu doanh nghiệp đã hợp lý? Nếu phạm vi rộng thì nên định nghĩa bao gồm hoạt động “tổ chức lại doanh nghiệp” theo quy định của Luật doanh nghiệp, nếu định nghĩa hẹp hơn thì định nghĩa chỉ nên bao gồm “chuyển đổi doanh nghiệp” theo quy định của Luật doanh nghiệp. Tái cơ cấu nên bao gồm cả việc chuyển đổi doanh nghiệp, mua bán nợ để đảm bảo thống nhất với khai niệm Tái cơ cấu doanh nghiệp trong các quy định liên quan đến doanh nghiệp Nhà nước. Hiện nay trong các văn bản pháp luật (chẳng hạn như Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Thông tư 69/2018/TT-BTC) quy định về việc tái cơ cấu doanh nghiệp đều đề cập khái niệm tái cơ cấu trong đó bao hàm việc chuyển đổi hình thức doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm sang công ty cổ phần và/hoặc mua bán nợ. * (VCCI) Khái niệm tái cơ cấu này để quy định các trường hợp duy trì điều kiện niêm yết, các loại hồ sơ phát hành cổ phiếu ra công chúng…. Tuy nhiên, trên thực tế, có công ty tài sản rất lớn, nhưng vốn chủ sở hữu nhỏ và ngược lại. Hiện nay, các trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng sau tái cơ cấu, điều kiện duy trì niêm yết với các công ty sau hợp nhất, sáp nhập, trong đó có 1 công ty niêm yết, 1 công ty đã niêm yết nhưng thuộc diện huỷ niêm yết bắt buộc hoặc chưa niêm yết, đều căn cứ trên mức thay đổi 35% tài sản sau quá trình tái cơ cấu… thì có chưa phù hợp, vì vẫn có nhiều trường hợp, doanh nghiệp thay đổi hoàn toàn về cấu trúc sở hữu, nhưng tổng tài sản không tăng nhiều.   Kiến nghị đề xuất quy định về thay đổi đổi quy mô vốn chủ sở hữu và các chỉ tiêu kinh doanh sau tái cấu trúc để xét duy trì điều kiện niêm yết hay các trường hợp phát hành.   * Đề nghị giải thích căn cứ lựa chọn tỷ lệ 35% (CLB Pháp chế Ngân hàng) * (MBB) Chưa rõ hoạt động tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua việc “*bán bộ phận kinh doanh*” là hoạt động gì, hình thức pháp lý và cơ sở thực hiện. Lý do: Theo Khoản 1 Điều 105 BLDS 2015 quy định: “*Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản*”. Theo đó, chưa rõ xác định bộ phận kinh doanh (là một đơn vị, cấu phần thuộc bộ máy tổ chức hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm cả nguồn lực con người, tài sản,….) là loại tài sản gì theo chế định tài sản của BLDS để trở thành đối tượng của hoạt động mua bán tài sản. * (MBB) Hoạt động “Tái cơ cấu doanh nghiệp” **chưa thấy đề cập đến hoạt động “chuyển đổi hình thức pháp lý”** (hoạt động chuyển đổi hình thức pháp lý doanh nghiệp đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp mới 2020 (Điều 202 – Điều 205)).   Đề xuất: (i) bổ sung quy định làm rõ về hoạt động *bán bộ phận kinh doanh*” là hoạt động gì, hình thức pháp lý và cơ sở thực hiện; và (ii) bổ sung hoạt động “*chuyển đổi hình thức pháp lý*” vào Tái cơ cấu doanh nghiệp.  **TPBank, HOSE, CLB Pháp chế Ngân hàng, CK Rồng Việt**   * Khoản 22 Điều 3   + (TPBank) Khái niệm *Mua lại doanh nghiệp* là khái niệm quan trọng, ảnh hưởng đến việc vận dụng khái niệm *Tái cơ cấu doanh nghiệp* và vận dụng các quy định từ Điều 27 đến Điều 30, Điều 108, Điều 109 Dự thảo. Tuy nhiên Khoản 22 Điều 3 Dự thảo Nghị định chưa đưa ra được các tiêu chí để xác định thế nào là một doanh nghiệp đã có hoạt động *“gián tiếp mua toàn bộ hoặc một phần vốn góp, tài sản của doanh nghiệp khác” và “đủ để kiểm soát, chi mối doanh nghiệp hoặc một ngành, nghề của doanh nghiệp bị mua lại”*. Do vậy, TPBank kính đề nghị Quý Cơ quan kiến nghị Ban soạn thảo xem xét hướng dẫn chi tiết hơn về nội dung này để tránh vướng mắc trong quá trình vận dụng thực tế.  **+ (**HOSE**)** Đề nghị bỏ thuật ngữ này thuật ngữ này đã được quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Cạnh tranh năm 2018. Ngoài ra, thuật ngữ này chỉ được sử dụng tại khoản 21 Điều 3 Dự thảo.  **Hose, TPBank, MB**   * Đề nghị bỏ thuật ngữ “25. *Nhà đầu tư nước ngoài”*   Thuật ngữ này đã được quy định tại khoản 14 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2014: *“Nhà đầu tư nước ngoài* là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.”   * *Đề nghị bỏ thuật ngữ “26. Điều ước quốc tế về đầu tư” do thuật ngữ này không được sử dụng tại dự thảo Nghị định* * *Đề* nghị điều chỉnh khoản 35 Điều 3 thành:   *“Giao dịch chưa* ***~~được~~*** *hoàn tất thanh toán là giao dịch mua, bán chứng khoán đã được xác lập nhưng chưa thực hiện thanh toán.”*  Lý do: Điểm e khoản 1 Điều 143 Dự thảo lại sử dụng thuật ngữ chưa được định nghĩa là “giao dịch chưa hoàn tất thanh toán”  **VBF**  Đề nghị bổ sung định nghĩa về thành viên lưu ký không bù trừ do chưa có quy định này, cụ thể như sau.  “*33b. Thành viên lưu ký không bù trừ (sau đây gọi tắt là thành viên không bù trừ) là thành viên lưu ký không làm thành viên bù trừ*.”  Và sửa đổi Khoản 31 Điều 3 như sau:  “31. Thành viên bù trừ chung là thành viên bù trừ được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của mình, khách hàng của mình và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán cho thành viên không bù trừ, *thành viên lưu ký không bù trừ* và khách hàng của thành viên không bù trừ, *thành viên lưu ký không bù trừ* đó.”  Nghị định cũng nên xác định và chỉ rõ rõ vai trò của 02 loại thành viên này trong hoạt động thanh toán theo cơ chế bù trừ trung tâm trong tương lai, và làm rõ, thành viên bù trừ có phải đăng ký làm thành viên giao dịch không?  Vì hiện tại, thành viên lưu ký không có chức năng giao dịch, môi giới chứng khoán và không là thành viên của 2 Sở giao dịch, vì vậy nếu thực hiện hoạt động thế vị trong cơ chế thanh toán bù trừ trung tâm, việc đưa chứng khoán cơ sở về tài khoản tự doanh của thành viên lưu ký trong trường hợp giao dịch mất khả năng thanh toán là không khả thi và nằm ngoài nghiệp vụ được cấp phép của thành viên lưu ký.  **MBB**   * Khoản 43 Điều 3: Cổ phần lẻ   Khoản 1 Điều 111 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: *“Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần”.*  Điều chỉnh diễn đạt như sau: “*Cổ phần lẻ là* *phần vốn điều lệ có giá trị nhỏ hơn mệnh giá của một cổ phần*”.   * Đề nghị xem lại thuật ngữ “44. *Công ty mẹ”*   Theo quy định này, thuật ngữ “công ty mẹ” trong Dự thảo chỉ áp dụng đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở nước ngoài, tuy nhiên, các quy định tại Điều 59 đến Điều 64, Điều 99, Điều 135 Dự thảo đang đề cập đến công ty đại chúng, tổ chức đăng ký niêm yết là **công ty mẹ** theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.   * Đề nghị sửa thuật ngữ “13. Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng” và “12. Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ”, do chưa rõ thời điểm trở thành công ty đại chúng, chưa rõ mức giá trị xác định đối với 1 cổ đông hay tổng các cổ đông. * Đề nghị sửa thuật ngữ “13. Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng” và “12. Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ”, do chưa rõ thời điểm trở thành công ty đại chúng, chưa rõ mức giá trị xác định đối với 1 cổ đông hay tổng các cổ đông. * Đề nghị sửa thuật ngữ “*40. Sản phẩm tài chính”* thành *“Sản phẩm tài chính bao* ***gồm chứng quyền có bảo đảm theo định nghĩa tại khoản 6 Điều 4 Luật chứng khoán và các loại chứng khoán khác*** *có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành được dựa trên chứng khoán cơ sở do công ty chứng khoán lựa chọn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.*   Để khẳng định chứng quyền có bảo đảm là một sản phẩm tài chính   * **HOSE, TPBank:**   + Đề nghị bỏ thuật ngữ “25. *Nhà đầu tư nước ngoài”*  Thuật ngữ này đã được quy định tại khoản 14 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2014: *“Nhà đầu tư nước ngoài* là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.”  +  *Đề nghị bỏ thuật ngữ “26. Điều ước quốc tế về đầu tư”*  *Thuật ngữ này không được sử dụng tại dự thảo Nghị định* | * **Giải trình**   Việc ghi nhận cổ đông trong sổ cổ đông (xác định danh sách cổ đông) của công ty đã đăng ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau này là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam) nhằm mục đích ghi nhận quyền của cổ đông.  Việc ghi nhận cổ đông bao gồm hai điều kiện: nhà đầu tư đã thanh toán đủ tiền và thông tin về nhà đầu tư được ghi nhận trong sổ cổ đông. Sở dĩ có quy định trên là do việc ghi nhận thông tin về nhà đầu tư vào sổ cổ đông bao giờ cũng có độ trễ. Ví dụ giao dịch trên thị trường chứng khoán là T+3, có nghĩa sau 3 ngày chứng khoán mới về tài khoản nhà đầu tư và khi đó nhà đầu tư mới sở hữu cổ phần và có quyền bán cổ phần.  Việc ghi nhận có độ trễ này cũng được thể hiện tại Luật Doanh nghiệp, Khoản 5 Điều 135 LDN: *“Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty”*   * **Tiếp thu:** đã chỉnh sửa khoản 9 Điều 3 Dự thảo Nghị định. * **Giải trình:** Khái niệm về cổ phần đã phát hành: được sử dụng trong phụ lục phần Niêm yết * **Tiếp** **thu:** và đã bỏ thuật ngữ "ngày bắt đầu đợt phát hành tại dự thảo Nghị định. * **Giải trình:** thuật ngữchủ nợ (khoản 17 Điều 3) được sử dụng trong phụ lục Nghị định và giải thích chi tiết cho nội hàm phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ, các trường hợp không được làm đại diện người sở hữu trái phiếu. * **Giải trình về thuật ngữ "tái cơ cấu doanh nghiệp"**   **+** Nội hàm thuật ngữ “tái cơ cấu” (khoản 10 Điều 3) được sử dụng tại dự thảo Nghị định không trùng với nội hàm thuật ngữ “Tổ chức lại doanh nghiệp” *(“Tổ chức lại doanh nghiệp là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp” – khoản 25 Điều 4 Luật doanh nghiệp)* mà được sử dụng chủ yếu theo nội hàm các hình thức tập trung kinh tế quy định tại Luật cạnh tranh: *“Hợp nhất doanh nghiệp”, Sáp nhập doanh nghiệp” “Mua lại doanh nghiệp”* *(khoản 2, 3, 4 Điều 29 Luật Cạnh tranh).*  + Tuy nhiên, do mục tiêu quản lý của Luật cạnh tranh và Luật Chứng khoán là khác nhau, do đó tại dự thảo Nghị định hoạt động “tái cơ cấu” chỉ điều chỉnh khi hoạt động đó làm thay đổi từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản trở lên.  + Về mức thay đổi 35% tổng giá trị tài sản:  Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, quyền của ĐHĐCĐ “quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty”. Như vậy, theo Luật doanh nghiệp mốc 35% được coi là mốc thay đổi quan trọng trong tổng giá trị tài sản cần phải có sự quyết định của ĐHĐCĐ.  Do đó, tại dự thảo Nghị định cũng sử dụng mốc 35% tổng giá trị tài sản để tính mốc thay đổi quan trọng cần thiết có sự điều chỉnh.   * **Giải trình:**   + Ý kiến góp ý của VCCI về mặt lý thuyết rất hợp lý. Kinh nghiệm quốc tế các nước dùng nhiều chỉ tiêu để xác định mức độ ảnh hưởng: như vốn, doanh thu, lợi nhuận, các chỉ tiêu khác, với mức độ thay đổi khoảng từ 10%-25%.  + Tuy nhiên, tại dự thảo nghị định chỉ đưa ra mức thay đổi liên quan đến tổng tài sản doanh nghiệp với mức thay đổi 35%. Nguyên nhân là do tại thị trường Việt Nam, đây là lần đầu tiên đưa khái niệm này vào khi xem xét hồ sơ đăng ký chào bán, niêm yết. Quy định này tại dự thảo góp phần giúp các quy định pháp luật hiện hành về chào bán, niêm yết chứng khoán từng bước tiếp cận dần với các thông lệ quốc tế. Mặt khác, do đây là quy định hoàn toàn mới và đòi hỏi phải xây dựng quy định về kế toán để áp dụng, do đó việc đưa nhiều chỉ tiêu sẽ phức tạp hơn, đòi hỏi phải xử lý về mặt kế toán khó khăn hơn.   * **Giải trình:**   Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, quyền của ĐHĐCĐ “quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty”. Như vậy, theo Luật doanh nghiệp mốc 35% được coi là mốc thay đổi quan trọng trong tổng giá trị tài sản cần phải có sự quyết định của ĐHĐCĐ.  Do đó, tại dự thảo Nghị định cũng sử dụng mốc 35% tổng giá trị tài sản để tính mốc thay đổi quan trọng cần thiết có sự điều chỉnh.   * **Tiếp thu:** đã chỉnh sửa nội dung này tại khoản 10 Điều 3 Dự thảo   *“10. Tái cơ cấu doanh nghiệp là hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản mà các hoạt động này làm thay đổi hoặc có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp trở lên”*   * **Giải trình:** Việc chuyển đổi hình thức pháp lý không làm thay đổi về bản chất kinh tế của doanh nghiệp. Về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng để chuyển đổi mô hình hoạt động của doanh nghiệp đã được quy định tại Điều15, Điều 16 Dự thảo. * **Giải trình:** Tại dự thảo Nghị định sử dụng thuật ngữ theo nội hàm quy định tại pháp luật cạnh tranh. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp về việc dẫn chiếu đến quy định của Luật cạnh tranh, UBCKNN đã chỉnh sửa nội dung này tại Khoản 12 Điều 3 Dự thảo *“Mua lại doanh nghiệp được hiểu theo quy định tại pháp luật cạnh tranh”.* Hiện nay, Chính phủ đã ban hành nghị định số 35/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Cạnh tranh, trong đó có quy định chi tiết cách xác định thế nào là gián tiếp mua lại.   **Tiếp thu:**   * Hiện nay, nhiều văn bản QPPL có khái niệm NĐTNN như pháp luật doanh nghiệp, đầu tư, ngân hàng. Dự thảo chỉnh sửa theo hướng dẫn chiếu lại Luật Đầu tư:   *“26. Nhà đầu tư nước ngoài* bao gồm cá nhân, tổ chức theo quy định tại Luật Đầu tư”.   * **Tiếp thu**, đã bỏ thuật ngữ "Điều ước quốc tế về đầu tư" * **Tiếp thu,** chỉnh sửa như góp ý tại khoản 38 Điều 3 "giao dịch chứng khoán chưa hoàn tất thanh toán" * **Giải trình**   Dự thảo bảo lưu việc chỉ quy định về thành viên giao dịch không bù trừ, do thành viên này chỉ thực hiện giao dịch nhưng không trực tiếp thanh toán mà phải thanh toán qua TVBT khác (TVBT chung).  Thành viên lưu ký không thực hiện giao dịch nên không cần phải quy định về nội dung này. Thành viên lưu ký có thể chỉ làm nghiệp vụ lưu ký mà không cần phải là thành viên bù trừ.   * **Giải trình và tiếp thu một phần:** (khoản 4 Điều 3)   + Tùy theo phương án phát hành của công ty, cổ phần lẻ trong quá trình phát hành có thể hủy hoặc được công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ Theo quy định tại khoản 7 Điều 36 Luật Chứng khoán. Trường hợp công ty hủy cổ phần lẻ, số cổ phần này không thể coi là phần vốn điều lệ.  + Thuật ngữ cổ phần lẻ đã được sử dụng từ Thông tư số 162/2015/TT-BTC và trong quá trình thực hiện không có vướng mắc phát sinh. Ngoài ra, khoản 4 Điều 3 đã được điều chỉnh thành "*Phần lẻ cổ phần* là phần vốn ít hơn 01 cổ phần"   * **Tiếp** **thu**: bỏ do đã sửa cụm từ “công ty mẹ” tại dự thảo Nghị định thành “tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài” tại khoản 46 Điều 3 * **Tiếp thu**: các thuật ngữ đã được sửa đổi như sau:   “43. Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ: là công ty đầu tư chứng khoán có tối đa 99 cổ đông, trong đó giá trị vốn góp đầu tư của mỗi cổ đông tổ chức tối thiểu là 03 tỷ đồng và của mỗi cá nhân tối thiểu là 01 tỷ đồng  44. Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là công ty đầu tư chứng khoán đã thực hiện việc chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng”   * **Giải trình:** Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Luật Chứng khoán, Chính phủ quy định về các loại chứng khoán khác. Ngoài ra, chứng quyền có đảm bảo cũng đã được bao hàm theo thuật ngữ sản phẩm tài chính tại khoản 47 Điều 3.   **Tiếp thu:**   * Hiện nay, nhiều văn bản QPPL có khái niệm NĐTNN như pháp luật doanh nghiệp, đầu tư, ngân hàng. Khoản 26 Điều 3 Dự thảo chỉnh sửa theo hướng dẫn chiếu lại Luật Đầu tư:   *“Nhà đầu tư nước ngoài* bao gồm cá nhân, tổ chức theo quy định tại Luật Đầu tư”.   * Tiếp thu ý kiến, đã bỏ thuật ngữ này |
|  | ***Góp ý chung*** | **VACPA**  Các thông tin trong Bản cáo bạch bao gồm:   * Thông tin tài chính trong tương lai cần có ý kiến của kiểm toán để nâng cao độ tin cậy của thông tin dự báo. * Thông tin tài chính theo quy ước phải có ý kiến của kiểm toán cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Thông tin tài chính theo quy ước phải được tổ chức kiểm toán trong trường hợp: (1) chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty đại chúng hình thành sau tái cơ cấu; (2) Chào bán ra công chúng của doanh nghiệp sau chia, tách doanh nghiệp; (3) niêm yết cổ phiếu của các công ty hình thành sau chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và các trường hợp khác. * Các thông tin về quá khứ khác trong bản cáo bạch cần có ý kiến của công ty kiểm toán để đảm bảo tính chính xác | * **Tiếp thu:**   Hiện nay, Bộ Tài chính đang soạn thảo Thông tư hướng dẫn mẫu Bản cáo bạch. Trong mẫu Bản cáo bạch có đưa ra các thông tin về quá khứ cũng như dự báo trong tương lai, thông tin quy ước (trong trường hợp sử dụng báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước).  Nhất trí với ý kiến của VACPA về việc có ý kiến của kiểm toán đối với các thông tin trên sẽ đảm bảo tính tin cậy hơn cho số liệu trong Bản cáo bạch. Tuy nhiên, việc yêu cầu bắt buộc tổ chức phát hành phải có ý kiến kiểm toán đối với các thông tin này gặp một số khó khăn sau:  + Tăng thủ tục và tăng chi phí đối với tổ chức phát hành; đây là một tác động rất lớn đối với thị trường;  + Hiện nay số lượng các công ty kiểm toán chấp thuận chưa nhiều, chất lượng dịch vụ của các công ty không đồng đều, nhiều công ty còn sai phạm. Bên cạnh đó, Luật Chứng khoán mới yêu cấu tất cả các công ty đại chúng phải được kiểm toán chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính (thay vì tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng lớn như trước đây). Do vậy, khối lượng công việc của các công ty kiểm toán sẽ rất lớn.  + Bên cạnh đó qua cuộc họp với VACPA ngày 05/08/2020, nhiều doanh nghiệp kiểm toán chưa sẵn sàng cho việc thực hiện dịch vụ này, đặc biệt về nội dung thông tin tài chính tương lai.  Do đó, tại Thông tư hướng dẫn Bản cáo bạch, UBCKNN dự kiến đưa vào quy định theo hướng khuyến khích tổ chức phát hành có ý kiến của kiểm toán về các thông tin trên, tuy nhiên không bắt buộc.  Quy định như trên từng bước định hướng các doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ kiểm toán này để nâng cao uy tín của doanh nghiệp, thu hút nhà đầu tư tham gia đợt chào bán. |
|  | ***Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ đăng ký chào bán, tài liệu báo cáo phát hành chứng khoán (Điều 4)*** | **MBB, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 4: “*không được đưa ra các nhận định hoặc đảm bảo với nhà đầu tư”*   + (MBB) Chưa rõ đối với trường hợp tổ chức phát hành phát hành cổ phiếu kèm điều khoản cam kết sẽ mua lại trong tương lai với mức giá có lợi cho nhà đầu tư thì có vi phạm không nếu như đây là một phần của điều khoản phát hành.  Đề xuất cân nhắc bổ sung quy định về trường hợp phát hành cổ phiếu kèm điều khoản cam kết chắc chắn mua lại trong tương lai.  + Bổ sung trường hợp ngoại trừ đối với trái phiếu không kèm chứng quyền(CLB Pháp chế Ngân hàng)  **HOSE**   * Khoản 3 Điều 4: “Tổ chức phát hành và người có liên quan của tổ chức phát hành, người nội bộ của tổ chức phát hành và người có liên quan của người nội bộ không được đưa ra các nhận định hoặc đảm bảo với nhà đầu tư về giá chứng khoán trong tương lai, về mức thu nhập, lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc đảm bảo không bị thua lỗ ngoại trừ trường hợp phát hành trái phiếu không chuyển đổi”   Đề nghị bổ sung quy định tương tự đối với cổ đông chào bán cổ phiếu.  Hiện chưa có chế tài trong trường hợp cổ đông chào bán cổ phiếu. | **- Tiếp thu:**  Đã chỉnh sửa lại nội dung dự thảo Nghị định (khoản 4 Điều 7) như sau  *“4. Tổ chức phát hành, cổ đông đăng ký chào bán và người có liên quan của tổ chức phát hành, người nội bộ của tổ chức phát hành và người có liên quan của người nội bộ không được đưa ra các nhận định hoặc đảm bảo với nhà đầu tư về giá cổ phiếu trong tương lai.”* (khoản 9 Điều 6 Dự thảo)   * **Tiếp thu:** đã chỉnh sửa lại dự thảo Nghị định, theo đó bổ sung thêm cổ đông đăng ký chào bán (khoản 4 Điều 7 Dự thảo) |
|  | ***Về thời hạn hoàn thành hồ sơ chào mua công khai ( Điều 5)*** | **CTCP Tài nguyên**   * Khoản 2, Điều 5 của Dự thảo Nghị định:   Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu tổ chức phát hành sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký, tài liệu báo cáo về việc chào bán, phát hành chứng khoán, tổ chức phát hành phải thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đối với trường hợp chào mua công khai, phát hành cổ phiếu để chào mua công khai, thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ là 15 ngày. Trường hợp quá thời hạn trên mà tổ chức phát hành, tổ chức, cá nhân đăng ký chào mua công khai không thực hiện theo yêu cầu, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước dừng việc xem xét hồ sơ đăng ký chào bán, tài liệu báo cáo phát hành, hồ sơ đăng ký chào mua công khai.:  Ý kiến của Công ty: Đối với trường hợp chào mua công khai, phát hành cổ phiếu để chào mua công khai, thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ nên để là 30 ngày thay vì 15 ngày vì thời gian là quá ít so với 60 ngày của việc chào bán. | * **Giải trình:**   Việc chào mua công khai liên quan đến yếu tố tố thời điểm của thị trường, ví dụ yếu tố về giá chào mua.  “Giá chào mua không được thấp hơn bình quân giá tham chiếu của 60 ngày giao dịch liền trước ngày gửi giấy đăng ký chào mua công khai và không thấp hơn giá mua cao nhất của các đợt chào mua công khai đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của công ty mục tiêu, quỹ đầu tư mục tiêu trong thời gian này”. Do đó, yêu cầu việc chào mua phải thực hiện nhanh, giảm thiếu việc tình trạng hồ sơ không còn phù hợp với diễn biến thị trường.  Bộ Tài chính giữ nguyên nội dung quy định tại khoản 7 Điều 6. |
|  | ***Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Điều 6)*** | **BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Điều 6, Mục 1 – Báo cáo và CBTT về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán   + Quy định tại Dự Thảo: *“Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, tổ chức phát hành phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Tổ chức phát hành phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu công ty hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận”.*  + Nội dung đề nghị bổ sung, làm rõ:  Để đảm bảo thực hiện đúng quy định, đề nghị làm rõ: Báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán theo đề cập tại Dự Thảo được Tổ chức phát hành thực hiện vào thời điểm nào (sau khi Tổ chức phát hành sử dụng hết số tiền phát hành trái phiếu hay định kỳ trước thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, Tổ chức phát hành đều phải thực hiện kiểm toán sử dụng vốn đối với các đợt đã phát hành mà chưa sử dụng hết tiền (~ 1 đợt phát hành có thể phải kiểm toán nhiều lần nếu thời gian sử dụng vốn qua nhiều năm tài chính).  **CTCP Tài Nguyên, NH TMCP Quân Đội, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 2:*“Việc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua. Hội đồng quản trị chỉ được thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn thu được từ đợt chào bán khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho phép thực hiện, trừ trường hợp chào bán trái phiếu theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn trong trường hợp này phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất”*   + Nên để Hội đồng quản trị chỉ được thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 35% số vốn thu được từ đợt chào bán (CTCP Tài Nguyên)  + Quy định tỷ lệ 50% có thể gây vướng mắc cho các doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh thay đổi nhanh như hiện nay, theo đó việc sử dụng vốn cần linh hoạt phù hợp với diễn của biến nền kinh tế. Nên quy định khi thay đổi phương án sử dụng vốn chỉ cần HĐQT thông qua trong trường hợp đã được ĐHCĐ ủy quyền cho phép thực hiện (không giới hạn ở mức nhỏ hơn 50%) (NH TMCP Quân Đội, CLB Pháp chế Ngân hàng) | * **Giải trình:**   Đây là quy định được kế thừa tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP. Do đó, Bộ Tài chính giữ nguyên quy định tại khoản 1 Điều 9, theo hướng bao gồm 02 nội dung:  + Báo cáo định kỳ UBCKNN 6 tháng/01 lần kể từ ngày kết thúc đợt chào bán đến khi giải ngân hết. Báo cáo này do công ty lập (theo mẫu) và báo cáo UBCKNN.  + Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn hoặc được thuyết minh chi tiết trong BCTC (được lập trước ĐHĐCĐ) để trình ĐHĐCĐ.   * **Giải trình:**   Doanh nghiệp khi chào bán chứng khoán phải đáp ứng điều kiện có phương án sử dụng vốn được ĐHĐCĐ thông qua (trừ trường hợp phát hành trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền được HĐQT thông qua). Theo đó, khi xem xét hồ sơ đăng ký chào bán, UBCKNN xem xét về tài liệu pháp lý chứng minh cho mục đích sử dụng vốn để đảm bảo việc huy động vốn thực sự là cần thiết; đảm bảo tính công khai minh bạch cho thị trường; bảo vệ quyền lợi của cổ đông đặc biệt là cổ đông công chúng nhỏ lẻ.  Tuy nhiên, thực trạng hiện nay rất nhiều doanh nghiệp thay đổi phương án sử dụng vốn ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành, thậm chí có nhiều doanh nghiệp thay đổi toàn bộ phương án sử dụng vốn bằng cơ chế HĐQT quyết định theo ủy quyền.  Như vậy, trong tình huống này vô hình chung quy định về điều kiện chào bán ban đầu bị vô hiệu hóa và không thực sự đạt được mục tiêu quản lý, thị trường không thực sự công khai minh bạch.  Với thực trạng như trên, UBCKNN đã dự thảo tại Nghị định quy định về giới hạn thay đổi phải được ĐHĐCĐ chấp thuận, và đề xuất tỷ lệ 50%. Quy định tại dự thảo một mặt để tránh tình trạng “lách” quy định như trên, một mặt thúc đẩy các doanh nghiệp đánh giá, nghiên cứu xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh một cách nghiêm túc, thực tế, bám sát vào thực trạng doanh nghiệp. |
|  | ***Hình thức chào bán (Điều 7)*** | **VBF, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 4: “Tổ chức phát hành chào bán trái phiếu và các loại chứng khoán khác ra công chúng”.   + Nội dung đề nghị bổ sung, làm rõ:  Tại Khoản 1 Điều 4 Luật chứng khoán định nghĩa về chứng khoán quy định: “chứng khoán bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ……; và các loại chứng khoán khác do Chính phủ quy định”. Tuy nhiên tại Dự Thảo hiện Chính phủ chưa quy định cụ thể các loại chứng khoán khác bao gồm loại chứng khoán nào => tổ chức phát hành không xác định được phạm vi, loại hình chứng khoán khác phải áp dụng quy định của Luật chứng khoán. Do đó, đề nghị bổ sung, làm rõ phạm vi/định nghĩa/nguyên tắc xác định “loại chứng khoán khác” tại Dự Thảo.  + Về Phương thức phát hành:  Dự thảo thay thế Nghị định 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp đang quy định có 3 phương thức phát hành trái phiếu bao gồm đại lý phát hành, bảo lãnh phát hành và đấu thầu. Như vậy theo quy định này, các NHTM không được phép trực tiếp phát hành trái phiếu. | * **Giải trình:**   Tại Dự thảo Nghị định chưa quy định cụ thể các loại chứng khoán khác mà chỉ có quy định công ty chứng khoán có chào bán các sản phẩm tài chính,*“Sản phẩm tài chính* là một loại chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành được dựa trên chứng khoán cơ sở do công ty chứng khoán lựa chọn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính”  Cụ thể về sản phẩm tài chính được quy định tại thông tư của Bộ Tài chính.   * **Giải trình:**   Tại Dự thảo Nghị định quy định hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (chào bán cho trên 100 nhà đầu tư, chào bán qua phương tiện thông tin đại chúng); không có quy định cách thức phân phối trái phiếu. |
|  | ***Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần (Điều 8)*** | **Techcombank, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ nội dung quyết định của HĐQT thông qua hồ sơ đã ký hay hồ sơ dự thảo;   **VBF, HSBC**   * Khoản8:*“Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị triển khai niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán”*   Cần quy định cụ thể thời hạn niêm yết/đăng ký giao dịch đối với các trường hợp công ty cổ phần chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.  Đề xuất quy định tại Nghị định này hoặc Thông tư hướng dẫn bổ sung thời hạn tối đa bao nhiêu ngày sau khi kêt thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành phải thực hiện niêm yết/ đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch.  **VCCI**   * Điều này chỉ là hướng dẫn cụ thể thêm các nội dung chưa quy định cụ thể tại Khoản 1 Điều 18 Luật chứng khoán, do đó Điều này nên xem xét viết lại theo để rõ ý hơn, cụ thể có thể sửa theo hướng là: “Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật chứng khoán, trong đó một số hồ sơ, tài liệu được hướng dẫn cụ thể như sau: …..”. Đối với các nội dung không khác, không hướng dẫn cụ thể hơn so với quy định tại Luật chứng khoán thì không nên đưa vào Nghị định, ví dụ: Khoản 2 Điều này (Bản cáo bạch).   **NHTMCP Quân Đội**  Điều 8, 9, 13, 17 (về hồ sơ đăng ký chào bán) đều có quy định riêng đối với trường hợp “*chào bán nhằm mục đích thực hiện dự án*”  *Điều 6 “Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư…”.*  Chưa rõ việc xác định như thế nào được coi là chào bán “*nhằm mục đích thực hiện dự án*”, việc thực hiện dự án ở đây được hiểu là chỉ bao gồm chào bán để bổ sung vốn trực tiếp vào vốn đầu tư của một dự án đầu tư cụ thể (mức vốn đầu tư được ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền); hay bao gồm cả việc bổ sung vốn gián tiếp thông qua việc tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp và thực hiện dự án.  Điều này gây vướng mắc trong việc các doanh nghiệp xác định chào bán “nhằm mục đích thực hiện dự án”, để thực hiện các thủ tục hồ sơ chào bán và trách nhiệm công bố thông tin theo quy định.  Đề xuất bổ sung quy định là rõ cách xác định như thế nào được coi là chào bán “*nhằm mục đích thực hiện dự án*”, theo hướng: nhằm bổ sung vốn trực tiếp vào vốn đầu tư của một dự án cụ thể (không bao gồm việc chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi để tăng vốn điều lệ). | * **Giải trình:**   Luật Chứng khoán (Điều 18) quy định có NQ HĐQT thông qua hồ sơ chào bán với mục tiêu HĐQT phải biết và thông qua toàn bộ nội dung, tài liệu của hồ sơ chào bán trước khi gửi UBCKNN. Đây là các tài liệu chính thức đã ký và là thành phần trong hồ sơ đăng ký.   * **Giải trình:**   Thời hạn cụ thể tổ chức phát hành phải thực hiện niêm yết/ đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch được quy định tại phần niêm yết tại Nghị định (Mục 2 Chương III).   * **Giải trình:** cần thiết phải có hướng dẫn chi tiết đối với một số thành phần hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của Luật Chứng khoán, bởi các lý do sau:   + Luật Chứng khoán có quy định về thành phần hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng. Tuy nhiên, *một* số tài liệu trong hồ sơ chưa chi tiết, do đó có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc áp dụng cũng như trong quản lý của cơ quan nhà nước;  + Quy định hiện tại, thành phần hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng được hướng dẫn tại Thông tư số 162/2015/TT-BTC và có hướng dẫn chi tiết từng thành phần hồ sơ;  Tại dự thảo Nghị định có hướng dẫn cụ thể hồ sơ các hoạt động, tuy nhiên đảm bảo nguyên tắc không quy định thêm về thủ tục cũng như thành phần hồ sơ so với quy định tại Luật Chứng khoán. Đối với một số tài liệu cụ thể cần có hướng dẫn để áp dụng thống nhất, tại dự thảo Nghị định có hướng dẫn chi tiết và bổ sung các mẫu biểu cần thiết (tương tự như Thông tư 162/2015/TT-BTC); đồng thời các quy định không cần thiết phải hướng dẫn chi tiết, tại dự thảo Nghị định dẫn chiếu quy định của Luật Chứng khoán;   * **Tiếp thu:**   Quy định tại dự thảo Nghị định áp dụng đối với các trường hợp doanh nghiệp trực tiếp thực hiện dự án.  Đã chỉnh sửa nội dung trên tại Điều 11, 12, 16, 20 thành “để thực hiện dự án”  Để xác định thế nào là dự án, tại dự thảo Nghị định có bổ sung thêm khái niệm “Dự án”. Dự án được hiểu theo nội hàm của Luật đầu tư (Khoản 4 Điều 3 Luật Đầu tư):  *“Dự án* là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định” (khoản 17 Điều 3 Dự thảo Nghị định). |
|  | ***Điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông trong công ty đại chúng (Điều 10)*** | **NHTMCP Quân Đội**   * Khoản 2: Có *phương án chào bán cổ phiếu được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT hoặc HĐTV hoặc Chủ Sở hữu công ty thông qua trong trường hợp cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức*”.   Chưa làm rõ thẩm quyền thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông trong công ty đại chúng là của cấp nào (đối với công ty cổ phần).  **HOSE**   * Khoản 2: Cần nêu rõ phương án chào bán cổ phiếu gồm những nội dung gì, tương tự khoản 2 Điều 9 Dự thảo. | * **Tiếp thu:**   Việc xác định cấp thông qua việc chuyển nhượng vốn đối với cổ đông là tổ chức là công ty cổ phần phụ thuộc vào điều lệ hoạt động của tổ chức đó.  Đã chỉnh sửa nội dung này theo hướng: cấp có thẩm quyền thông qua (Điều 13, 14 Dự thảo).  *“Trường hợp cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức, phương án chào bán cổ phiếu phải được được cấp có thẩm quyền thông qua theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ của tổ chức đăng ký chào bán”* (khoản 2 Điều 13 Dự thảo)   * **Tiếp thu:** đã chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định (khoản 2 Điều 14) |
|  | ***Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông trong công ty đại chúng (Điều 11)*** | **HOSE**   * Khoản 4 “Tài liệu chứng minh cổ đông là chủ sở hữu hợp pháp số cổ phiếu đăng ký chào bán và số cổ phiếu được tự do chuyển nhượng”   Bổ sung tài liệu liên quan đến việc phong tỏa số lượng cổ phiếu để thực hiện thủ tục chào bán. Do có thể xảy ra trường hợp nhà đầu tư thực hiện bán cổ phiếu trong quá trình làm thủ tục chào bán (đối với công ty đại chúng đã được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch)  **CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ là BCTC 2 năm do tài liệu này đã được công bố do đây không phải là tài liệu của cổ đông nên cổ đông không có trách nhiệm phải nộp. | * **Giải trình:**   Bộ Tài chính thấy rằng quy định việc phong tỏa chứng khoán là không cần thiết, bởi các cổ đông bán cổ phần thông qua hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, sau khi thực hiện chào bán sẽ phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tại TTLKCK. Do đó, không thể có trường hợp cổ đông bán chui số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu khi đã đăng ký vì như vậy hồ sơ đăng ký chào bán của cổ đông là không thực và bị xử lý theo quy định.   * **Giải trình:**   Theo Luật Chứng khoán, cổ đông có trách nhiệm đăng ký chào bán chứng khoán với UBCKNN;  Hồ sơ đăng ký chào bán phải đáp ứng điều kiện theo quy định, trong đó có quy định về điều kiện nhằm đánh giá chất lượng cổ phiếu: hoạt động kinh doanh có lãi, không lỗ lũy kế của công ty có cổ phiếu được chào bán. Để xem xét các điều kiện trên đòi hỏi phải có BCTC. |
|  | ***Chào bán cổ phiếu ra công chúng để chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần (Điều 12, 13)*** | **HOSE**   * Khoản 3 Điều 12: “Các thành viên góp vốn hoặc Chủ sở hữu công ty phải cam kết cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của tổ chức phát hành tối thiểu là 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán”   Cần xác định rõ 20% vốn điều lệ căn cứ vào vốn điều lệ của công ty TNHH đang nộp hồ sơ xin phép hay vốn điều lệ của công ty cổ phần dự kiến sau phát hành | * **Giải trình:**   Quy định này nhằm tương ứng với quy định về chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán. |
|  | ***Điều kiện công ty đại chúng chào bán cổ phiếu ra công chúng dưới mệnh giá (Điều 14)*** | **CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 1 Điều 14: Đề nghị cân nhắc điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt việc chào bán cổ phiếu ra công chúng từ ĐHĐCĐ xuống HĐQT để đảm bảo tính khả thi | * **Giải trình:**   Quy định này tương ứng với quy định tại Luật Chứng khoán (Khoản 2 Điều 17) về thẩm quyền thông qua phương án chào bán của công ty đại chúng chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. |
|  | ***Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng (Điều 16)*** | **BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 1 – Điều 16 Quy định tại Dự Thảo: Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán;   Đề nghị làm rõ: Đề nghị bổ sung hướng dẫn cách thức mở và sử dụng tài khoản phong tỏa; Dự Thảo chỉ quy định việc Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa tại ngân hàng => Trường hợp Tổ chức phát hành là ngân hàng thương mại thì có phải mở tài khoản ở bên thứ ba không? Tổ chức phát hành có được quyền mở tài khoản phong tỏa tại NHTM mà Tổ chức phát hành đó là cổ đông hay không?.  **BIDV, NHTMCP Quân Đội, VCCI, CLB Pháp chế Ngân hàng; CK Bảo Việt**  Khoản 2 – Điều 16 Quy định tại Dự Thảo: *“Có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm về tổ chức phát hành của tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong các trường hợp sau:*  *a) Tổng giá trị trái phiếu huy động trong mỗi 12 tháng lớn hơn 100% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán chấp thuận;*  *b) Tổng dư nợ trái phiếu tính đến thời điểm đăng ký chào bán lớn hơn 200% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán chấp thuận”*   * Đề nghị bổ sung, làm rõ các nội dung sau (NHTMCP Quân Đội):   + Tổng giá trị trái phiếu huy động ở đây chỉ bao gồm giá trị trái phiếu mà tổ chức phát hành chào bán ra công chúng trong 12 tháng, hay bao gồm toàn bộ giá trị trái phiếu khác mà tổ chức phát hành chào bán trong 12 tháng đó (bao gồm cả chào bán riêng lẻ).  + Tổng giá trị trái phiếu huy động ở đây có tính bao gồm cả giá trị của đợt chào bán đang dự kiến thực hiện chào bán hay chỉ tính riêng trên tổng giá trị trái phiếu mà doanh nghiệp đã chào bán 12 tháng.   * Bổ sung báo cáo xếp hạng tín nhiệm bao gồm cả báo cáo của các tổ chức xếp hạng quốc tế (Moody, S&P, Fitch…) do (BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng) : (1) số lượng tổ chức định hạng tín nhiệm trong nước hiện còn hạn chế (mới có 1 tổ chức định hạng được cấp phép), đồng thời mức độ uy tín và chấp nhận sử dụng định hạng của tổ chức này đối với các nhà đầu tư trên thị trường cũng chưa cao, cần thời gian để tạo uy tín và định vị; (2) các tổ chức định hạng quốc tế đều là các tổ chức có uy tín, tên tuổi, được nhiều nhà đầu tư chuyên nghiệp sử dụng định hạng làm tham chiếu trong quá trình đưa ra quyết định đầu tư => để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư, ý nghĩa và hiệu quả của việc đưa quy định định hạng tín nhiệm vào điều kiện phát hành của doanh nghiệp, đề nghị bổ sung thêm định hạng của các tổ chức quốc tế. * Đề nghị sửa đổi điều kiện có kết quả sếp hạng tín nhiệm theo 01 trong 02 án sau (**Fiingroup):**   + Phương án 1: Các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm.  + Phương án 2: sửa lại điều kiện tại khoản 2 Điều 16  “- Tổng giá trị trái phiếu huy động trong 12 tháng gần nhất bao gồm đợt phát hành dự kiến lớn hơn 10% VCSH...”  -Thay tổng dư nợ trái phiếu bằng tổng nợ vay và tổng nợ vay này có giá trị lớn hơn 50% VCSH”   * Đề nghị xem lại quy định này để có thời gian chuyển tiếp (VCCI, CK Bảo Việt): khoảng 2 năm mới áp dụng quy định này vì số lượng các công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy CN đủ điều kiện kinh doanh xếp hạng tín nhiệm còn rất hạn chế và là các công ty mới, chưa có kinh nghiệm và uy tín trên thị trường. * Đối với số liệu vốn chủ sở hữu làm căn cứ tính toán các tỷ lệ phát hành (BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng): đề nghị bổ sung cho phép sử dụng số liệu BCTC soát xét bán niên để đảm bảo cập nhật và phản ánh được năng lực tài chính thực tế của doanh nghiệp phát hành tại thời điểm gần nhất.   **HOSE**   * Điểm b khoản 2 Điều 16: Tổng dư nợ trái phiếu tính đến thời điểm đăng ký chào bán **lớn hơn** 200% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán chấp thuận   Chưa rõ lý do, mục đích yêu cầu của việc nợ càng nhiều thì mới được chào bán? | * **Tiếp thu:**   Dự thảo Nghị định đăng tải website không quy định nội dung này (đưa xuống hướng dẫn tại Dự thảo Thông tư hướng dẫn về chào bán, phát hành). Tiếp thu ý kiến của TVTT, Dự thảo Nghị định đã bổ sung tại khoản 1 Điều 8: *“Ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành. Tài khoản phong tỏa không được trùng với tài khoản thanh toán của tổ chức phát hành”*  Người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán (khoản 46 Điều 4), người có liên quan đến doanh nghiệp bao gồm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.   * **Giải trình:**   + Tại dự thảo quy định tổng giá trị trái phiếu trong 12 tháng, bao gồm chào bán ra công chúng và chào bán riêng lẻ.   * **Tiếp thu:** qua quá trình hội thảo và tiếp thu ý kiến của thành viên thi trường, Bộ Tài chính sửa đổi khoản 2 Điều 19 như sau:  1. *Có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm về tổ chức phát hành của tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong các trường hợp sau:* 2. *Tổng giá trị trái phiếu huy động trong mỗi 12 tháng lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và lớn hơn 500 tỷ đồng;* 3. *Tổng dư nợ trái phiếu tính đến thời điểm đăng ký chào bán lớn hơn 100% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.*  * **Tiếp thu:**   Tiếp thu ý kiến của VCCI, Bộ Tài chính đã bổ sung vào điều khoản chuyển tiếp thời gian áp dụng quy định này sau 02 năm kể từ ngày Nghị định có hiệu lực (Điều khoản chuyển tiếp Dự thảo)   * **Tiếp thu:** Chỉnh sửa tại Dự thảo Nghị định (khoản 2 Điều 19) * **Giải trình:**   Quy định này tại dự thảo Nghị định nhằm xác định ngưỡng bắt buộc phải có xếp hạng tín nhiệm, nhằm hạn chế tình trạng các doanh nghiệp có mức tín nhiệm thấp nhưng huy động vốn tràn làn, nhà đầu tư không có thông tin để đánh giá mức độ rủi ro |
|  | ***Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng (Điều 17)*** | **CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Điểm b khoản 2 Điều 17: việc xác định tỷ lệ thành công. Đề nghị bỏ quy định này để doanh nghiệp chủ động sắp xếp các phương án huy động vốn.   **BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Theo Dự thảo Nghị định, chỉ công ty chứng khoán mới được phép cung ứng dịch vụ tư vấn phát hành TPDN. Bản thân các NHTM khi muốn phát hành trái phiếu cũng sẽ phải chỉ định công ty chứng khoán làm tổ chức tư vấn. Trong thực tế, với năng lực, kinh nghiệm của mình, trong thời gian qua BIDV đã triển khai phát hành trực tiếp thành công nhiều đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Do vậy, BIDV kiến nghị xem xét điều chỉnh Khoản 5 Điều 17 của Dự thảo như sau: *“Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng với công ty chứng khoán hoặc ngân hàng thương mại, trừ trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty chứng khoán hoặc ngân hàng thương mại”* (ý kiến tương tự tại Khoản 3 Điều 19 Dự thảo).   **CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 9 Điều 17: Đề nghị làm rõ việc triển khai niêm yết/đăng ký giao dịch có bị trùng với quy định tại Khoản 3 Điều 17 không. | * **Giải trình:**   + Quy định này được kế thừa quy định cũ và trong quá trình thực hiện không có vướng mắc phát sinh.  + Việc xác định rõ tỷ lệ chào bán thành công hoặc số tiền tối thiểu cần thu được trong đợt chào bán là quyền chủ động của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể xác định tỷ lệ thành công là 0% hay con số khác; bên cạnh đó có phương án bù đắp phần thiếu hụt và công bố cho nhà đầu tư   * **Giải trình:**   Theo quy định tại Luật Chứng khoán, chỉ công ty chứng khoán được cung cấp dịch vụ tư vấn chào chứng khoán (Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán được cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán – Điều 86 Luật Chứng khoán)  Quy định tại Luật Chứng khoán cũng chỉ loại trừ công ty chứng khoán khi chào bán không phải có tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán (Điều 15 Luật Chứng khoán).   * **Giải trình:**   Thẩm quyền thông qua hai vấn đề này này khác nhau: ĐHĐCĐ thông qua chủ trương việc NY/ĐKGD (khoản 3) và HĐQT cam kết việc triển khai việc NY/ĐKGD theo đúng quyết định của ĐHĐCĐ (khoản 9) |
|  | ***Điều kiện chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng (Điều 18)*** | **CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 1: Đề nghị điều chỉnh thẩm quyền thông qua phương án phát hành là HĐQT thay cho ĐHĐCĐ.   **TPBank, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 6*“Đối với đợt chào bán ra công chúng nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án của tổ chức phát hành, số lượng trái phiếu bán được phải đạt tối thiểu là 70% số trái phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án. Tổ chức phát hành phải có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án”.*   TPBank kính đề nghị Quý Cơ quan kiến nghị Ban soạn thảo xem xét không nên ấn định tỷ lệ này nhằm tạo điều kiện cho Tổ chức phát hành chủ động lựa chọn phương án. Trường hợp bắt buộc ấn định tỷ lệ 70% thì Dự thảo cần bổ sung quy định ngay tại phương án phát hành, Tổ chức phát hành cần quy định rõ các biện pháp xử lý nếu đợt phát hành không đạt được tỷ lệ nêu trên để các nhà đầu tư đều có cơ sở nắm bắt được thông tin. | * **Giải trình:**   Thẩm quyền thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc ĐHĐCĐ và đã được quy định tại Luật Chứng khoán (khoản 4 Điều 15 Luật Chứng khoán)   * **Giải trình:**   Tỷ lệ chào bán thành công 70% đã được quy định tại Luật Chứng khoán (khoản 2 Điều 15 Luật Chứng khoán) |
|  | ***Điều kiện chào bán trái phiếu có đảm bảo ra công chúng (Điều 20)*** | **BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Về thẩm quyền ban hành quy định Điều 20 Dự Thảo: Theo quy định tại Luật Chứng khoán, điều kiện chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng không thuộc trường hợp được Chính phủ hướng dẫn. Do đó, đề nghị xem lại thẩm quyền của Chính phủ trong việc hướng dẫn quy định này.   **BIDV, TPBank, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Về bảo lãnh thanh toán:   + Điểm a Khoản 2 (BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng): Đề nghị sửa cụm từ “Bảo lãnh thanh toán của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” thành “bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” để đảm bảo tính chính xác.  + Đề nghị xem xét mở rộng thêm các hình thức bảo lãnh khác (TPBank): như bảo lãnh của công ty mẹ hoặc bảo lãnh của bên thứ ba, ngoài bảo lãnh thanh toán của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhằm tạo điều kiện hơn nữa cho các tổ chức phát hành chào bán trái phiếu có đảm bảo ra công chúng.  **BIDV, TPBank**   * Về bảo đảm bằng tài sản (Khoản 2):   + Về giá trị tài sản bảo đảm (BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng) Điểm b Khoản 2: Dự thảo quy định, trường hợp trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản của tổ chức phát hành, tài sản của bên thứ ba. Giá trị tài sản bảo đảm tối thiểu bằng 130% tổng giá trị trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản. Theo BIDV, việc Dự thảo quy định cụ thể mức giá trị tài sản bảo đảm tối thiểu mang tính cứng nhắc, hạn chế quyền thỏa thuận, lựa chọn của các bên trong giao dịch và chưa phù hợp với tinh thần của Bộ luật Dân sự. Cụ thể, Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: Giá trị của tài sản bảo đảm có thể lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm (Khoản 4 Điều 295); và Nghĩa vụ có thể được bảo đảm một phần hoặc toàn bộ theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận và pháp luật không quy định phạm vi bảo đảm thì nghĩa vụ coi như được bảo đảm toàn bộ, kể cả nghĩa vụ trả lãi, tiền phạt và bồi thường thiệt hại (Điều 293). Trên thực tế, có những giao dịch vay nợ/phát hành trái phiếu, tỷ lệ bảo đảm có thể thấp hơn 100% giá trị phát hành (tương đương với việc tổ chức phát hành có thể huy động một tỷ trọng nhất định trái phiếu không có bảo đảm dựa trên uy tín và năng lực của mình, đối với một số tổ chức uy tín, có thể phát hành trái phiếu với tỷ lệ bảo đảm thấp hơn tổng mệnh giá phát hành… Vì vậy, để đảm bảo thống nhất với các quy định của Bộ Luật Dân sự và phù hợp với điều kiện thực tiễn, BIDV đề nghị Ban soạn thảo lược bỏ quy định về giá trị tài sản bảo đảm tối thiểu bằng 130% tổng giá trị trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản và sửa thành: “tỷ lệ bảo đảm được tổ chức phát hành công bố công khai tại tài liệu phát hành để nhà đầu tư xem xét, đánh giá khả năng tham gia mua trái phiếu”.  + (TPBank) Tỷ lệ này thực chất là nội dung về thương mại căn cứ trên cơ sở thỏa thuận giữa tổ chức phát hành và các nhà đầu tư. Đề nghị xem xét không ấn định tỷ lệ như tại Dự thảo mà cho phép tổ chức phát hành và nhà đầu tư tự thỏa thuận về tỷ lệ này để thuận lợi cho các bên khi tham gia vào giao dịch đầu tư trái phiếu.  + Về việc định giá tài sản bảo đảm (BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng): Việc sử dụng định giá độc lập (đơn vị có chức năng thẩm định giá) tùy thuộc vào loại tài sản và giá trị tài sản. Hiện loại tài sản sử dụng định giá của đơn vị có chức năng thẩm định giá thường là bất động sản. Tài sản là cổ phiếu niêm yết sẽ được đại lý quản lý tài sản bảo đảm (thông thường là các công ty chứng khoán hoặc NHTM - không phải là đơn vị có chức năng thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính) định giá trên cơ sở giá trị giao dịch thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán. Do đó, đề nghị xem xét, sửa đổi lại quy định này, cụ thể: “Tài sản bảo đảm phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá (nếu bắt buộc theo quy định của pháp luật liên quan)…”  + Về việc đăng ký giao dịch bảo đảm (BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng): Theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm (Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm (và các văn bản sửa đổi) và Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 v/v đăng ký biện pháp bảo đảm) quy định các trường hợp bắt buộc đăng ký giao dịch bảo đảm và các trường hợp đăng ký giao dịch bảo đảm khi có yêu cầu (giữa bên bảo đảm, bên được bảo đảm và bên nhận bảo đảm). Do đó, để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành về giao dịch bảo đảm, kiến nghị Chính phủ sửa đổi tương tự quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012, cụ thể: “Tài sản dùng bảo đảm được đăng ký và xử lý theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm”.  **BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Về bảo đảm bằng nguồn thu (điểm c khoản 2 Điều 20)   + Cơ sở xác định nguồn thu của tổ chức phát hành đủ để thanh toán gốc, lãi trái phiếu (BIDV): Việc bảo đảm thanh toán bằng nguồn thu thông thường sẽ phát sinh từ các hợp đồng bán hàng/dự án trong tương lai (tài sản hình thành trong tương lai) => tại thời điểm phát hành, tổ chức phát hành không thể có đủ hồ sơ, hợp đồng, chứng từ để tính toán, chứng minh điều kiện này. Do đó, đề nghị bỏ nội dung “Nguồn thu của tổ chức phát hành phải đủ thanh toán gốc và lãi trái phiếu” do không có cơ sở để xác định. Đồng thời, sửa Khoản 4, Điều 22 như sau: “Tài liệu chứng minh các nguồn thu để đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu trong trường hợp bảo đảm thanh toán bằng nguồn thu” (xóa bỏ từ “đủ”).  + (CLB Pháp chế Ngân hàng) Khoản 2 Điều 295 Bộ Luật Dân sự quy định “Tài sản bảo đảm có thể được mô tả chung, nhưng phải xác định được”. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo bỏ quy định tại điểm này.  **BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 3 Điều 20 Dự Thảo quy định điều kiện chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng: “Tổ chức phát hành phải chỉ định đại diện người sở hữu trái phiếu để giám sát việc thực hiện các cam kết của tổ chức phát hành”.   Đồng thời tại khoản 8, Điều 3 quy định: Đại diện người sở hữu trái phiếu là thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được tổ chức phát hành chỉ định đại diện quyền lợi cho chủ sở hữu trái phiếu”.  Khoản 2(d) Điều 21 quy định trách nhiệm của đại diện người sở hữu trái phiếu: “Thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm theo đúng điều khoản hợp đồng đã ký kết”.  Nội dung vướng mắc cần kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung:   * Đối với trái phiếu có tài sản bảo đảm, chức năng giám sát tổ chức phát hành thực hiện các cam kết liên quan đến biện pháp bảo đảm thuộc về đại lý quản lý tài sản bảo đảm. Bên cạnh việc giám sát tổ chức phát hành thực hiện các cam kết liên quan đến tài sản bảo đảm, đại lý còn là bên đại diện người sở hữu trái phiếu để nhận thế chấp/cầm cố tài sản bảo đảm, công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, xử lý tài sản, phân bổ tiền thu được từ việc xử lý tài sản cho các bên liên quan… Thông thường, đại lý quản lý tài sản bảo đảm có thể là NHTM hoặc Công ty Chứng khoán, tùy thuộc vào loại tài sản được nhận bảo đảm. Cụ thể, NHTM có thể nhận bảo đảm đối với mọi loại tài sản được phép tham gia giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đối với tài sản bảo đảm là bất động sản hoặc tài sản hình thành trong tương lai từ bất động sản, theo quy định của pháp luật, Công ty chứng khoán không thể tham gia giao dịch với vai trò nhận bảo đảm hoặc xử lý tài sản bảo đảm. * Với quy định đại diện người sở hữu trái phiếu phải là thành viên lưu ký của VSD => phần lớn đại diện người sở hữu trái phiếu sẽ là công ty chứng khoán và 1 số ít các ngân hàng được cấp phép riêng để thực hiện nghiệp vụ lưu ký. Với đặc điểm thiên về việc triển khai dịch vụ lưu ký, bản chất các thành viên lưu ký cũng không phải là đơn vị chuyên nghiệp để thực hiện dịch vụ đại diện nhận tài sản bảo đảm, quản lý và xử lý tài sản bảo đảm khi phát sinh sự kiện vi phạm.   + Quy định hiện tại của Dự Thảo là chưa phù hợp với vai trò, trách nhiệm, năng lực của các bên tham gia vào giao dịch phát hành trái phiếu để đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư. Do đó, để đảm bảo tính phù hợp với thực tế triển khai, bảo vệ quyền và lợi ích của nhà đầu tư, kiến nghị Chính phủ sửa đổi điều này như sau:  + Khoản 3 Điều 20 Dự Thảo quy định điều kiện chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng: “Tổ chức phát hành phải chỉ định đại diện người sở hữu trái phiếu và/hoặc đại lý quản lý tài sản bảo đảm và/hoặc bên thứ ba có chức năng nhận, quản lý tài sản bảo đảm để giám sát việc thực hiện các cam kết của tổ chức phát hành”. | * **Giải trình:**   Khoản 6 Điều 15 Luật Chứng khoán có giao Chính phủ hướng dẫn các hoạt động chào bán, phát hành khác.   * **Tiếp thu:**   Đã chỉnh sửa lại Nghị định: “bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” (điểm a Khoản 2 Điều 23 và khoản 2 Điều 25 Dự thảo)   * **Giải trình:** Quy định tại Dự thảo Nghị định không quy định việc bảo lãnh thanh toán của công ty mẹ hay bên thứ 3: do đây là hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, đối tượng chịu tác động rộng, do đó đòi hỏi mức độ đảm bảo uy tín cao hơn so với các hình thức khác. Trường hợp công ty mẹ, bên thứ 3 có thể bảo đảm thanh toán cho tổ chức phát hành theo hình thức bảo đảm bằng tài sản quy định tại khoản b điểm này. * **Tiếp thu:**   Đã chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định nội dung này theo hướngtổ chức phát hành có thể lựa chọn bảo đảm một phần giá trị trái phiếu; đồng thời không quy định cụ thể về tỷ lệ đảm bảo; thông tin này dự kiến sẽ được đưa vào Bảo cáo bạch để nhà đầu tư được biết và đánh giá rủi ro khi đầu tư (khoản 2 Điều 23 Dự thảo Nghị định).   * **Giải trình:**   Theo quy định tại Điều 306 Bộ Luật dân sự, *“bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm có quyền thỏa thuận về giá tài sản bảo đảm hoặc định giá thông qua tổ chức định giá tài sản khi xử lý tài sản bảo đảm. Trường hợp không có thỏa thuận thì tài sản được định giá thông qua tổ chức định giá tài sản”*  Quy tại Bộ Luật dân sự nhằm mục đích xác định giá trị tài sản phù hợp với giá thị trường.  Quy định tại dự thảo Nghị định yêu cầu tất cả các tải sản đảm bảo phải được định giá bởi tổ chức định giá bởi các lý do sau:  + Việc xác định tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành cho việc thanh toán trái phiếu được xác định trước khi chào bán, tức là khi đó chưa xác định được người sở hữu trái phiếu. Do vậy, chưa xác định được chính xác danh tính của bên nhận bảo đảm để có sự thỏa thuận về giá tài sản đảm bảo;  + Ngoài ra, việc có bên thứ 3 có chức năng chuyên môn xác định về giá trị tài sản đảm bảo tính khách quan; đảm bảo theo đúng mục tiêu quy định về vấn đề này của Bộ Luật Dân sự;  + Bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư công chúng;   * **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa lại dự thảo Nghị định (khoản 2 Điều 23).   *“Tài sản bảo đảm phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá và được đăng ký, xử lý theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm”*   * **Tiếp thu:**   Đã bổ sung dự thảo Nghị định về trách nhiệm của tổ chức phát hành trong việc xác định rõ nguồn thu và các biện pháp quản lý nguồn thu tại điểm c khoản 2 Điều 23 *“Bảo đảm bằng nguồn thu của tổ chức phát hành. Tổ chức phát hành có trách nhiệm xác định rõ nguồn thu và các biện pháp quản lý nguồn thu để đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu”*   * **Giải trình:** Đã bổ sung quy định *“Tổ chức phát hành có trách nhiệm xác định rõ nguồn thu và các biện pháp quản lý nguồn thu để đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu”* * **Tiếp thu:**   Vướng mắc đưa ra của BIDV liên quan đến việc nhận tài sản đảm bảo. Tiếp thu ý kiến của BIDV, Bộ Tài chính giữ nguyên quy định tại khoản 3 Điều 23 về việc chỉ định đại diện người sở hữu trái phiếu và chỉnh sửa về trách nhiệm của Đại diện người sở hữu trái phiếu liên quan đến tài sản bảo đảm như sau:  *“Trường hợp trái phiếu được bảo đảm thanh toán bằng phương thức bảo đảm bằng tài sản, Đại diện người sở hữu trái phiếu là tổ chức nhận thế chấp, cầm cố tài sản bảo đảm. Trường hợp đại diện người sở hữu trái phiếu không được nhận thế chấp, cầm cố tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm, Đại diện người sở hữu trái phiếu phải chỉ định bên thứ ba nhận tài sản bảo đảm và có hợp đồng nhận tài sản bảo đảm giữa tổ chức phát hành, chủ sở hữu tài sản bảo đảm, Đại diện người sở hữu trái phiếu và bên nhận tài sản bảo đảm; trong đó hợp đồng quy định đầy đủ quyền, nghĩa vụ của các bên có liên quan”*  (điểm g khoản 2 Điều 24 Dự thảo Nghị định) |
|  | ***Đại diện người sở hữu trái phiếu (Điều 21)*** | **BIDV, Sở GDCK Hà Nội, CLB Pháp chế Ngân hàng, CK Bảo Việt**   * Khoản 1 Điều 21: Dự thảo quy định: *“Đại diện người sở hữu trái phiếu là thành viên lưu ký được tổ chức phát hành chỉ định đại diện cho người sở hữu trái phiếu và không phải là tổ chức bảo lãnh thanh toán nợ của tổ chức phát hành, cổ đông lớn, người có liên quan của tổ chức phát hành”,* để đảm bảo tính chính xác và phù hợp với điều kiện thực tiễn, BIDV đề nghị thay cụm từ “bảo lãnh thanh toán nợ” trong câu trên thành **“bảo lãnh thanh toán chính trái phiếu đó”.** Lý do đề nghị sửa đổi:   + Về mặt thuật ngữ, pháp luật hiện hành không có khái niệm “bảo lãnh thanh toán nợ”, theo Khoản 1 Điều 335 Bộ Luật Dân sự, Bảo lãnh là việc người thứ ba cam kết với bên có quyền sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ, nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; và theo Khoản 18 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc tổ chức tín dụng sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho tổ chức tín dụng theo thỏa thuận.  + Xét về mặt bản chất, quan hệ giữa tổ chức phát hành với tổ chức bảo lãnh thanh toán hoặc bên thứ 3 cho tổ chức phát hành vay vốn nói chung đều như nhau, vì vậy, nếu Dự thảo chỉ hạn chế tổ chức bảo lãnh thanh toán của tổ chức phát hành làm người đại diện người sở hữu trái phiếu mà không hạn chế những bên cho vay khác là chưa thực sự công bằng, hợp lý và không hạn chế được sự liên quan giữa bên cấp tín dụng (cho vay, bảo lãnh) với tổ chức phát hành.  + Ngoài ra, các quan hệ cấp tín dụng khác (cho vay, bảo lãnh, bảo lãnh thanh toán trái phiếu khác) giữa tổ chức tín dụng và tổ chức phát hành độc lập với quan hệ bảo lãnh thanh toán trái phiếu đang xem xét, việc Dự thảo hạn chế tổ chức bảo lãnh thanh toán cho tổ chức phát hành làm đại diện người sở hữu trái phiếu sẽ khiến cho tổ chức phát hành ít cơ hội hơn trong việc lựa chọn người đại diện người sở hữu trái phiếu.  Như vậy, căn cứ các phân tích trên đây, BIDV đề nghị, trong trường hợp cần thiết, chỉ hạn chế tổ chức cấp bảo lãnh cho chính trái phiếu, cổ đông lớn và người có liên quan của tổ chức phát hành làm người đại diện cho người sở hữu trái phiếu nhằm đảm bảo tính độc lập, hạn chế xung đột lợi ích với người sở hữu trái phiếu.   * Khoản 2(d) Điều 21 quy định: trách nhiệm của đại diện người sở hữu trái phiếu: sửa đổi nội dung thành: “Thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm theo đúng điều khoản hợp đồng đã ký kết (nếu có)”.   **NHTMCP Quân đội**   * Dự thảo mới quy định về quyền của tổ chức phát hành chỉ định đại diện người sở hữu trái phiếu. Tuy nhiên chưa có quy định về cơ chế người sở hữu trái phiếu được phép chỉ định lại, thay đổi, thay thế người đại diện sở hữu trái phiếu hay không (trong khi đại diện người sở hữu trái phiếu là tổ chức hoạt động để bảo vệ quyền lợi của người sở hữu trái phiếu). * Đề xuất bổ sung quy định về cơ chế cho phép người sở hữu trái phiếu được phép chỉ định lại, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu theo yêu cầu nhằm bảo đảm quyền lợi của người sở hữu trái phiếu, đặc biệt là trong các trường hợp đại diện người sở hữu trái phiếu do tổ chức phát hành chỉ định không hành động vì lợi ích của người sở hữu trái phiếu. | * **Tiếp thu:**   Vướng mắc đưa ra của BIDV liên quan đến việc quy định bao quát các trường hợp, đảm bảo sự bình đẳng, hợp lý giữa bên cho vay đối với tổ chức phát hành. Tiếp thu ý kiến của BIDV, đã chỉnh sửa quy định này tại khoản 1 Điều 24 dự thảo Nghị định như sau:  *“1. Đại diện người sở hữu trái phiếu do tổ chức phát hành chỉ định không phải là chủ nợ, tổ chức bảo lãnh thanh toán của tổ chức phát hành hoặc cổ đông lớn hoặc người có liên quan của tổ chức phát hành”*   * **Tiếp thu:**   Đã chỉnh sửa quy định này tại điểm d khoản 2 Điều 24 dự thảo Nghị định như sau:  *“Thay mặt người sở hữu trái phiếu thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm theo theo đúng điều khoản hợp đồng đã ký kết và các quy định pháp luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự”*   * **Tiếp thu:**   Đã bổ sung quy định về cơ chế thay Đại diện người tại khoản 3 Điều 24 dự thảo Nghị định như sau:  *“3. Đại diện người sở hữu trái phiếu được thay đổi khi được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại trở lên chấp thuận”* |
|  | ***Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng (Điều 22)*** | **BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 2 *“Văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp trái phiếu có bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán”*   Nội dung đề nghị bổ sung: các tổ chức bảo lãnh thanh có thể là các ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã và công ty tài chính (trừ công ty tài chính chuyên ngành), các tổ chức bảo lãnh quốc tế (CGIF, Guarantco…) hoặc các tổ chức tài chính có chức năng bảo lãnh thanh toán khác theo quy định của pháp luật. Do đó, để đảm bảo tính tổng quát, đề nghị sửa đổi thành: “Văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc tổ chức bảo lãnh khác trong trường hợp trái phiếu có bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán”.  **Techcombank, BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Về tổ chức nhận tài sản bảo đảm:   **+ (**Techcombank**)** Đề nghị bổ sung quy định về tổ chức nhận tài sản bảo đảm? Quy định pháp luật hiện nay có điểm bất cập: Tổ chức tín dụng bị hạn chế đầu tư trái phiếu (không đầu tư vào trái phiếu có mục đích cơ cấu nợ; góp vốn/mua cổ phần). Đối với TSBĐ là BĐS: theo quy định tại Luật Đất đai BĐS chỉ được thế chấp cho ngân hàng. Đề xuất CTCK được nhận TSBĐ, quản lý và sử dụng TSBĐ hoặc ủy quyền cho bên thứ 3 thực hiện.  + (BIDV, CLB Pháp chế Ngân hàng): Khoản 3 *“Tài liệu chứng minh tài sản thuộc sở hữu của tổ chức* phát *hành hoặc bên bảo đảm, hợp đồng bảo hiểm tài sản (nếu có), hợp đồng bảo đảm giữa tổ chức phát hành với bên bảo đảm (trường hợp đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba), chứng thư thẩm định giá còn hiệu lực, văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản dùng để bảo đảm trong trường hợp bảo đảm bằng tài sản”.*  Nội dung vướng mắc cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung:  (1) Hợp đồng bảo đảm là hợp đồng được ký kết giữa bên được bảo đảm (tổ chức phát hành), bên bảo đảm (là tổ chức phát hành hoặc bên thứ ba) và bên nhận bảo đảm (là đại lý quản lý tài sản bảo đảm) => nội dung Dự Thảo về “hợp đồng bảo đảm giữa tổ chức phát hành với bên bảo đảm (trường hợp đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba)” chưa đầy đủ, đề nghị sửa đổi thành “hợp đồng bảo đảm giữa tổ chức phát hành, bên bảo đảm (trường hợp đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba) và bên nhận bảo đảm”. Trong đó, bên nhận bảo đảm có thể là đại lý quản lý tài sản bảo đảm hoặc đại diện người sở hữu trái phiếu.  (2) Bổ sung từ “(nếu có”) áp dụng đối với “văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản dùng để bảo đảm trong trường hợp bảo đảm bằng tài sản” do không phải tài sản nào cũng bắt buộc phải đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. | * **Tiếp thu:**  đã chỉnh sửa nội dung này tại khoản 2 Điều 25 Dự thảo Nghị định.   *“Văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp trái phiếu có bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán”*   * **Tiếp thu:**   đã bổ sung quy định về điều kiện chào bán có thể sử dụng bên thứ 3 nhận tài sản bảo đảm trong trường hợp Đại diện người sở hữu trái phiếu không được phép nhận tài sản bảo đảm.  Do đó, tại thành phần hồ sơ đăng ký, Dự thảo Nghị định đã được bổ sung như sau:  *“Hợp đồng nhận cầm cố, thế chấp tài sản bảo đảm giữa tổ chức phát hành, chủ sở hữu tài sản bảo đảm, Đại diện người sở hữu trái phiếu và bên nhận tài sản bảo đảm”* (khoản 3 Điều 25 Dự thảo Nghị định);   * **Tiếp thu:** Đã bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định (khoản 3 Điều 25)   “hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm giữa tổ chức phát hành trái phiếu với bên sở hữu tài sản bảo đảm (trường hợp bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba)”   * **Tiếp thu:** Đã bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định (thêm cụm từ nếu có) |
|  | ***Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng cho nhiều đợt chào bán (Điều 25)*** | **CLB Pháp chế Ngân hàng, CK Bảo Việt**   * Khoản 2: Quy định tại khoản này có thể dẫn đến cách hiểu: (i) TCTD không cần đáp ứng điều kiện tại điểm b hay (ii) đối với các doanh nghiệp không phải TCTD thì thời gian chào bán cho nhiều đợt có thể nhiều hơn 12 tháng.   **NHTMCP Quân Đội**   * Khoản 3 “*3. Thời gian chào bán của từng đợt không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng”.* * Chưa rõ thời hạn 12 tháng quy định tại Dự thảo là thời điểm bắt đầu chào bán của đợt gần nhất hay thời điểm kết thúc chào bán của đợt gần nhất. * Đề xuất bổ sung quy định rõ thời điểm bắt đầu tính thời hạn 12 tháng: là thời điểm bắt đầu chào bán của đợt gần nhất hay thời điểm kết thúc chào bán của đợt gần nhất. | **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa Nghị định (khoản 2 Điều 28 Dự thảo) như sau:  *“Tổ chức tín dụng thực hiện chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng chung cho nhiều đợt phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều này. Tổ chức tín dụng chỉ được đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng cho nhiều đợt trong thời hạn 12 tháng”*   * **Giải trình:**   Khoảng cách giữa các đợt chào bán được xác định từ ngày hoàn thành đợt trước đến ngày bắt đầu đợt sau |
|  | ***Chào bán chứng khoán của công ty hình thành sau quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp (Điều 27, Điều 28 và Điều 29)*** | **Sở GDCK Hà Nội**   * Về việc sử dụng Báo cáo thổng hợp thông tin tài chính theo quy ước: Nhất trí với Dự thảo bởi báo cáo này có thể giúp các nhà đầu tư có cái nhìn rõ hơn về tác động của việ tái cơ cấu doanh nghiệp đến tình hình tài chính của doanh nghiệp | **Tiếp thu ý kiến** |
|  | ***Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng tại Việt Nam của doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (Điều 34)*** | **CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 3: Đề nghị làm rõ “tài liệu dự án đầu tư tại Việt Nam” bao gồm các tài liệu gì? | **Tiếp thu:**  Đã chỉnh sửa Dự thảo Nghị định thành phần hồ sơ này theo hướng cụ thể hóa tài liệu này là: Giấy chứng nhận đầu tư |
|  | ***Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán ra công chúng (Điều 38)*** | **Techcombank, CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Đề nghị quy định cụ thể về việc doanh nghiệp được giải tỏa tiền thu được từ đợt chào bán: là thời điểm nhận được thông báo bằng văn bản hoặc thông tin nhận được trên website UBCKNN   (ý kiến tương tự đối với các hoạt động phát hành khác cần phải có tài khoản phong tỏa tại Điều 46, 66) | **Giải trình:**   * Quy định tại Dự thảo Nghị định việc được giải tỏa tiền tại tài khoản phong tỏa khi có thông báo của UBCKNN (không quy định việc nhận được văn bản thông báo). Thông báo của UBCKNN có thể bằng văn bản hoặc thông báo trên website của UBCKNN. |
|  | ***Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm theo chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Điều 40)*** | **VBF, Sở GDCK Hà Nội**   * Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được giao cho tổ chức phát hành & công ty quản lý quỹ:   + (VBF) Đề nghị giao cho tổ chức tài chính trung gian (như CTCK, CTQLQ) hoặc cơ quan quản lý xác định đối tượng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Tổ chức phát hành chỉ có thể xác định đối tượng NĐT chứng khoán chuyên nghiệp khi chào báo sơ cấp, còn giao dịch thứ cấp giữa các nđt chứng khoán chuyên nghiệp với nhau cần bên thứ ba xác định nđt chứng khoán chuyên nghiệp. Tổ chức phát hành không thể tiếp tục xác định các nhà đầu tư khác có phải nhà đầu tư chuyên nghiệp hay không để hỗ trợ giao dịch thứ cấp.  + (Sở GDCK Hà Nội) Đề nghị thẩm quyền xác định xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là ĐHĐCĐ.  **CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Khoản 3: Đề nghị bổ sung đối tượng nhà đầu tư chiến lược được HĐQT thông qua   **BIDV**   * Dự thảo quy định hồ sơ xác nhận nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân bao gồm: Xác nhận của các công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán về giá trị của danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại thời điểm tổ chức phát hành xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia đợt chào bán.   Nội dung đề nghị bổ sung làm rõ: Tư cách của nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp xác định tại Điều này có phải duy trì đến thời điểm trái phiếu phát hành hay không, hay chỉ cần xác định tại thời điểm mà tổ chức phát hành thực hiện chào bán trái phiếu cho nhà đầu tư (theo quy định của Nghị định 163/2018/NĐ-CP hiện hành thì việc chào bán và công bố thông tin cho nhà đầu tư phải thực hiện tối thiểu 10 ngày làm việc trước ngày phát hành). | * **Giải trình:**   Tại dự thảo Nghị định quy định tại thị trường sơ cấp, việc xác định NĐT chứng khoán chuyên nghiệp là trách nhiệm của tổ chức phát hành.  Tiếp thu ý kiến của VBF, Bộ Tài chính bổ sung thêm trách nhiệm xác định NĐT chứng khoán chuyên nghiệp tại thị trường thứ cấp là Công ty chứng khoán nơi tổ chức phát hành đăng ký chứng khoán (đối với trái phiếu)/nơi nhà đầu tư (bên bán) mở tài khoản (đối với cổ phiếu)  **+** Việc quy định thẩm quyền xác định xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là ĐHĐCĐ thì quá cứng nhắc, không tạo sự linh hoạt, chủ động cho doanh nghiệp lựa chọn;   * **Giải trình:**   Thẩm quyền lựa chọn NĐT chiến lược thuộc ĐHĐCĐ do Luật Chứng khoán quy định*“Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm” (khoản 17 Điều 4 Luật Chứng khoán).*   * **Giải trình:**   Dự thảo Nghị định quy định việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thuộc trách nhiệm của tổ chức phát hành và được xác định trước khi chào bán chứng khoán riêng lẻ (Điều 4 dự thảo) |
|  | ***Công ty đại chúng chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá thấp hơn mệnh giá (Điều 43)*** | **NH TMCP Quân Đội**   * Khoản 2 Điều 43: Quy định về việc phương án phát hành bao gồm cả nội dung tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư và nhà đầu tư cùng số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư: chưa đảm bảo tính linh hoạt cho hoạt động của các công ty đại chúng. ĐHĐCĐ thông qua phương án về tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư còn việc triển khai chi tiết đầu tư và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư sẽ giao cho HĐQT quyết định và báo cáo lại ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất (nếu có) để đảm bảo linh hoạt cho hoạt động của các công ty.   Đề xuất sửa đổi quy định theo hướng: *Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành và phương án sử dụng …; xác định rõ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư* ***hoặc*** *nhà đầu tư và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư”.* | * **Giải trình:**   Tại dự thảo Nghị định quy định điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ dưới mệnh giá là nhà đầu tư chiến lược (Khoản 1 Điều 44). Việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ do Luật Chứng khoán quy định*“Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm” (khoản 17 Điều 4 Luật Chứng khoán).* |
|  | ***Xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (Điều 47)*** | **VSD**   * Khoản 1,2,3,4,5: Đề nghị bổ sung tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là Giấy chứng nhận mã số giao dịch nhà đầu tư nước ngoài (áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là nhà đầu tư nước ngoài)   - Điểm b Khoản 5 đề nghị sửa lại thành:  *“**Hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả trong năm gần nhất trước thời điểm đăng ký tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp”*  Để phù hợp với quy định tại Khoản 1đ Điều 11 Luật chứng khoán năm 2019.  **NH TMCP Quân đội**   * Khoản 4: Quy định này chưa rõ “giá trị của danh mục chứng khoán” là giá trị gì (giá trị thị trường?), và chưa rõ thời điểm tổ chức phát hành xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là thời điểm cụ thể nào (ngày/giờ?), có do tổ chức phát hành ấn định trước hay không. Việc quy định không rõ ràng có thể gây khó khăn cho các tổ chức phát hành cũng như phát sinh tranh chấp trong việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia vào các đợt chào bán chứng khoán (ví dụ tại thời điểm khác nhau trong cùng một ngày đã có sự biến động về giá trị thị trường của chứng khoán dẫn đến NĐT đủ/không đủ điều kiện là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp)   Đề nghị quy định rõ giá trị chứng khoán là *“****giá trị thị trường***” và được xác định tại **ngày/giờ** mà tổ chức phát hành ấn định để xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.  **NH TMCP Quân đội, CLB Pháp chế Ngân hàng, CK Bảo Việt**   * Dự thảo đã quy định về việc tổ chức phát hành được xác định lựa chọn nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khi chào bán sơ cấp chứng khoán giữa tổ chức phát hành và nhà đầu tư. Tuy nhiên Dự thảo chưa quy định về việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đối với trường hợp giao dịch thứ cấp giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với nhau (do ai xác định, thủ tục như thế nào).   **CLB Pháp chế Ngân hàng**   * Quy định việc lựa chọn NĐT chứng khoán chuyên nghiệp tại Nghị định với phạm vi của Nghị định không điều chỉnh việc phát hành trái phiếu riêng lẻ. Do đó, có thể hiểu NĐT chứng khoán chuyên nghiệp không bao gồm NĐT cho thị trường trái phiếu riêng lẻ. | * **Giải trình:**   Điều 11 Luật Chứng khoán quy định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là nhà đầu tư có năng lực tài chính hoặc có trình độ chuyên môn về chứng khoán, trong đó được xác định căn cứ trên nhiều tiêu chí.  Đối với các nhà đầu tư có năng lực tài chính (như công ty có vốn điều lệ đã góp đạt trên 100 tỷ đồng), việc yêu cầu có Giấy chứng nhận mã số giao dịch nhà đầu tư nước ngoài (áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là nhà đầu tư nước ngoài) khi xác định tư cách là chưa phù hợp do nhà đầu tư có thể đăng ký nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mới đi đăng ký mở mã số giao dịch nhà đầu tư nước ngoài.     * **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa điểm b khoản 5 Điều 5 Dự thảo. *“Hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả trong năm gần nhất trước thời điểm đăng ký tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp”* * **Giải trình:**   Đã chỉnh sửa nội dung dự thảo tại khoản 4 Điều 5 dự thảo:  *“b) Xác nhận của các công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán về giá trị thị trường của danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại thời điểm tổ chức phát hành xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia đợt chào bán”*   * **Tiếp thu:** Đã bổ sung quy định về việc lựa chọn nhà đầu tư chuyên nghiệp trên thị trường thứ cấp. * **Giải trình:**   Điều 11 Luật Chứng khoán giao Chính phủ hướng dẫn về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. NĐT chứng khoán chuyên nghiệp được quy định chung cho các thị trường cổ phiếu, trái phiếu riêng lẻ theo đúng điều khoản Luật giao hướng dẫn. |
|  | ***Trình tự thủ tục đăng kýt phát hành cổ phiếu để hoán đổi (Điều 58)*** | **CK Bảo Việt** Có ý kiến về việc thời gian đăng ký hoán đổi cổ phiếu đảm bảo tối thiểu 20 ngày không phù hợp với trường hợp hoán đổi hợp nhất sáp nhập | * **Giải trình:** Quy định thời gian 20 ngày đảm bảo tương ứng với thời gian cho nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán quy định tại Luật chứng khoán với mục tiêu để cho nhà đầu tư có thời gian nghiên cứu đưa ra quyết định việc hoán đổi hay không hoán đổi (chuyển nhượng). |
|  | ***Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (Điều 60)*** | **CK Bảo Việt** Có ý kiến việc sử dụng báo cáo tài chính kỳ kế toán gần nhất để xem xét nguồn là chặt hơn cả chào bán ra công chúng | * **Giải trình:**   **+** Đầy là quy định kế thừa từ quy định cũ;  + Trong quá trình thực hiện không có vướng mắc phát sinh;  + Mục tiêu quy định là có nguồn trả cổ tức phải được kiểm toán; do đó công ty có thể sử dụng báo cáo năm hoặc báo cáo quý được kiểm toán để chứng minh nguồn vốn sử dụng. |
|  | ***Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (Điều 64)*** | **NHTMCP Quân đội**  * Xem xét thống nhất thẩm quyền của HĐQT tại khoản 3 Điều 63 và khoản 3 Điều 64 Dự thảo. | * **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa Dự thảo Nghị định (khoản 3 Điều 64). |
|  | ***Chứng khoán của tổ chức nước ngoài thưởng cho người lao động Việt Nam làm việc trong các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam (Điều 65)*** | **VCCI***“Việc thực hiện các quyền gắn liền với chứng khoán được thưởng phải đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam;* *Chứng khoán thưởng cho người lao động tại Việt Nam không được giao dịch, chuyển nhượng trên thị trường chứng khoán Việt Nam trừ các trường hợp thừa kế hoặc theo quyết định của toàn án”*   * Nội dung này có thực sự thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này hay không? Theo chúng tôi thì nên bỏ nội dung này vì chứng khoán này được phát hành và giao dịch theo pháp luật của nước ngoài. | * **Giải trình:**   Quy định này được quy định từ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP nhằm tháo gỡ cho trường hợp người lao động Việt Nam được quyền mua, thưởng cổ phiếu của tổ chức nước ngoài theo chương trình ESOP nhưng họ không thể đứng tên sở hữu do vướng mắc về quy định pháp lý chứng khoán cũng như quản lý ngoại hối.  Quy định này không phát sinh thủ tục hành chính của tổ chức nước ngoài hay người lao động Việt Nam; đã tháo gỡ được vướng mắc, đảm bảo quyền lợi cho người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức nước ngoài. |
|  | ***Về việc đăng ký chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài (Điều 70 và 116)*** | **VBF**   * Nếu một công ty Việt Nam chào bán và/hoặc niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, công ty phải tuân thủ cả các quy định của Việt Nam và các quy định của nước ngoài. Điều gì sẽ xảy ra nếu những luật này có xung đột với nhau hoặc luật của nước ngoài viện dẫn đến những khái niệm không được quy định trong luật Việt Nam?   UBCKNN phải có toàn quyền quyết định cho phép miễn tuân thủ Luật Chứng Khoán (hoặc Nghị Định này) nhằm mục đích cho phép công ty Việt Nam tuân thủ bất kỳ luật nước ngoài nào mà có xung đột. | * **Giải trình:**   Việc chào bán, niêm yết chứng khoán tại nước ngoài phải tuân thủ quy định về điều kiện chào bán, niêm yết tại nước ngoài.  Việc đăng ký chào bán chứng khoán tại nước ngoài với UBCKNN nhằm đảm bảo các công ty tuân thủ các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, về quản lý ngoại hối. Đây là những chính sách chung mang tính an toàn an ninh quốc gia, do đó bắt buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải tuân thủ, không có ngoại trừ. |
|  | ***Điều kiện chào bán cổ phiếu tại nước ngoài của công ty đại chúng (Điều 70)*** | **VBF**   * Khoản 3 “*Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối”:*  Một trong những điều kiện đối với một công ty đại chúng niêm yết cổ phiếu ở nước ngoài là tuân thủ pháp luật về quản lý ngoại hối. Luật này đặc biệt có liên quan trong bối cảnh các công ty đại chúng có thể phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty, theo đó nhân viên Việt Nam sẽ nắm giữ cổ phiếu được niêm yết tại một Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài. Tuy nhiên, không rõ là UBCKNN dự kiến những gì sẽ cần được xem xét nhằm thể hiện tổ chức phát hành sẽ tuân thủ luật này như thế nào.   Sẽ rất hữu ích nếu UBCKNN có thể đưa ra chi tiết hơn rằng cần phải làm gì để đáp ứng điều kiện này. | * **Giải trình:**   + Quy định này kế thừa quy định tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP; trong quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc;  + Hồ sơ về đăng ký chào bán chứng khoán tại nước ngoài (Điều 72) có quy định về tài liệu chứng minh cho điều kiện này, bao gồm: Giấy xác nhận tài khoản vốn phát hành chứng khoán bằng ngoại tệ; Văn bản của NHNN xác định hạn mức phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia. |
|  | ***Điều kiện phát hành chứng khoán làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài (Điều 71)*** | **NHTCP Quân đội**   * Khoản 1 Điều 71: Quy định về thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp: hiện chưa phù hợp với các doanh nghiệp áp dụng pháp luật chuyên ngành (như tổ chức tín dụng theo Luật các TCTD, doanh nghiệp bảo hiểm theo Luật Kinh doanh bảo hiểm,….).   Đề xuất sửa đổi quy định chung thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT theo Điều lệ của các doanh nghiệp.  **VBF, Deutsche Bank**   * *Khoản 2:* Đề nghị xác định rõ điều kiện này là của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở vì vậy cần quy định theo hướng tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký nhận xác nhận các nội dung này từ tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở (VBF) * *Khoản* 2: Phát hành chứng chỉ lưu ký trên cơ sở không liên quan đến việc tăng vốn, do vậy không cần phải có sự phê duyệt của ĐHĐCĐ khi phát hành CCLK. Đề nghị bỏ điều kiện này (Deutsche Bank)   **VBF, HSBC**   * Khoản *3: “Tổ chức phát hành chứng khoán mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để được chấp thuận”*   Nếu một công ty Việt Nam muốn niêm yết ở nước ngoài, công ty có thể phải thực hiện như vậy thông qua các chứng chỉ lưu ký vì sở giao dịch chứng khoán nước ngoài có thể có các quy trình không phù hợp với các quy trình của TTLKCKVN hoặc pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, việc niêm yết chứng chỉ lưu ký tại sở giao dịch chứng khoán nước ngoài sẽ yêu cầu tổ chức phát hành xác nhận với sở giao dịch chứng khoán đó rằng pháp luật Việt Nam không áp dụng đối với việc phát hành, chuyển nhượng hoặc sở hữu chứng chỉ lưu ký đó. Không có câu chữ nào quy định như trên trong Nghị Định mặc dù ngụ ý của Điều này là như vậy.  Đưa vào một quy định rõ ràng, chẳng hạn: “Việc phát hành, sở hữu và chuyển nhượng chứng chỉ lưu ký được phát hành bởi một trung tâm lưu ký nước ngoài sẽ chịu sự điều chỉnh bởi pháp luật của nước sở tại nơi trung tâm lưu ký có trụ sở và sở giao dịch chứng khoán.”   * Đề xuất việc nộp hồ sơ được thực hiện bởi tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở (HSBC)   **VSD**   * Đề nghị bổ sung Khoản 4 như sau:   *Bộ Tài chính hướng dẫn việc phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài và hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành, việc hủy bỏ chứng chỉ lưu ký và việc giao dịch, niêm yết, chuyển khoản của cổ phiếu làm cơ sở cho chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài.*  Lý do: Hoạt động phát hành, hủy chứng chỉ lưu ký đòi hỏi có sự chuyển khoản chứng khoán giữa tài khoản của NĐT với tài khoản của tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký. Việc bổ sung thêm nội dung chuyển khoản sẽ làm cơ sở để Thông tư hướng dẫn quy định cả hoạt động chuyển khoản chứng khoán khi thực hiện hỗ trợ phát hành và hủy chứng chỉ lưu ký. | * **Giải trình:** Việc phát hành cổ phiếu mới phải được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của Luật Doanh nghiệp; tương ứng với quy định tại các mục khác.   UBCKNN đa chỉnh sửa nội dung này tại Điềều 75 Dự thảo Nghị định “Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu làm cơ sở cho việc chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành”   * **Giải trình:** Việc đăng ký hỗ trợ phát hành CCLK trên cơ sở số cổ phiếu đang lưu hành do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở thực hiện đăng ký với UBCKNN (khoản 1 Điều 78 dự thảo). * **Giải trình:**   Quy định tại dự thảo Nghị định đối với trường hợp phát hành chứng chỉ lưu ký (có bảo trợ) thì phải có sự phê duyệt của ĐHĐCĐ. Nguyên nhân là do liên quan đến việc chuyển đổi giữa CCLK và cổ phiếu; đến trách nhiệm của cổ đông; tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài… (Điều 75 Dự thảo).   * **Giải trình:** Tại dự thảo đã có quy định các điều kiện phát hành phù hợp với thị trường nước sở tại (Điều 73 dự thảo)   “5. Có đề án phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài phù hợp với quy định pháp luật của nước sở tại;  6. Có hợp đồng hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký giữa tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài;  7. Có hợp đồng lưu ký giữa tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài với Thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.”   * **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa Dự thảo (khoản 1 Điều 78 dự thảo) * **Giải trình:**   + Việc chuyển khoản cổ phiếu khi CCLK bị hủy sẽ được quy định tại Thông tư hướng dẫn quy định cả hoạt động chuyển khoản chứng khoán khi thực hiện hỗ trợ phát hành và hủy chứng chỉ lưu ký theo điều giao tại khoản 4 Điều 62 Luật Chứng khoán. |
|  | ***Hồ sơ phát hành ổ phiếu mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài (Điều 72)*** | **NHTCP Quân đội**   * Khoản 3 Điều 72: Quy định này chưa thống nhất với Điểm c Khoản 1 Điều 71 về điều kiện phát hành chứng khoán làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài, cụ thể: *Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp thông qua việc huy động vốn dưới hình thức phát hành chứng khoán làm cơ sở cho việc chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài…”.*   Đề xuất điều chỉnh bổ sung “hoặc Hội đồng quản trị” (ngoài quyết định của ĐHĐCĐ) để thống nhất với Điều 71 về điều kiện tương ứng.  **HSBC**   * Khoản 4: Đề nghị làm rõ đề án phát hành CCLK có phải là Hợp đồng lưu ký   **HSBC**   * Khoản 6, Khoản 7: Đề nghị làm rõ về tài khoản phong tỏa và hợp đồng tư vấn | * **Giải trình:** Việc phát hành cổ phiếu mới phải được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của Luật Doanh nghiệp; tương ứng với quy định tại các mục khác. * **Tiếp thu:** Đã làm rõ tại Dự thảo Nghị định về hai tài liệu: Đề án phát hành CCLK và Hợp đồng lưu ký (Điềều 74 dự thảo) * **Giải trình:** Quy định tương ứng hồ sơ đăng ký chào bán thêm ra công chúng do đây là phát hành thêm cổ phiếu để chào bán CCLK, không phải phát hành CCLK trên cơ sở số cổ phiếu đang lưu hành. |
|  | ***Hồ sơ hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở số cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam (Điều 73)*** | **VSD, Deutsche Bank**   * Khoản 1: Đây là tài liệu phục vụ cho việc phát hành cổ phiếu mới cho cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký. Không cần đặt ra yêu cầu về bảo lãnh phát hành. Đề nghị bỏ khoản 1.   **VSD, Deutsche Bank**   * Khoản 4: đề nghị sửa lại như sau:   *4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua việc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành.* Cho phù hợp với khoản 2 Điều 71 và thông lệ quốc tế.  * Đề nghị sửa thành Nghị quyết của HĐQT thông qua việc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành. Do việc phát hành CCLK trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành không làm thay đổi cơ cấu vốn của doanh nghiệp, cũng như tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư do đó không cần NQ ĐHĐCĐ. | * **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa Dự thảo (Điều 76 dự thảo) * **Giải trình:**   Quy định tại dự thảo Nghị định đối với trường hợp phát hành chứng chỉ lưu ký (có bảo trợ) thì phải có sự phê duyệt của ĐHĐCĐ. Nguyên nhân là do liên quan đến việc chuyển đổi giữa CCLK và cổ phiếu; đến trách nhiệm của cổ đông; tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài… (Điều 76 Dự thảo). |
|  | ***Xử lý hồ sơ phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài và hồ sơ hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở số cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam (Điều 74)*** | **Deutsche Bank**   * Khoản 1: Kiến nghị thời gian xem xét hồ sơ phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở chào bán CCLK là 07 ngày. * Khoản 2, khoản 3: bỏ quy định về việc tổ chức hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài phải gửi hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ lưu ký/hồ sơ sửa đổi cho UBCKNN khi đăng ký chính thức với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại.  **VSD**  * Khoản 4: đề nghị sửa thành như sau:   *Chứng chỉ lưu ký giao dịch tại nước ngoài có thể được hủy theo yêu cầu của người sở hữu chứng chỉ lưu ký. Tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký gửi hồ sơ chuyển khoản cổ phiếu cơ sở cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (nếu có) và có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số lượng chứng chỉ lưu ký được hủy vào các ngày 15 và 30 hàng tháng.*  Lý do: Khi hủy chứng chỉ lưu ký và muốn chuyển khoản chứng khoán cơ sở sang tài khoản của nhà đầu tư, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký phải gửi hồ sơ chuyển khoản cho VSD.   * Khoản 4: Không cần phải đặt ra yêu cầu về trách nhiệm thông báo của tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký với VSD và UBCKNN do khi hủy CCLK thì tổ chức phát hành CCLK phải chuyển cổ phiếu sang NĐT (Deutsche Bank)   **VSD, Deutsche Bank, HSBC**   * *­*Khoản 5: đề nghị sửa thành như sau:   *Chứng chỉ lưu ký sau khi hủy bỏ có thể được tái phát hành nếu số lượng tái phát hành nằm trong giới hạn số lượng chứng chỉ lưu ký đã bị hủy và đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định. Định kỳ hàng tháng, thành viên lưu ký của tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký có trách nhiệm gửi báo cáo các giao dịch hoán đổi giữa chứng chỉ lưu ký và cổ phiếu cơ sở tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.*  Lý do: Hủy và tái phát hành chứng chỉ lưu ký trong phạm vi số lượng chứng chỉ đã xin phép phát hành là hoạt động khá thường xuyên theo thông lệ quốc tế. Hoạt động này là một trong những điểm khiến chứng chỉ lưu ký hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài. Mặt khác do, tái phát hành chứng chỉ lưu ký không làm gia tăng lượng chứng chỉ lưu ký niêm yết ở nước ngoài, cũng như không làm gia tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với chứng khoán cơ sở. Do vậy, cần cho phép tái phát hành chứng chỉ lưu ký nếu số lượng tái phát hành ít hơn hoặc bằng số lượng chứng chỉ lưu ký đã hủy mà không cần phải làm thủ tục xin phép lại.  **VSD**  Khoản 6: đề nghị sửa thành như sau:  *Việc giao dịch, niêm yết cổ phiếu làm cơ sở cho chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài ~~sau khi hủy chứng chỉ lưu ký~~ được thực hiện theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán.*  *Lý do:* Theo thông lệ quốc tế, cổ phiếu phát hành mới để làm cơ sở phát hành chứng chỉ lưu ký, giống như những cổ phiếu phát hành mới khác đều được tổ chức phát hành đăng ký niêm yết trên sở giao dịch ngay. Theo đó, khi nhà đầu tư hủy chứng chỉ lưu ký (chuyển về nắm giữ cổ phiếu cơ sở) đều có thể bán cổ phiếu ngay trên thị trường trong nước.  **Deutsche Bank**   * Khoản 6: Đề nghị bỏ khoản 6, quy định này chỉ nên áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp Việt Nam chỉ niêm yết CCLK và huy động vốn ở nước ngoài mà không cần phải niêm yết cổ phiếu cơ sở tại thị trường VN. Thực tế tại thị trường VN thì cổ phiếu cơ sở đã NY trước khi làm cơ sở cho việc phát hành CCLK.   **Deutsche Bank**   * Khoản 7: CCLK trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành không liên quan đến việc phát hành mới chứng khoán, do vậy không nên đặt ra yêu cầu tuân thủ quy định về chào bán chứng khoán RCC đối với CCLK | * **Giải trình:** Thời gian, quy trinh xem xét hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở chào bán CCLK tại nước ngoài được thực hiện tương tự quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng quy định tại Luật Chứng khoán. Nội dng này đã quy định tại dự thảo về trình tự, thủ tục tại Điều 78 dự thảo. * **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa Dự thảo Nghị định (Điều 78 Dự thảo) * **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa Dự thảo Nghị định (Điều 79 Dự thảo). * **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa Dự thảo Nghị định (Điều 79 Dự thảo) theo hứớng CCLK do nhà đầu tư hủy có thể tái phát hành. * **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa Dự thảo Nghị định (khoản 7 Điều 78 Dự thảo). * **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa Dự thảo Nghị định * **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa Dự thảo Nghị định (Điều 78 dự thảo) |
|  | ***Đăng ký chào bán chứng khoán tại nước ngoài (Điều 75)*** | **Deutsche Bank**   * Đề nghị làm rõ quy định về chào bán chứng khoán tại nước ngoài không bao gồm chào bán CCLK * Khoản 4: Tổ chức phát hành CCLK chỉ có thông tin định danh của NĐT đăng ký ban đầu, nhưng khi CCLK giao dịch trên thị trường thứ cấp thì tổ chức phát hành CCLK không có thông tin về các NĐT này.   **NHTMCP Quân đội**   * Khoản 5 Điều 75: Chưa rõ thời gian phải công bố thông tin về nội dung này. | * **Giải trình:** Dự thảo Nghị định đã có quy định phân định rõ về điều kiện, hồ sơ của phát hành cổ phiếu, trái phiếu với CCLK * **Tiếp thu:** Đã chỉnh sửa Dự thảo Nghị định theo hướng sẽ thực hiện theo quy định chung về báo cáo sử dụng vốn (Điều 9 dự thảo).   Ngoài ra, dự thảo Nghị định đã bỏ các nội dung quy định về chào bán trái phiếu doanh nghiệp tại nước ngoài |
|  | ***Thực hiện hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai (Điều 89)*** | **BIDV**   * Dự Thảo quy định “Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về trách nhiệm của tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai; về việc mở và sử dụng tài khoản phong tỏa; về việc báo cáo và công bố thông tin việc sử dụng vốn, thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán; về mẫu Bản thông báo chào bán chứng khoán, mẫu Báo cáo kết quả chào bán; mẫu Bản thông báo phát hành, mẫu Báo cáo kết quả phát hành; về mẫu Bản thông báo chào mua công khai, mẫu Báo cáo kết quả chào mua công khai và các mẫu biểu khác hướng dẫn thi hành các hoạt động quy định tại Chương này”   ***Đề nghị bổ sung***: mẫu Bản cáo bạch. | * **Giải trình:** Mẫu Bản cáo bạch được Luật giao tại khoản 4 Điều 19 Luật Chứng khoán |
| 38 | **Thời hạn bổ sung hồ sơ chào mua công khai** | **CTCP Tài Nguyên**  Đối với trường hợp chào mua công khai, phát hành cổ phiếu để chào mua công khai, thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ nên để là **30 ngày** thay vì 15 ngày vì thời gian là quá ít so với 60 ngày của việc chào bán. | Quy định thời hạn tổ chức, cá nhân phải hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký chào mua công khai là 15 ngày hiện nay đã được quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012. Thực tiễn trong xử lý hồ sơ đăng ký chào mua công khai, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước không gặp vấn đề vướng mắc về thời hạn của quy định này nên kiến nghị giữ nguyên thời hạn là 15 ngày. |
| 39 | **Về việc xác định nhà đầu tư được ĐHĐCĐ miễn trừ chào mua công khai** | **Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam**  Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn trong trường hợp chưa xác định được bên chuyển nhượng thì nhà đầu tư không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai nếu ĐHĐCĐ thông qua việc nhà đầu tư được nâng tỷ lệ sở hữu mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai. NQ ĐHĐCĐ nêu rõ mức tỷ lệ được nâng và tất cả các cổ đông, trừ NĐT, đều có quyền biểu quyết. Quy định bổ sung này đáp ứng được nhu cầu thực tiễn cũng như tôn trọng quyền tự quyết của cổ đông, của doanh nghiệp. | **Giải trình:**  Căn cứ theo quy đinh tại điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14: “*Nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành dẫn đến việc sở hữu đạt các mức theo quy định tại khoản 1 Điều này đã được Đại hội đồng cổ đông công ty đại chúng, Ban đại diện quỹ đóng thông qua. Trong các trường hợp này, Đại hội đồng cổ đông, Ban đại diện quỹ đóng phải xác định rõ đối tượng chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng*”; việc miễn trừ chào mua công khai trong trường hợp nhận chuyển nhượng phải xác định rõ đối tượng chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng. Vì vậy, Nghị định hướng dẫn không thể quy định bổ sung trường hợp chưa xác định được bên chuyển nhượng mà được miễn trừ chào mua công khai. |
| 40 | **Về đăng ký giảm vốn điều lệ** | **Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam**  Luật doanh nghiệp 2014 và Luật doanh nghiệp 2020 đều cho cơ chế công ty đại chúng được giảm vốn điều lệ thông qua hình thức mua lại cổ phần của cổ đông và tiêu hủy số cổ phần mua lại này hoặc hoàn trả vốn góp cho cổ đông (theo Điểm a Khoản 5 Điều 111 LDN). Nếu công ty đại chúng thực hiện giảm vốn như trên thì có cần báo cáo/đăng ký với UBCKNN không, thủ tục báo cáo/đăng ký như thế nào, cách thức phối hợp giữa UBCKNN và cơ quan đăng ký doanh nghiệp như thế nào? Đề nghị bổ sung hướng dẫn về vấn đề nêu trên để các doanh nghiệp có cơ sở pháp lý rõ ràng triển khai trên thực tế. | **Giải trình:**  Khoản 5 Điều 36 Luật CK quy định: “*Công ty đại chúng thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu*”.  - Căn cứ theo quy đinh tại khoản 8 Điều 36 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14: “*Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc mua lại cổ phiếu của công ty đại chúng*”. |
| 41 | **Hồ sơ đăng ký chào mua công khai (Điều 78)** | **MB**Điều 35 Luật Chứng khoán quy định về các trường hợp phải chào mua công khai và đăng ký với UBCKNN có bao gồm cả đối tượng người có liên quan của tổ chức cá nhân, cụ thể: *a) Tổ chức, cá nhân và người có liên quan theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 46 Điều 4 của Luật này dự kiến mua cổ phiếu…*  *b) Tổ chức, cá nhân và người có liên quan theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 46 Điều 4 của Luật này nắm giữ từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết…”.*  Tuy nhiên Dự thảo chưa quy định trong trường hợp tổ chức, cá nhân và người có liên quan thực hiện chào mua công khai, chủ thể đầu mối thực hiện các thủ tục chào mua công khai và đăng ký với UBCKNN là ai (là tổ chức, cá nhân hay những người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó).  Đề xuất bổ sung quy định cụ thể trong trường hợp tổ chức, cá nhân và người có liên quan thực hiện chào mua công khai, chủ thể đầu mối thực hiện các thủ tục chào mua công khai và đăng ký với UBCKNN là ai (là tổ chức, cá nhân hay những người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó). | Căn cứ theo quy định tại Điều 35 có đề cập đến người có liên quan nhằm xác định được chủ thể phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định, cụ thể như sau:  Ví dụ: cá nhân A hiện đang sở hữu 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại một công ty đại chúng, người có liên quan của cá nhân A là cá nhân B hiện đang sở hữu 14% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại chính công ty đại chúng chúng này. Khi cá nhân A hoặc cá nhân B hoặc cả A và B cùng tiếp tục dự kiến mua thêm 6% cổ phiếu có quyền biểu quyết thì cá nhân A hoặc cá nhân B phải thực hiện thủ tục chào mua công khai, trong trường hợp này chủ thể nào thực hiện hành vi dự kiến mua thì phải thực hiện thủ tục, hồ sơ chào mua công khai theo quy định để đảm bảo tính chủ động, kịp thời  Tuy nhiên,thông tin về sở hữu của người có liên quan được cập nhật bổ sung tại Mẫu giấy đăng ký số 21 để có cơ sở để xác định trường hợp phải thực hiện chào mua công khai theo quy định. |
| 42 | **Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chào mua về việc đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty mục tiêu theo quy định của pháp luật. (Điều 82)** | **Techcombank**Việc xác định các doanh nghiệp có vốn nước ngoài/tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài, xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Luật đầu tư. Tuy nhiên, nếu công ty chứng khoán có trách nhiệm xác định việc này mà tổ chức kinh tế thay đổi tỷ lệ này liên tục khó kiểm soát thì sẽ phát sinh thêm rất nhiều vấn đề về vận hành. Do đó cần có quy định cụ thể. | Nội dung này đã được quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP. Đồng thời nghĩa vụ xác định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hiện đã được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định. |
| 43 | **Việc thực hiện giao dịch chào mua công khai (Điều 86)** | **Techcombank**  Theo Luật Cạnh Tranh, một doanh nghiệp mua vốn góp hoặc tài sản của một doanh nghiệp khác đủ để kiểm soát hoặc chi phối doanh nghiệp hoặc một ngành, nghề của doanh nghiệp đó có thể phải xin chấp thuận việc tập trung kinh tế của Ủy Ban Cạnh Tranh Quốc Gia trước khi tiến hành thực hiện việc này. Tuy nhiên, họ có thể không đủ thời gian để thực hiện điều này trong thời hạn quy định đối với việc hoàn tất chào mua tại Điều này. Cho phép tổ chức chào mua thực hiện việc chào mua công khai phụ thuộc vào việc nhận được chấp thuận (như chấp thuận việc tập trung kinh tế) và, trong trường hợp đó, cho phép các giới hạn về thời gian bắt đầu khi đã đạt được toàn bộ các chấp thuận. Các chào mua có điều kiện như vậy phổ biến tại các vùng tài phán khác. | **Tiếp thu:** bổ sung tại Điều 84 (khoản 6) quy định về hồ sơ đăng ký chào mua công khai như sau: “*Điều 78. Hồ sơ đăng ký chào mua công khai* *1. Giấy đăng ký chào mua công khai.....;*  *........................................................................*  *6. Quyết định của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về tập trung kinh tế trong trường hợp chào mua công khai dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo*”. |
| 44 | **Thành viên giao dịch (Điều 90, 91)** | **Hose, HNX**   * Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 90 như sau: *“b) Đáp ứng yêu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ và nhân sự cho hoạt động giao dịch chứng khoán theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán”* * Đề nghị sửa đổi điểm a Khoản 1 Điều 91 thành: “Giấy đề nghị đăng ký thành viên theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán quy định”. Mẫu số 24 của Dự thảo không áp dụng được trong trường hợp hợp nhất, sáp nhập. Biểu mẫu sẽ dễ cập nhật hơn nếu quy định ở Quy chế của SGDCK. * Bỏ điểm b khoản 1 Điều 91 Dự thảo do tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thành viên cho SGDCK, CTCK chưa có được Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán mới. * Đề nghị sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 91 như sau: “d) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc quyết định của Chủ sở hữu Công ty của các công ty tham gia hợp nhất, sáp nhập cam kết tiếp tục sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ và nhân sự cho hoạt động giao dịch chứng khoán của công ty chứng khoán thành viên tham gia hợp nhất, sáp nhập...”   - Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch (Điều 91): đề nghị bỏ đối tượng là công ty sáp nhập tại điểm d khoản 3 bởi công ty nhận sáp nhập sẽ không phải thực hiện đăng ký thành viên giao dịch nếu công ty này đang là thành viên vào thời điểm sáp nhập, và đối với công ty nhận sáp nhập chưa phải là thành viên thì họ thực hiện theo hồ sơ như một công ty chứng khoán bình thường. | **Tiếp thu**  Dự thảo đã tách điều kiện, hồ sơ,thủ tục đăng ký trở thành TVGD của CTCK sau hợp nhất, sáp nhập cho rõ ràng, chỉnh sửa phù hợp với từng trường hợp.  Riêng nội dung mẫu biểu là Giấy đề nghị ĐKTV, dự thảo vẫn quy định, đảm bảo thống nhất giữa các Sở và các công ty con trong quá trình thực hiện sau này. |
| 45 | **Trình tự, thủ tục đăng ký thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt (Điều 94)** | **HOSE, HNX**   * Đề nghị xem xét bổ sung các bước thủ tục: SGDCK công bố thông tin khi nhận được hồ sơ đăng ký thành viên; đề nghị CTCK sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ; khảo sát cơ sở vật chất, kỹ thuật của CTCK trước khi ra quyết định chấp thuận. * Đề nghị bổ sung nội dung: “*Trong trường hợp hồ sơ đăng ký thành viên không đầy đủ, hợp lệ, công ty chứng khoán phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam có yêu cầu bằng văn bản. Sau thời hạn trên, nếu công ty chứng khoán không bổ sung đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu, hồ sơ đã gửi Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam trước đó mặc nhiên không còn giá trị*”. * Sửa tham chiếu tại khoản 3 Điều 94 * Đề nghị sửa đổi Điều 94 như sau: “4. Đối với trường hợp công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất, sáp nhập đăng ký trở thành thành viên giao dịch: Trường hợp hồ sơ đăng ký thành viên đầy đủ và hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán ra quyết định chấp thuận tư cách thành viên giao dịch ngay sau khi *SGDCK nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất, sáp nhập*.” | **Tiếp thu một phần**   * Đối với nội dung SGDCK được đề nghị sửa đổi, bổ sung hồ sơ, dự thảo Nghị định đã bổ sung tại Điều 98 Nghị định. * Về quyền cho phép SGDCK kiểm tra cơ sở kỹ thuật trước khi chấp thuận thành viên đã được bổ sung quy định tại Điều 94 dự thảo như sau: “2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đăng ký thành viên đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, kỹ thuật trên cơ sở kết quả kiểm tra của Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức đăng ký thành viên ký kết các hợp đồng cung cấp dịch vụ với Sở giao dịch chứng khoán và đăng ký ngày giao dịch chính thức”. * **Giải trình** về đề xuất bổ sung việc SGDCK thực hiện CBTT khi nhận được hồ sơ đăng ký thành viên**:** Vấn đề này sẽ được bổ sung tại nghĩa vụ CBTT của Sở tại Thông tư hướng dẫn CBTT của BTC.   **Tiếp thu**  Đã bổ sung quy định 01 Điều chung (Điều 96), trong đó quy định trách nhiệm tổ chức niêm yết, ĐKGD, ĐKTV phải sửa đổi bổ sung hồ sơ. Quá thời gian quy định, SGDCK dừng việc xem xét hồ sơ  **Tiếp thu** và đã sửa đổi tại dự thảo.  Ngoài ra, Dự thảo đã tách điều kiện, hồ sơ,thủ tục đăng ký trở thành TVGD của CTCK sau hợp nhất, sáp nhập cho rõ ràng, chỉnh sửa phù hợp với từng trường hợp (Điều 94a). |
| 46 | **Tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt (Điều 95, 96)** | **HOSE**  Đề nghị bổ sung điểm b khoản 1 Điều 95 như sau: *“Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu thông qua việc hủy bỏ tư cách thành viên hoặc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán (đối với công ty chứng khoán) hoặc giải thể công ty;”*  **HNX**  Đề nghị chỉnh sửa điểm b khoản 1 Điều 95 như sau: "Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu thông qua rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán *hoặc hủy bỏ tư cách thành viên trên SGDCK đối với công ty chứng khoán hoặc giải thể công ty hoặc bị sáp nhập vào thành viên giao dịch khác hoặc tham gia hợp nhất*.   * Đề nghị sửa đổi khoản 3, 5 Điều 96 thành:   “3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thành viên ngừng giao dịch, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản thông báo các nghĩa vụ tài chính *và các nghĩa vụ khác* của thành viên đối với Sở giao dịch chứng khoán.~~, nghĩa vụ đối với khách hàng và các nghĩa vụ khác của thành viên~~ *~~theo yêu cầu của Sở~~* ~~giao dịch chứng khoán.~~   * 5. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày ngừng giao dịch, thành viên phải hoàn thành các nghĩa vụ ~~với khách hàng và các nghĩa vụ khác~~ theo ~~thông báo~~ *yêu cầu* của Sở giao dịch chứng khoán” | **Tiếp thu** và đã sửa đổi tại dự thảo.  **Giải trình:**  Dự thảo gộp 2 thủ tục: (1) chấm dứt tư cách thành viên của công ty chứng khoán hợp nhất, sáp nhập và (2) đăng ký thành viên của CTCK nhận sáp nhập, CTCK hợp nhất, giảm thiểu thủ tục cho DN. Do đó công ty không phải làm riêng thủ tục chấm dứt thành viên của công ty bị hợp nhất hoặc công ty bị sáp nhập.  Ngoài ra, tiếp thu ý kiến HNX, dự thảo bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 102 như sau: “*Trường hợp hồ sơ đăng ký thành viên đầy đủ và hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán ra quyết định chấp thuận tư cách thành viên giao dịch ngay sau khi nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán hợp nhất hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán sửa đổi của công ty chứng khoán nhận sáp nhập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; đồng thời hủy tư cách thành viên của công ty chứng khoán tham gia hợp nhất, công ty chứng khoán bị sáp nhập.”*   * **Tiếp thu**:   Đã sửa đổi tại dự thảo theo trình tự sau: Thành viên sẽ thực hiện hiện các nghĩa vụ của thành viên với SGDCK 🡺 SGDCK chấm dứt tư cách thành viên 🡺 CTCK thực hiện các nghĩa vụ với khách hàng 🡺 UBCKNN rút giấy phép nghiệp vụ môi giới. |
| 47 | **Chấm dứt bắt buộc tư cách thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt (Điều 97)** | **HNX**   * Đề nghị sửa đổi Khoản 5 Điều 97 như sau: “Trong thời gian ngừng giao dịch để thực hiện thủ tục chấm dứt tư cách thành viên giao dịch, công ty chứng khoán phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 5 *8* Điều 96 Nghị định này.” * Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 97 thành:   “c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thành viên ngừng giao dịch, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản thông báo các nghĩa vụ tài chính *và các nghĩa vụ khác* của thành viên đối với Sở giao dịch chứng khoán.~~, nghĩa vụ đối với khách hàng và các nghĩa vụ khác của thành viên~~ *~~theo yêu cầu của Sở~~* ~~giao dịch chứng khoán.~~  đ) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ngừng giao dịch, thành viên phải hoàn thành các nghĩa vụ ~~với khách hàng và các nghĩa vụ khác~~ theo ~~thông báo~~ *yêu cầu* của Sở giao dịch chứng khoán”  - Đề nghị thống nhất sử dụng thuật ngữ "hủy bỏ tư cách thành viên" thay cho thuật ngữ "chấm dứt tư cách thành viên" nhằm đảm bảo thống nhất với điểm e khoản 1 Điều 46 Luật Chứng khoán năm 2019. | **Tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo Nghị định** |
| 48 | **Đăng ký lại thành viên giao dịch (Điều 98)** | **MB**  Đề xuất bổ sung quy định làm rõ việc ngân hàng thương mại có được đăng ký lại thành viên giao dịch đặc biệt hay không. | **Giải trình**  Các quy định tại dự thảo về đăng ký lại thành viên giao dịch chỉ áp dụng đối với công ty chứng khoán, đảm bảo hoạt động giao dịch của nhà đầu tư không bị gián đoạn (CTCK nhận sáp nhập, CTCK hợp nhất sẽ là thành viên của SGDCK và nhận lệnh giao dịch ngay sau khi hoàn thành việc hợp nhất, sáp nhập).  Đối với thành viên giao dịch đặc biệt là ngân hàng thương mại không áp dụng trình tự rút gọn này. Sau khi chấm dứt tư cách thành viên, ngân hàng thương mại được đăng ký lại nếu đáp ứng điều kiện quy định. |
| 49 | **Niêm yết trái phiếu sau quá trình tổ chức lại doanh nghiệp (Điều 111)** | **MB**  Đề xuất bổ sung quy định đối với trường hợp niêm yết trái phiếu sau quá trình chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. | **Tiếp thu**  Dự thảo đã bổ sung cho phép trái phiếu tiếp tục niêm yết sau khi chuyển đổi loại hình DN |
| 50 | **Quy định chung về niêm yết chứng khoán (Điều 99)** | **HOSE, CTCP Tài nguyên**   * Đề nghị bỏ nội dung tại điểm b khoản 5, chỉnh sửa thành nội dung: Trong hồ sơ đăng ký niêm yết phải có BCTC kiểm toán của năm liền trước năm đăng ký niêm yết, bỏ giới hạn thời gian 60 ngày. Điều kiện niêm yết dựa trên BCTC kiểm toán năm liền trước năm đăng ký niêm yết, do đó đề nghị bỏ nội dung này và bắt buộc phải có BCTC kiểm toán năm liền trước để đảm bảo tính thống nhất, đồng thời đánh giá đúng tình hình tài chính và hoạt động của tổ chức đăng ký niêm yết trong năm liền trước năm đăng ký niêm yết. Trường hợp công ty chưa hoàn thiện BCTC kiểm toán năm liền trước thì có thể dời thời điểm nộp hồ sơ. * Đề nghị làm rõ chỉ tiêu vốn chủ sở hữu tính trên BCTC hợp nhất/tổng hợp hay báo cáo nào Điểm b khoản 6. * Về ý kiến ngoại trừ: Nếu khoản ngoại trừ **không ảnh hưởng đến điều kiện niêm yết** thì không cần thiết việc tổ chức đăng ký niêm yết phải có **tài liệu giải thích hợp lý** và có **xác nhận của tổ chức kiểm toán** về ảnh hưởng của việc ngoại trừ đến các điều kiện niêm yết vì hầu hết trong thực tế các công ty kiểm toán không muốn xác nhận ảnh hưởng của việc ngoại trừ mà họ đã đưa ra đối với doanh nghiệp (CTCP Tài nguyên) | * **Giải trình**   Nội dung này được giữ nguyên để phù hợp với Điều 11 “Hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng” và để trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đã hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết khi chưa có BCTC kiểm toán năm gần nhất có thể thực hiện đăng ký niêm yết bằng cách xem xét BCTC kiểm toán của các năm trước liền kề.   * **Tiếp thu** và quy định rõ tại khoản 3 Điều 107 về căn cứ xác định ROE là trên BCTC hợp nhất/tổng hợp * **Tiếp thu:** Dự thảo sửa đổi rõ theo hướng: Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về các khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến các điều kiện niêm yết. |
| 51 | **Quy định chung về niêm yết chứng khoán (Điểm d khoản 5 Điều 99)** | **HOSE**  Chưa có mẫu “Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu”;  Tổ chức đăng ký niêm yết có thể linh hoạt lựa chọn mẫu báo cáo hạng mục hoặc báo cáo tài chính đầy đủ; SGDCK cũng có thể yêu cầu việc bổ sung báo cáo theo hình thức phù hợp với việc xử lý hồ sơ đăng ký niêm yết. | **Tiếp thu và** sửa thành: “Trường hợp sau kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán, tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ (trừ trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động), tổ chức đăng ký niêm yết **phải bổ sung báo cáo vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận”.** |
| 52 | **Điều kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ tại Sở giao dịch chứng khoán ( Điều 100)** | * **HOSE**   Quy định *“Đã giao dịch trên hệ thống Upcom tối thiểu 02 năm”* tại điểm b khoản 1 dễ gây hiểu nhầm là Công ty muốn niêm yết phải đăng ký giao dịch Upcom tối thiểu 2 năm.   * **VBF**   Xem xét hủy bỏ hoặc rút ngắn thời gian mà tổ chức phát hành cần dành ra trên hệ thống giao dịch Upcom trước khi niêm yết và các yêu cầu liên quan đến tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) và khả năng sinh lời (điểmb, c khoản 1) | **Giải trình**  Quy định tại Khoản 2 Điều 108 đã có ngoại trừ đối với các trường hợp *“tổ chức đăng ký niêm yết đã chào bán cổ phiếu ra công chúng và doanh nghiệp nhà nước CPH*. Quy định này thống nhất với điểm d khoản 1 Điều 34 Luật Chứng khoán.  **Giải trình**  Việc quy định CTĐC giao dịch tại UPCoM trước khi niêm yết, trừ trường hợp các công ty chào bán ra công chúng để đảm bảo sự minh bạch đối với cổ phiếu niêm yết, tuân thủ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 34 Luật Chứng khoán.  Việc quy định các chỉ tiêu về tài chính như ROE, khả năng sinh lời nhằm đảm bảo chất lượng của hàng hóa niêm yết trên SGDCK. |
| 53 | **Điều kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ tại Sở giao dịch chứng khoán (Điều 100, Điều 102)** | * **HOSE, VBF**   Đề nghị bỏ Điểm a khoản 3 Điều 100 và điểm c khoản 3 Điều 102   * **HOSE**   + Đề nghị tách điều kiện “được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết, trừ trường hợp niêm yết cổ phiếu gắn với chào bán cổ phiếu ra công chúng” thành một khoản mục riêng hoặc quy định tại điều khoản về hồ sơ niêm yết có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết. (Điểm b khoản 1 Điều 100)  + Sửa Điểm d Khoản 1 và Điểm c khoản 3: *“kể từ ngày niêm yết” sửa thành “kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu/chứng chỉ quỹ niêm yết”.* | **Tiếp thu ý kiến**.  **Giải trình**  Điểm này quy định ngoại trừ đối với các trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đã chào bán ra công chúng (ngoại trừ cả 02 điều kiện là đăng ký giao dịch trên UPcom và có NQ ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết). Mặt khác quy định tại dự thảo vẫn đảm bảo rõ ràng cả ở điều kiện và hồ sơ.  **Tiếp thu ý kiến** |
| 54 | **Phân bảng niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán (Điều 101)** | **HOSE**  Đề xuất chỉnh sửa thành “…tính thanh khoản **và các tiêu chí khác phù hợp với quy định pháp luật** theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán” | **Giải trình**  Việc quy định các tiêu chí khác là quá rộng. Các tiêu chí tại dự thảo đã đảm bảo tính linh hoạt khi thiết kế phân bảng niêm yết. |
| 55 | **Thủ tục đăng ký niêm yết (Điều 103)** | **BIDV**  Theo quy định của Khoản 2 Điều 29 Luật Chứng khoán, Tổ chức phát hành ra công chúng phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết và đăng ký giao dịch chứng khoán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.  Đồng thời theo quy định tại Điều 110 của Dự Thảo, hồ sơ đăng ký niêm yết bao gồm (i) sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu của tổ chức niêm yết; và (ii) giấy chứng nhận của VSD về việc trái phiếu đã đăng ký tập trung => như vậy, hồ sơ này chỉ có thể hoàn thiện và gửi đầy đủ, hợp lệ cho Sở giao dịch chứng khoán để niêm yết trái phiếu sau khi tổ chức phát hành đã hoàn thành việc phát hành trái phiếu.  Như vậy, với thời gian quy định của Dự Thảo v/v chấp thuận niêm yết trong vòng 30 ngày, tổ chức phát hành sẽ không thể hoàn thiện được việc đăng ký niêm yết và đăng ký giao dịch chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán trong vòng 30 ngày. Đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản xem xét lại quy trình thực hiện thủ tục niêm yết để quy định thời gian phù hợp. | **Giải trình**  Việc đăng ký niêm yết phải thực hiện sau TCPH đã hoàn thành việc chào bán chứng khoán và đăng ký chứng khoán tập trung tại VSD. Do đó, quy định tại dự thảo là phù hợp với LCK. |
| 56 | **Hồ sơ, thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán sau sáp nhập (Điểm b, c Khoản 7 Điều 106)** | **VBF**  Đề nghị rút ngắn nhất thời gian thay đổi đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch sau sáp nhập, chào bán chứng khoán (ví dụ: giảm từ 30 ngày còn 10 ngày), nhờ đó, ngày giao dịch đầu tiên sớm được công bố và ấn định.  Mặt khác, kiển nghị:  (a) Thông tư hướng dẫn của nghị định hoặc quy chế của VSD quy định một cơ chế phối hợp giữa TCPH, VSD và SGDCK sao cho chứng khoán chỉ được trả vào tài khoản của NĐT khi đã sẵn sàng giao dịch  (b) Trong trường hợp có những sự kiện bất thường khiến việc đưa chứng khoán vào giao dịch không thể hoàn thành trong thời hạn đã thông báo, TCPH có trách nhiệm công bố thông tin liên tục về tiến độ của việc đưa chứng khoán vào giao dịch và ngày giao dịch đầu tiên dự kiến. | **Giải trình:**   * Đối với các trường hợp tại khoản 7 điều 113, DN phải nộp hồ sơ để SGDCK xét lại điều kiện niêm yết:   Dự thảo giữ nguyên thời hạn đăng ký niêm yết bổ sung, xét lại điều kiện niêm yết là 30 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi.. Ngoài ra, SGDCK sẽ xem xét hồ sơ trong 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  Thời hạn này nhằm đảm bảo công ty có thể lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính quy ước và SGDCK có đủ thời gian thẩm định hồ sơ niêm yết, đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư. Việc rút ngắn thời hạn xem xét, thẩm định hồ sơ có thể sẽ dẫn đến việc không xem xét đầy đủ, không đảm bảo chất lượng của chứng khoán niêm yết trên SGDCK.   * Đối với trường hợp thay đổi niêm yết, thay đổi ĐKGD do phát hành thêm: SGDCK chấp thuận thay đổi ĐKNY, ĐKGD trong vòng 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. |
| 57 | **Thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ khi chào bán, phát hành thêm không thuộc trường hợp tái cơ cấu doanh nghiệp hoặc khi mua lại cổ phiếu, giảm vốn điều lệ (Điều 109)** | **HOSE, TPBank**  -Khoản 2 Điều 109: Bổ sung báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu được kiểm toán trừ trường hợp tăng vốn từ các nguồn thuộc vốn chủ sở hữu  - Điểm a khoản 3: đề nghị sửa thành “Trong thời hạn 3 ngày làm việc” (TPBank)   * Dự thảo quy định: *“Trường hợp số lượng chứng khoán niêm yết thay đổi tăng, tổ chức niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch cho số lượng chứng khoán mới theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 106 Nghị định này”. (chỉnh sửa dẫn chiếu)* | **Tiếp thu ý kiến** |
| 58 | **Niêm yết trái phiếu doanh nghiệp (Điều 110)** | ***BIDV***  ***Đề nghị sửa đổi***: Hợp đồng tư vấn niêm yết giữa tổ chức phát hành *và tổ chức tư vấn niêm yết (nếu có).*  **Techcombank**  - Dùng thống nhất thuật ngữ “Người sở hữu trái phiếu” Điểm b khoản 2 cho phù hợp Luật chứng khoán.  - Điểm d Khoản 2: HĐ tư vấn niêm yết phải được ký giữa TCPH và CTCK tư vấn niêm yết chứ không phải đại diện NSHTP. Đề xuất ban soạn thảo xem xét quy định phù hợp  - Khi niêm yết yêu cầu phải nộp lại toàn bộ bộ hồ sơ đăng ký chào bán ra công chúng mà bộ hồ sơ này đã được UBCKNN thẩm định rồi, chỉ nên quy định nộp lại Giấy Chứng Nhận chào bán thôi để giảm thiểu vận hành và lưu trữ hồ sơ của doanh nghiệp và cơ quan quản lý;  - Ngoài ra, không có quy định điều kiện niêm yết trái phiếu doanh nghiệp? Được hiểu là Sở GDCKVN quy định hay như thế nào?  Đề xuất ban soạn thảo làm rõ các nội dung trên | **Tiếp thu,** đã sửa lại thành:  Hợp đồng tư vấn niêm yết trái phiếu giữa tổ chức phát hành và công ty chứng khoán, trừ trường hợp tổ chức phát hành là công ty chứng khoán  **Tiếp thu**  **Tiếp thu**, đã sửa thành HĐ tư vấn niêm yết giữa TCPH và CTCK  **Giải trình:** Theo quy định của Luật chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng phải niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, do đó UBCKNN sẽ chuyển toàn bộ bản sao hồ sơ chào bán TP ra công chúng cho SGDCK để thực hiện xem xét, thẩm định niêm yết.  **Giải trình:** Các chứng khoán CBRL chỉ được chuyển nhượng giữa các NĐT chuyên nghiệp, do đó không niêm yết được trên thị trường. Bảng giao dịch TP cho các NĐT chuyên nghiệp không được coi là bảng niêm yết. |
| 59 | **Hủy bỏ niêm yết bắt buộc (Điều 113)** | **Hose, BIDV**  -Đề nghị điều chỉnh điểm a khoản 1 thành:  “Tổ chức niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán không đáp ứng được các điều kiện niêm yết quy định của Nghị định này và điều kiện là công ty đại chúng quy định tại Luật Chứng khoán:  +Vốn điều lệ đã góp căn cứ trên Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;  +Điều kiện về cơ cấu cổ đông xét tại ngày 31/12 hàng năm.”  Ngoài ra, điều kiện về cơ cấu cổ đông nên xem xét trong một khoảng thời gian không đáp ứng mới hủy, nếu hủy ngay thì công ty niêm yết cũng không kịp có phương án xử lý | **Tiếp thu** và sửa lại như sau:  *“a) Tổ chức niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán không đáp ứng được các điều kiện niêm yết quy định tại Nghị định này về vốn điều lệ đã góp (căn cứ trên Báo cáo tài chính năm được kiểm toán) và điều kiện về cơ cấu cổ đông xét tại ngày 31/12 hàng năm; tổ chức niêm yết không đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng quy định tại Luật Chứng khoán”.* |
| 60 |  | **HOSE:**  Đề nghị bỏ trường hợp “*hồ sơ niêm yết chứa đựng những thông tin sai lệch nghiêm trọng ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư*”.  Chỉnh sửa thành:  “k) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán phát hiện tổ chức niêm yết giả mạo hồ sơ niêm yết;” | **Tiếp thu** |
| 61 |  | **HOSE**  - Đề xuất chỉnh sửa khoản 5 Điều 113 thành:  “Chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:  b) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng.  *e) Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán.*  - Bên cạnh đó, để linh hoạt hơn và dễ dàng điều chỉnh theo tình hình thị trường, SGDCK đề xuất có thể không quy định cụ thể về các trường hợp hủy niêm yết của CW tại tầm Nghị định và giao thẩm quyền cho Bộ Tài chính quy định.  **HOSE, Techcomback**   * Việc hủy bỏ niêm yết trong trường hợp Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc trái phiếu niêm yết được tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước thời gian đáo hạn là bắt buộc đối với toàn bộ các trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết, không phân biệt trái phiếu của công ty đại chúng hay công ty chưa đại chúng. Do đó, đề nghị sửa đổi điều khoản này thành một điều khoản hủy bỏ niêm yết bắt buộc riêng áp dụng cho toàn bộ trái phiếu đang niêm yết (Điểm a khoản 4 Điều 113)   **Techcombak**  Đề xuất ban soạn thảo bổ sung quy định trong trường hợp TCPH mua lại trước hạn một phần (chứ không phải là toàn bộ) thì phần mua lại cũng được coi là hủy bỏ bắt buộc; và thủ tục và hồ sơ hủy bỏ trước hạn một phần trái phiếu. | **Tiếp thu**  Đã tách thành khoản riêng về hủy niêm yết CW, bổ sung các trường hợp như đề xuất của HSX  **Giải trình**  Do Luật Chứng khoán (khoản 4 Điều 48) giao Chính phủ quy định về niêm yết chứng khoán, do đó vẫn giữ lại nội dung về hủy niêm yết CW tại dự thảo  **Tiếp thu,** đã tách hủy bỏ niêm yết trái phiếu thành khoản riêng (khoản 5 Điều 120)  **Giải trình**  Nghị định hiện không quy định trường hợp mua lại trước hạn 1 phần. Trường hợp này, doanh nghiệp thực hiện thủ tục thay đổi niêm yết, không phải hủy bỏ niêm yết bắt buộc. |
| 62 | **Chuyển đăng ký giao dịch Upcom** | **VBF**  Cần quy định cụ thể thời hạn chuyển tiếp mà công ty đại chúng sau khi hủy niêm yết phải đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom. | **Giải trình**  Thời hạn thực hiện đăng ký giao dịch đối với các cổ phiếu bị hủy niêm yết bắt buộc đã được quy định rõ tại Điểm b Khoản 2 Điều 133: *Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực, Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm phối hợp với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của công ty bị hủy bỏ niêm yết.* |
| 63 | **Hủy bỏ niêm yết cổ phiếu tự nguyện (Điều 114)** | **HOSE, VBF**  Đề nghị điều chỉnh điểm a khoản 1 thành:  “a) Quyết định hủy bỏ niêm yết được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo quy định pháp luật doanh nghiệp, trong đó phải được ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) số phiếu biểu quyết của các cổ đông không phải là cổ đông lớn **tham dự** **họp** thông qua;”  Ngoài ra, cần bổ sung thêm trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tính trên số cổ đông nhỏ gửi phiếu ý kiến về hay tính trên toàn bộ cổ đông nhỏ của công ty. | **Giải trình**  Việc quy định hủy niêm yết khi có 50% cổ đông nhỏ thông qua nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông thiểu số.  Trường hợp công ty họp cổ đông trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản thì Quyết định hủy bỏ niêm yết được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua khi được ít nhất 51% số phiếu biểu quyết của các cổ đông không phải là cổ đông lớn thông qua. |
|  |  | **Techcomback**  Đề nghị làm rõ việc trái phiếu có được phép hủy bỏ niêm yết tự nguyện hay không? | **Giải trình**  Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng phải niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán. Do đó, dự thảo không quy định cho phép TP hủy bỏ niêm yết tự nguyện, đảm bảo phù hợp với quy định tại LCK. |
| 64 | **Niêm yết của tổ chức nước ngoài (Điều 116)** | **VBF**  Việc quy định các tổ chức phát hành nước ngoài cũng phải đáp ứng các điều kiện niêm yết tương tự như các tổ chức trong nước nhằm đảm bảo sự công bằng, minh bạch trên TTCK. | **Tiếp thu** |
| 65 | **Tiêu đề mục 4 và các điều khoản thuộc Mục 4 chương III** | **VSD**  Đề nghị sửa tất cả cụm từ “*niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán nước ngoài*” thành “***niêm yết, giao dịch tại thị trường chứng khoán nước ngoài***”. Ví dụ: sửa tiêu đề Mục 4 thành “*Niêm yết, giao dịch chứng khoán của tổ chức phát hành Việt Nam tại thị trường chứng khoán nước ngoài”*; Sửa tiêu đề Điều 119 thành “*Điều kiện niêm yết, giao dịch tại thị trường chứng khoán nước ngoà*i”…. | **Tiếp thu** và đã sửa vào Dự thảo Nghị định |
| 66 | **Niêm yết chứng khoán tại nước ngoài (Điểm b Khoản 1 Điều 121)** | **VBF, VSD đề nghị sửa thành:**  *“Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại hoặc Sở giao dịch chứng khoán nước sở tại về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc niêm yết chứng khoán, tổ chức phát hành phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Sở giao dịch chứng khoán nước sở tại; đồng thời, công bố quyết định này trên phương tiện thông tin đại chúng.**Đối với chứng chỉ lưu ký phát hành dựa trên cổ phiếu đã phát hành, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi chính thức nộp hồ sơ đăng ký với cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại, tổ chức phát hành phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nộp hồ sơ và công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng”* | **Tiếp thu** và đã sửa vào Dự thảo Nghị định |
| 67 | **Đảm bảo tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật (Khoản 3 Điều 121)** | **VBF**  Quy định này không cần thiết vì trong mọi trường hợp, toàn bộ cổ phiếu lưu ký trong tài khoản lưu ký tại Việt Nam của tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký luôn luôn giới hạn trong phạm vi room nước ngoài. | **Giải trình**  Quy định này nhằm đảm bảo tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở (không phải là tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký). |
| 68 | **Hủy bỏ niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài để niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán trong nước (Điều 122)** | **VBF**  Đề nghị bỏ toàn bộ điều này, do: Nếu cổ phiếu cơ sở không được đăng ký và niêm yết sẵn sàng tại Việt Nam thì sẽ không hình thành hiệu ứng bình liên thông, không thể chuyển đổi linh hoạt giữa thị trường Việt Nam và thị trường nước ngoài sẽ không hấp dẫn được nhà đầu tư. | **Giải trình**  Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định cho phép tổ chức niêm yết có thể hủy bỏ niêm yết một phần hoặc toàn bộ để đăng ký niêm yết bổ sung trên SGDCK trong nước (đối với trường hợp song song niêm yết trên 2 SGDCK), đảm bảo tính linh hoạt của sản phẩm. |
| 69 | **Báo cáo và công bố thông tin về việc niêm yết chứng chỉ lưu ký tại Sở Giao dịch chứng khoán nước ngoài (Điều 123)** | **VSD**  - Đề nghị chuyển điều này (Điều 123) lên chương II, mục 6 quy định về chứng chỉ lưu ký.  -Đề nghị cũng điều chỉnh cụm từ “*niêm yết chứng chỉ lưu ký tại sở giao dich chứng khoán nước ngoài*” thành ***“niêm yết, giao dịch chứng chỉ lưu ký tại thị trường chứng khoán nước ngoài*”** | * **Giải trình**   Mục 6, Chương II quy định về “Chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam” không quy định về việc niêm yết chứng khoán tại nước ngoài.  Chứng chỉ lưu ký mặc dù là do tổ chức nước ngoài phát hành nhưng lại là một hình thức niêm yết chứng khoán ra nước ngoài gián tiếp của tổ chức trong nước.   * **Tiếp thu** |
|  |  | **VBF đề nghị sửa Điểm a Khoản 1 Điều 123 thành:**  *"1. Tổ chức phát hành chứng khoán* ***mới*** *để phát hành chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi đăng ký niêm yết chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài. Tài liệu báo cáo bao gồm:"* | **Giải trình**  Việc báo cáo của Tổ chức phát hành là bắt buộc đối với cả tổ chức niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng chỉ lưu ký trên SGDCK nước ngoài để tạo sự công bằng, minh bạch trên TTCK.  Bên cạnh đó, các tài liệu báo cáo không có tài liệu nào liên quan đến quyết định của SGDCK nước ngoài. |
| 71 | **Nghĩa vụ của tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài (Điều 124)** | **VBF**   * Đề nghị sửa *"Điều 124. Nghĩa vụ của tổ chức phát hành* ***chứng khoán để phát hành*** *chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài"* * Đề nghị bỏ toàn bộ khoản 1: *~~“Tổ chức nắm giữ chứng khoán để phát hành chứng chỉ lưu ký phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về chứng khoán nắm giữ và thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến người sở hữu chứng chỉ lưu ký.”~~* Do yêu cầu này trên thực tế không thể đáp ứng được vì lý do khách quan là hệ thống tài khoản nhà đầu tư và hệ thống thanh toán bù trừ tại thị trường Hoa Kỳ và Châu Âu không hỗ trợ truy cập thông tin tới được cấp độ người sở hữu thụ hưởng. | * **Tiếp thu một phần**   Nội dung điều này bao gồm cả nghĩa vụ của cả tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và nghĩa vụ của tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký. Do đó, Dự thảo Nghị định sửa lại như sau: “*Nghĩa vụ của tổ chức nắm giữ chứng khoán để phát hành chứng chỉ lưu ký và tổ chức phát hành chứng khoán để phát hành chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài*”.   * **Giải trình**   Quy định này đang đề cập đến tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký (VD: Ngân hàng lưu ký toàn cầu), không đề cập đến người sở hữu chứng chỉ lưu ký (VD: Nhà đầu tư nước ngoài tại SGDCK nước ngoài). |
| 72 | **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (Điều 131)** | **Techcombank, MBank**  Đề nghị bổ sung quy định cho phép Đại hội đồng cổ đông được quyền quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng tương tự quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP | **Giải trình:** Dự thảo không còn quy định cho phép DN quyết định tỷ lệ SHNN tối đa, do:  Nghị định số 60/2015/NĐ-CP (khoản 2 Điều 1) có quy định đối với các trường hợp công ty đại chúng có ngành, nghề kinh doanh không thuộc quy định tại điều ước quốc tế, pháp luật chuyên ngành hoặc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện mà chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì công ty đại chúng đó có tỷ lệ sở hữu nước ngoài không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác *(điểm đ khoản 1 Điều 21 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP).*  Tại Dự thảo Nghị định đã bỏ quy định *“trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác”.* Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và nhiều ngân hàng có ý kiến cho rằng việc bỏ quy định cho phép Điều lệ công ty được quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không phù hợp do vấn đề này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, ảnh hưởng đến quyền lợi của doanh nghiệp và ảnh hưởng đến an ninh, an toàn của thị trường.  Đây là vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau. Tuy nhiên, Bộ Tài chính có ý kiến bảo lưu quy định *(bỏ quy định cho phép Điều lệ công ty quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài)* với các lý do sau:  ***(1) Về mặt pháp lý***   * Đảm bảo tính phù hợp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật trong quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (có hiệu từ 01/01/2021) có quy định về việc áp dụng Luật đầu tư và các luật có liên quan. Theo đó:   + Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh hoặc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư (khoản 2 Điều 4 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14).  + Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành về trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh, bảo đảm đầu tư thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, trừ trường hợp: thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh, hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán (khoản 3 Điều 4 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14).  + Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về đầu tư khác với quy định của Luật Đầu tư thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó (khoản 4 Điều 4 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14).  Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 không có quy định cụ thể về điều kiện đầu tư kinh doanh, hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam và được ban hành trước Luật Đầu tư số 61/2020/QH14. Do đó, các quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.   * Đảm đảm bảo tuân thủ quy định việc tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài: việc cho phép Điều lệ công ty quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu ư nước ngoài là hình thức hạn chế tiếp thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Việc quy định như tại Dự thảo Nghị định nhằm đảm bảo quy định về tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14), theo đó "nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước” trừ các trường hợp hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài được Chính phủ công bố. * Quy định không trái với các quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.   ***(2) Về mặt kinh tế***  Việc cho phép doanh nghiệp được quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài có ưu điểm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hạn chế tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài có cơ hội tìm kiếm được đối tác chiến lược và có thể chào bán cổ phần với giá cao hơn giá thị trường.  Tuy nhiên, qua quá trình áp dụng, ngoài ưu điểm trên đối với một số doanh nghiệp, việc cho phép Điều lệ Công ty được phép quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đã phát sinh nhiều điểm bất cập như:   * Việc cho phép Đại hội đồng cổ đông được quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tạo ra sự không đồng nhất, gây khó khăn cho nhà đầu tư nước ngoài trong việc tiếp cận thông tin, lập kế hoạch đầu tư; * Ảnh hưởng tiêu cực đến việc thị trường Việt Nam được nâng hạng và khả năng huy động vốn của thị trường chứng khoán Việt Nam.   Ngoài ra, như đã phân tích về mặt luật pháp nêu trên, quy định tại Dự thảo Nghị định nhằm đảm bảo sự phù hợp với quy định của pháp luật đầu tư. Tuy nhiên, về mặt kinh tế, để đảm bảo lợi ích hài hòa của các doanh nghiệp, tránh gây xáo trộn thị trường, Bộ Tài chính kiến nghị quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực phải đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. |
| 73 | **Góp ý chung Chương IV** | **VBF**  - Đề xuất bổ sung vào dự thảo nghị định này (hoặc quy định tại Thông tư hướng dẫn nghị định mới) nguyên tắc cho hoạt động lưu ký chứng khoán: TTLK chấp thuận xử lý các tài liệu bằng tiếng Anh trong các bộ hồ sơ lưu ký chứng khoán của NĐTNN, các tài liệu bổ sung bằng ngôn ngữ khác không phải tiếng Anh thì phải được dịch sang tiếng Việt hoặc tiếng Anh, tương tự tinh thần của các quy định trong Thông tư 123/2015/TT-BTC. Điều này cũng sẽ hỗ trợ quá trình nâng hạng thị trường của Việt Nam trong bảng phân hạng của MSCI/FTSE.  - Trong chương này có đề cập đến hoạt động tự doanh của TVBT. Tuy nhiên, trong trường hợp NHTM là TVBT, NHTM sẽ không có tài khoản tự doanh cổ phiếu do thông lệ toàn cầu về hoạt động nội bộ tách biệt giữa khối nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán với khối nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán. Đề nghị cơ quản quản lý cân nhắc, xem xét thực tế này khi quy định các quy trình liên quan đến xử lý lỗi trong hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, nhằm đảm bảo tính khả thi khi NHTM đóng vai trò TVBT. | **Giải trình:**  Các hoạt động về lưu ký chứng khoán được Luật Chứng khoán giao hướng dẫn chi tiết tại Thông tư của Bộ Tài chính (khoản 4 Điều 62).  Các đề xuất của VBF, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu để quy định chi tiết tại Thông tư  **- Giải trình:**  Trên thực tế, các ngân hàng thương mại phải xử lý quy trình và hệ thống nội bộ do trong một số trường hợp có lỗi phát sinh từ phía ngân hàng lưu ký thì phải hạch toán về tài khoản tự doanh của ngân hàng lưu ký để xử lý (trong những năm qua đã có xảy ra một số trường hợp này và đã thực hiện sửa lỗi). |
| 74 | **Quyền và nghĩa vụ của VSD** | - Điểm d, Khoản 1 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  *d) Từ chối thế vị đối với các giao dịch bán chứng khoán khi chưa sở hữu không đúng quy định của pháp luật, ~~và~~ giao dịch của thành viên bù trừ và thành viên không bù trừ ủy thác bù trừ, thanh toán qua thành viên bù trừ thực hiện sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam yêu cầu Sở giao dịch chứng khoán đình chỉ hoạt động giao dịch của các thành viên này và các giao dịch không hợp lệ khác theo quy định của Bộ Tài chính;*  **- Điểm d, Khoản 2** đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  d) Trích lập ~~không quá~~ 20% doanh thu hàng năm từ nghiệp vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán để lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ thanh toán giao dịch chứng khoán, được quản lý và sử dụng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, để hỗ trợ thanh toán và bù đắp thiệt hại tài chính trong trường hợp thành viên bù trừ, khách hàng của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán (nếu có). | **Tiếp thu** và đã chỉnh sửa tại dự thảo |
| 75 | **Điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán (Điều 138)** | **VBF**  Theo khoản 4, Điều 56 Luật chứng khoán thì thành viên bù trừ là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh cho chính ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và không được thực hiện bất kì hoạt động bù trừ, thanh toán nào khác, kể cả hoạt động bù trừ thanh toán trên thị trường chứng khoán cơ sở. Do đó, thành viên bù trừ cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán trên thị trường cơ sở quy định tại dự thảo nghị định chỉ có thể là công ty chứng khoán.  1.Hiện tại, theo quy định về cấp giấy phép của NHNN, mẫu giấy phép chuẩn chỉ có hoạt động lưu ký chứng khoán, không có hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán vì các hoạt động này được hiểu là hoạt động nội hàm trong tổng thể hoạt động lưu ký chứng khoán nói chung theo quy trình hiện tại.  2. Việc thành viên bù trừ chịu trách nhiệm thanh toán (thanh toán ký quỹ và thanh toán thực hiện giao dịch) với CCP thay cho nhà đầu tư, ngay cả khi chưa nhận được tiền từ phía nhà đầu tư có thể bị xem là hoạt động cấp tín dụng cho người không cư trú.  3. Thành viên bù trừ phải có tài khoản tự doanh chứng khoán để thực hiện sửa lỗi giao dịch hoặc các giao dịch mua lại bắt buộc. Theo thông tư 17/2017/TT-NHNN, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được tham gia vào hoạt động góp vốn mua cổ phần mà chỉ được tham gia đầu tư trái phiếu.  Do đó, VBF đề xuất:   * Sửa đổi dự thảo nghị định theo hướng thành viên bù trừ cho thị trường cơ sở chỉ có thể là công ty chứng khoán và bỏ các điều khoản, điều kiện liên quan đến thành viên bù trừ là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. * UBCK và TTLKCK xây dựng quy trình thanh toán bù trừ phù hợp, không gây ảnh hướng tới hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư nước ngoài khi thị trường chuyển sang áp dụng cơ chế thanh toán bù trừ trung tâm CCP trong đó ngân hàng lưu ký không tham gia làm thành viên bù trừ. * Bộ tài chính, UBCK có ý kiến với Ngân hàng nhà nước về việc hướng dẫn các ngân hàng thương mại trình tự, hồ sơ cũng như thủ tục để xin bổ sung chức năng bù trừ, thanh toán vào giấy phép kinh doanh của Ngân hàng. Đây là việc làm mang tính cấp bách vì hiện tại, quá trình xin bổ sung ngành nghề kinh doanh mới vào giấy phép của Ngân hàng thương mại đòi hỏi khá nhiều thời gian chuẩn bị. | **Giải trình:**   * Về việc TVBT và NHTM:   Điều 56 Luật chứng khoán quy định: *Thành viên bù trừ là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh cho chính ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* mà không hạn chế các NHTM làm TVBT trên thị trường cơ sở.  Bên cạnh đó, Nghị định quy định đối tượng được đăng ký làm thành viên bù trừ là CTCK, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, không bắt buộc khối ngân hàng thương mại làm thành viên bù trừ.   * Về TVBT chịu trách nhiệm thanh toán:   TVBT là người chịu trách nhiệm thanh toán với CCP là thông lệ phổ biến hiện nay, đảm bảo an toàn cho hoạt động thanh toán trên TTCK.   * Về tài khoản tự doanh của TVBT:   Việc cần có tài khoản tự doanh là điều kiện cần thiết để đảm bảo nghĩa vụ của TVBT đối với CCP và đã được giải trình như tại mục trên.   * Về việc phối hợp với NHNN trong hướng dẫn NHTM tham gia hoạt động bù trừ:   Bộ Tài chính đã xin ý kiến NHNN về dự thảo Nghị định và sẽ làm việc với NHNN về vấn đề này. Trường hợp pháp luật ngân hàng chưa cho phép, ngân hàng thương mại vẫn tiếp tục làm nghiệp vụ lưu ký và không được bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán. |
| 76 | **Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán (Điều 143)** | **VBF**  - Chúng tôi hiểu rằng việc chỉ định TVBT thay thể chỉ thực hiện sau khi TVBT thay thế đó đồng ý/ xác nhận khả năng và mong muốn thay thế.  - Điều 143. 1. d): Việc thực hiện từ chối thế vị của VSDC có thể dẫn tới giao dịch được khớp lệnh trên sàn sẽ bị từ chối và ảnh hưởng đến giao dịch thị trường. Do vậy, chúng tôi khuyến nghị nên áp dụng các biện pháp để các giao dịch đặt lệnh trên sàn phải hợp lệ ngay từ đầu. Đó là quy định trách nhiệm của CTCK khi đặt lệnh giao dịch cho nhà đầu tư. Đề nghị viết lại như sau:  d) Quyền yêu cầu thành viên bù trừ hoặc thành viên không bù trừ ủy thác bù trừ, thanh toán qua thành viên bù trừ thực hiện các biện pháp đảm bảo chỉ giao dịch bán chứng khoán khi sở hữu chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật. ~~Từ chối thế vị  đối với các giao dịch bán chứng khoán khi chưa sở hữu không đúng quy định của pháp luật và giao dịch của thành viên bù trừ và thành viên không bù trừ ủy thác bù trừ, thanh toán qua thành viên bù trừ thực hiện sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam yêu cầu Sở giao dịch chứng khoán đình chỉ hoạt động giao dịch của các thành viên này;~~  - Điều 143. 1. i) Điều này có nghĩa là tài sản của các nhà đầu tư khác của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán (gây ra do giao dịch của một nhà đầu tư cụ thể khác) sẽ được sử dụng đề bù đắp cho các giao dịch mất khả năng thanh toán không phải của mình, điều này là không đúng với việc quản lý tài sản hiện tại của nhà đầu tư theo thông lệ quốc tế, theo đó, tài sản của các khách hàng phải được quản lý tách biệt với tài sản của thành viên lưu ký, cũng như tài khoản của các khách hàng khác.Đề nghị xem xét lại tính khả thi của việc quy định Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán trong trường hợp này để phù hợp với thông lệ quốc tế.  - Quy định về quyền của TVBT tại Điều 144 chỉ cho phép TVBT xử lý tài sản, ký quỹ của NĐT mất khả năng thanh toán. Tuy nhiên Điều 143.1.i lại cho phép VSDC xử lý giao dịch bán chứng khoán khác, hoạt động thực hiện quyền của chính thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán tiền - nếu TVBT xử lý tài sản, ký quỹ của NĐT mất khả năng thanh toán theo quy định tại Điều 143.1.h không thể thực hiện/không đủ. Chúng tôi hiểu rằng nếu VSDC xử lý tất cả các giao dịch khác của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán - bao gồm cả tài sản phát sinh từ các giao dịch của NĐT khác không mất khả năng thanh toán - sẽ vi phạm nguyên tắc quyền sở hữu tài sản của nhà đầu tư. Chúng tôi đề xuất cơ quan quản lý quy định chi tiết hơn về cơ chế xử lý đối với trường hợp quy định tại Điều 143 Khoản 1 Điểm i sao cho đảm bảo quyền lợi của các NĐT khác của TVBT mất khả năng thanh toán.  Đồng thời, đề nghị quy định cụ thể tại Điều 144 quyền của TVBT trong việc xử lý tài sản, ký quỹ của NĐT không mất khả năng thanh toán trong trường hợp TVBT đó mất khả năng thanh toán. | **Giải trình:**  -Về việc chỉ định TVBT thay thế:  Khi đăng ký làm TVBT, các TVBT có nghĩa vụ ký HĐ với VSD, CCP, trong đó Hợp đồng sẽ có điều khoản quy định: TVBT phải có nghĩa vụ thực hiện thanh toán, giao dịch thanh toán theo chỉ định của VSD. Đây là hoạt động nhằm đảm bảo an toàn của thị trường, bảo vệ nhà đầu tư và thông lệ quốc tế. Việc ký kết hợp đồng với VSD như trên, về nguyên tắc là TVBT thay thế đồng ý với chỉ định của VSD.  - Về việc từ chối thế vị với giao dịch không hợp lệ:  Quy định này nhằm đảm bảo xử lý các trường hợp phát sinh trên thực tế do lỗi hệ thống từ phía các công ty chứng khoán. Trong trường hợp thông thường, SGDCK, VSD sẽ phối hợp để các giao dịch đặt lệnh hợp pháp ngay từ đầu, đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.  - Về việc sử dụng tài sản của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán để hoàn trả nguồn hỗ trợ đã sử dụng:  + Trường hợp CCP, VSD dùng các nguồn để hỗ trợ, xử lý các giao dịch mất khả năng thanh toán, VSD có quyền dùng các tài sản (tiền thu từ các giao dịch bán chứng khoán, chứng khoán) của chính thành viên bù trừ đó để bù đắp.  + Trường hợp khách hàng mất khả năng thanh toán tiền mua chứng khoán: TVBT sẽ sử dụng chính chứng khoán đang về tài khoản của NĐT từ giao dịch mua thiếu tiền đó để xử lý, thực hiện nghĩa vụ với TVBT (khi TVBT đã thực hiện thanh toán thay cho khách hàng).   * Về các giao dịch của nhà đầu tư (không mất khả năng thanh toán) nếu TVBT mất khả năng thanh toán: Các giao dịch này vẫn được đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp của VSD như chỉ định TVBT thay thể để hoàn tất giao dịch và đã thể hiện tại các quy định tại Điều 143, 144 Nghị định này. |
| 77 | **Quyền và nghĩa vụ của TVBT (Điều 144)** | **VSD**  - Điểm b, Khoản 2 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  *b) Ký hợp đồng bù trừ, thanh toán với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ký hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên không bù trừ. Trong hợp đồng phải có điều khoản nêu rõ thành viên bù trừ là đại diện theo ủy quyền của khách hàng, chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của khách hàng đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.* ***Hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán cần có các nội dung theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;*** | **Giải trình:**  Hợp đồng ủy thác bù trừ sẽ do VSD quy định trên cơ sở UBCKNN chấp thuận, tương tự hợp đồng giữa SGDCK ký với thành viên. |
|  |  | **VSD**  Điểm c, Khoản 2 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  c*) Thực hiện các biện pháp ~~hỗ trợ tài chính, hỗ trợ~~ nghiệp vụ theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; Trích 20% doanh thu từ hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán để lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ thanh toán giao dịch chứng khoán nhằm ~~để~~ đảm bảo khả năng thanh toán và bù đắp thiệt hại tài chính (nếu có);* | **Tiếp thu** và đã chỉnh sửa tại Điều 144 dự thảo |
|  |  | **VSD**  Điểm đ, Khoản 2 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  *đ) Bảo đảm nhà đầu tư có đủ tài sản ký quỹ trước khi thực hiện giao dịch và đủ tiền để thanh toán giao dịch chứng khoán; hoàn trả phần tài sản ký quỹ vượt mức ký quỹ yêu cầu theo yêu cầu của nhà đầu tư; giám sát, quản lý giao dịch và tài sản ký quỹ của nhà đầu tư bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật;* | **Tiếp thu** và đã chỉnh sửa tại Điều 144 dự thảo |
|  |  | **VBF, HSBC**  Về quyền và nghĩa vụ của TVBT chung đối với TVLK không bù trừ:  Dự thảo nghị định chỉ quy định quyền và nghĩa vụ của TVBT đối với NĐT, chưa có quy định quyền và nghĩa vụ của TVBT chung đối với TVLK không bù trừ. Đề xuất bổ sung quy định quyền và nghĩa vụ của TVBT chung đối với TVLK không bù trừ hoặc cụ thể hóa một số quy định mang tính nguyên tắc trong hợp đồng mẫu giữa thành viên bù trừ chung và thành viên lưu ký không bù trừ.  - Về chuyển tiền ký quỹ của NĐT:  Việc yêu cầu yêu cầu nhà đầu tư thực hiện việc ký quỹ trước khi giao dịch cũng phải cần phải được xem xét và nghiên cứu kỹ về cơ chế áp dụng vì có thể sẽ gây nhiều khó khăn đối với các nhà đầu tư nước ngoài và cả các thành viên bù trừ. Ngoài ra, thay vì phải thực hiện 1 giao dịch chuyển tiền, thi nhà đầu tư phải thực hiện 2 giao dịch chuyển tiền cho mỗi ngày giao dịch (giao dịch chuyển tiền ký quỹ và giao dịch chuyển tiền thanh toán), trong đó giao dịch chuyển tiền ký quỹ là bị động. Điều này sẽ tăng thêm gánh nặng về mặt vận hành cho nhà đầu tư.  Qua tham khảo thông lệ quốc tế, hiện nay chỉ có thị trường Ấn Độ có áp dụng yêu cầu ký quỹ tới cấp độ nhà đầu tư và trên thực tế đã và đang tạo ra nhiều khó khăn, rắc rối cho nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thị trường.  Do vậy, chúng tôi khuyến nghị nên để thành viên bù trừ được quyết định cách thức bảo đảm thanh toán thay vì quy định bắt buộc nhà đầu tư phải đóng góp các khoản ký quỹ. Đề nghị sửa lại như sau:  a) Được yêu cầu nhà đầu tư **thực hiện các biện pháp đảm bảo thanh toán** ~~đóng góp đầy đủ, kịp thời các khoản ký quỹ~~ trước khi thực hiện giao dịch; được xác định các mức ký quỹ tùy thuộc vào tính chất, quy mô giao dịch, mức độ tín nhiệm của khách hàng, bảo đảm không thấp hơn mức ký quỹ tối thiểu theo quy định; được xác định **phương thức đảm bảo thanh toán**, ký quỹ, bổ sung ký quỹ, thay đổi tài sản ký quỹ, chuyển giao tài sản ký quỹ phù hợp với quy định pháp luật;  - Về cơ chế thực hiện được giao dịch đối ứng:  Trong trường hợp nhà đầu tư mất khả năng thanh toán, thành viên bù trừ là nhà ngân hàng lưu ký sẽ không có cơ chế để thực hiện được giao dịch đối ứng bắt buộc do chúng tôi không phải là thành viên giao dịch của sở giao dịch. Thành viên bù trừ chỉ có quyền yêu cầu, nhưng không can thiệp được vào việc nhà đầu tư có đặt lệnh thực hiện các giao dịch đó hay không. Đề xuất làm rõ cơ chế để thành viên bù trừ có thể yêu cầu nhà đầu tư thực hiện được giao dịch đối ứng bắt buộc. Đề xuất quy định thành nghĩa vụ của nhà đầu tư để tạo cơ sở pháp lý cho các thỏa thuận ký kết giữa nhà đầu tư và thành viên bù trừ. Do đó, đề nghị sửa lại như sau:  b*) Trong trường hợp nhà đầu tư mất khả năng thanh toán, thành viên bù trừ có quyền yêu cầu nhà đầu tư hoặc thành viên bù trừ thực hiện giao dịch đối ứng bắt buộc đối với các giao dịch của nhà đầu tư; sử dụng, bán, chuyển nhượng tài sản ký quỹ của nhà đầu tư để mua hoặc làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay* ***hoặc yêu cầu nhà đầu tư thực hiện các  biện pháp bảo đảm như cam kết*** *để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đối với các giao dịch của nhà đầu tư;*  - Về vấn đề cần làm việc với NHNN:  Nhìn từ nghĩa vụ thành viên bù trừ trong dự thảo Nghị định *(Điều 144 mục 2c quy định thành viên bù trừ phải thực hiện các biện pháp hỗ trợ tài chính, hỗ trợ nghiệp vụ theo quy chế của VSD khi NĐT mất khả năng thanh toán)*. Điều này đồng nghĩa với việc vào ngày thanh toán, nếu khách hàng của thành viên bù trừ không đủ khả năng thanh toán cho các giao dịch mua, thành viên bù trừ vẫn phải hoàn thành nghĩa vụ thanh toán này thay mặt nhà đầu tư với tổng công ty bù trừ chứng khoán, tương ứng với việc thành viên bù trừ đã ứng trước khoản tiền này cho khách hàng, hay nói cách khác là đã sử dụng hạn mức tín dụng để thực hiện điều này. Hiện nay theo quy định hiện nay về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước là không được phép. VBF kiến nghị và đề xuất UBCKNN làm việc thêm với NHNN nếu trong mô hình CCP cho thị trường cơ sở có khả năng dẫn tới việc ngân hàng lưu ký cho vay hoặc ứng trước tiền thanh toán cho NĐTNN. | **Giải trình:**  - Về quyền và nghĩa vụ của TVBT chung đối với TVLK không bù trừ: Thành viên lưu ký không bù trừ chỉ làm nghiệp vụ lưu ký chứng khoán do đó không tham gia vào quá trình bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán. Trong khi đó TVBT chung là thành viên tham gia vào quá trình bù trừ, thanh toán chứng khoán. Vì thế, việc quy định quyền và nghĩa vụ của TVBT chung đối với TVLK không bù trừ là không hợp lý.  - Về chuyển tiền ký quỹ của NĐT:  Dự thảo quy định theo hướng TVBT đảm bảo nhà đầu tư có đủ tài sản ký quỹ trước khi giao dịch. Quy định này cho phép TVBT và nhà đầu tư có cơ chế thỏa thuận, đảm bảo quản lý rủi ro cũng như thuận tiện trong quá trình giao dịch và thanh toán. Theo đó, tùy thuộc vào CTCK, NĐT có thể chỉ phải nộp tiền 01 lần là 100% tiền trước khi giao dịch. Quy trình ký quỹ, thanh toán, bù trừ sẽ do CTCK thực hiện, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật.  Mặt khác, hiện một số thị trường vẫn quy định như Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ ... đều quy định về yêu cầu ký quỹ đối với nhà đầu tư:  <https://www.jpx.co.jp/jscc/en/cash/futures/marginsystem/customer.html>  <file:///C:/Users/Nguyen%20Hai%20Nam/Downloads/GUIDELINES%20ON%20TRADING%20EXCHANGE-TRADED%20DERIVATIVES_20190918.pdf>  - Về cơ chế thực hiện được giao dịch đối ứng khi nhà đầu tư mất khả năng thanh toán đối với thành viên bù trừ là nhà ngân hàng lưu ký: Buy in là 1 trong các biện pháp xử lý mất khả năng thanh toán, ngân hàng thương mại có thể vay SBL hoặc buy in thông qua việc nhờ CTCK đặt lệnh như đặt lệnh cho nhà đầu tư như hiện nay hoặc trong trường hợp ngân hàng thương mại không thể thực hiện được giao dịch buy in thì chuyển sang thanh toán bằng tiền.  -Về các vấn đề cần làm việc với NHNN:  Như đã giải trình ở trên, Bộ Tài chính đã xin ý kiến NHNN về dự thảo Nghị định và sẽ làm việc với NHNN về vấn đề này. |
| 78 | **Thay đổi thông tin hồ sơ đăng ký thành viên lưu ký (Điều 149)**  **Thay đổi thông tin hồ sơ đăng ký thành viên bù trừ (Điều 151)** | **VBF**  Ngoài việc thực hiện báo cáo Trung tâm lưu ký, thành viên lưu ký còn phải thực hiện báo cáo, thông báo với các cơ quan quản lý khác và khách hàng cũng như các thủ tục nội bộ khác. Việc thực hiện báo cáo ngắn (trong vòng 01 ngày làm việc) gây khó khăn cho các thành viên lưu ký khi thực hiện.  Đề xuất sửa đổi:  1. Khi có sự thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thành viên lưu ký, TVBT thì thành viên phải gửi văn bản thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày việc thay đổi có hiệu lực. | **Tiếp thu** và đã chỉnh sửa tại Điều 157 dự thảo về thay đổi thông tin thành viên lưu ký, thành viên bù trừ |
| 79 | **Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký trở thành thành viên bù trừ (Điều 150)** | **VBF, HSBC**  Đề xuất UBCKNN làm việc thêm với NHNN về việc cấp/cho phép các ngân hàng lưu ký được cung cấp dịch vụ thanh toán bù  **VSD**  - Điểm a và d, Khoản 2 đề nghị sửa đổi như sau: *Khoản a) Mẫu ~~40~~ 41; Khoản d) Mẫu ~~41~~ 38*  *-*  Điểm b, Khoản 3 Sửa đổi như sau:  *b) Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đăng ký làm thành viên bù trừ hoàn thành việc ký kết hợp đồng và đóng góp vào Quỹ bù trừ, kết nối với hệ thống bù trừ, thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, đảm bảo an toàn và bảo mật thanh toán, tổ chức đăng ký làm thành viên bù trừ gửi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam Giấy đăng ký tài khoản nhận tiền rút ký quỹ, thanh toán, ~~nhận hoàn trả khoản đóng góp Quỹ bù trừ~~ theo Mẫu 42 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ.* | **Tiếp thu** (như đã nêu ở trên)  **Tiếp thu** và đã chỉnh sửa tại Điều 156 dự thảo |
| 80 | **Hồ sơ đăng ký làm ngân hàng thanh toán (khoản 4 Điều 156)** | **Techcombank**  Đề xuất ban soạn thảo làm rõ cơ chế cấp hạn mức tín dụng và hướng dẫn thực hiện nếu có để đảm bảo cam kết của NHTT được tuân thủ. | **Tiếp thu:**  Dự thảo đã bỏ điều kiện này tại hồ sơ đăng ký làm ngân hàng thanh toán. Theo đó, đây là một trong các nghĩa vụ của NHTT được quy định tại Điều 162 Nghị định |
| 81 | **Ý kiến chung Chương V: Đăng ký biện pháp đảm bảo với chứng khoán** | **VBF**  - Hiện tại, dự thảo quy định chưa rõ nếu đã đăng ký giao dịch bảo đảm với Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm – NRAST cho các chứng khoán đăng ký tập trung tại VSDC và muốn đăng ký biện pháp bảo đảm tại VSDC thì liệu có cơ chế liên thông về thông tin giữa hai tổ chức này không? Nếu không vì việc đăng ký biện pháp bảo đảm cho các chứng khoán này với VSDC cần thực hiện như thế nào? Đề nghị quy định rõ về giai đoạn chuyển tiếp để nhà đầu tư chuyển nơi đăng ký đối với các tài sản bảo đảm đã đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản của Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư Pháp sang Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam khi Nghị định có hiệu lực.  - Chương này quy định một số Form mẫu cho hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm tại VSDC, nhưng một số Form mẫu khác lại sẽ do VSDC quy định trong các quy chế liên quan. Đây là một cách tiếp cận không thống nhất, tính pháp lý của các form mẫu trong cùng một quy trình được quy định ở các mức độ khác nhau (tầm nghị định so với tầm quy chế). Chúng tôi đề xuất thống nhất quy định: hoặc tất cả form mẫu được quy định tại Nghị định, hoặc tất cả do VSDC quy định tại quy chế.  - Trong thực tế, nếu NĐTNN là một bên tham gia vào giao dịch bảo đảm, nhiều khả năng NĐTNN sẽ ủy quyền cho TVLK của mình thực hiện các hồ sơ, giấy tờ có liên quan bằng các điện SWIFT thay cho các văn bản có chữ ký ướt. Đề xuất Dự thảo nghị định quy định về mặt nguyên tắc chấp thuận xử lý các hồ sơ của NĐTNN với các hình thức ủy quyền, chỉ thị, phiếu yêu cầu được gửi qua điện SWIFT của Nhà đầu tư nước ngoài/Ngân hàng lưu ký toàn cầu. Đề xuất các văn bản hướng dẫn nghị định quy định rõ về mẫu giấy ủy quyền và các thông tin cần có trong điện SWIFT tương đương.  -Điều 162: Thực tế đòi hỏi việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm phải diễn ra càng nhanh càng tốt và không bị ràng buộc để có hiệu quả. Do đó, đề nghị xem xét giải thích rõ cách diễn đạt Điều này để làm rõ là các điều kiện chuyển nhượng chứng khoán thông thường không áp dụng đối với một giao dịch xử lý tài sản bảo đảm. | **Tiếp thu:**  - Từ ngày 01/01/2021 các chứng khoán đã đăng ký tại VSD thực hiện đăng ký BPBĐ tại VSD.  - Đối với các chứng khoán đã đăng ký BPBĐ tại NRAT trước ngày 01/01/2021 thì vẫn theo quy định của NĐ 102/2017. Nội dung đăng ký BPBĐ của 2 đơn vị là khác nhau nên không thể liên thông được.  Do vậy, đã bổ sung quy định tại điều khoản chuyển tiếp đối với đăng ký biện pháp bảo đảm (Điều 268) như sau:  *“Các chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng Công ty lưu lý Bù trừ Chứng khoán Việt Nam nhưng được sử dụng làm tài sản đảm bảo trong các giao dịch bảo đảm đã được đăng ký tại Cục Đăng ký quốc gia giao dịch đảm bảo- Bộ Tư pháp trước ngày Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực thi hành không phải đăng ký lại tại Tổng Công ty lưu lý Bù trừ Chứng khoán Việt Nam theo quy định của Nghị định này. Việc thay đổi, sửa chữa sai sót, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các chứng khoán nêu trên được thực hiện tại Cục Đăng ký quốc gia giao dịch đảm bảo- Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm”.*  **Tiếp thu** và đã thống nhất quy định tại Nghị định  **Giải trình:** Trong các form mẫu đều có ủy quyền thực hiện. Hình thức ủy quyền thực hiện theo pháp luật dân sự.  **Giải trình:**  Nghịđịnh chỉ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm theo thẩm quyền được Luật Chứng khoán giao.Việc xử lý tài sản bảo đảm là chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan khác. |
| 82 | **Đối tượng, phạm vi và nguyên tắc thực hiện (Điều 159)** | **- VSD** đề nghị sửa lại Khoản 3 như sau:  *3. Các bên yêu cầu đăng ký phải kê khai đầy đủ, chính xác, đúng sự thật, phù hợp với nội dung của giao dịch bảo đảm đã giao kết, tự chịu trách nhiệm về thông tin đã kê khai, cung cấp và đồng ý để Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phong tỏa, cung cấp thông tin chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật.*  - **Techcombank**  Đề nghị làm rõ nguyên tắc đảm bảo thông tin sở hữu chứng khoán phải phù hợp với thông tin được lưu giữ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán. | **Tiếp thu** và đã chỉnh sửa tại Điều 165 dự thảo  - **Giải trình:**  Thông tin về người sở hữu chứng khoán, số lượng chứng khoán sở hữu, mã chứng khoán là các thông tin được lưu giữ tại VSD khi người sở hữu chứng khoán mở tài khoản lưu ký chứng khoán phù hợp quy định pháp luật. Do VSD đang quản lý các thông tin này nên các bên đăng ký biện pháp bảo đảm không thể đăng ký thông tin sai lệch so với thông tin trên hệ thống của VSD. |
| 83 | **Cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm (Điều 161)** | **VSD, Ngân hàng Tiên phong**  - Đề nghị bổ sung 01 khoản như sau:  *4. Phương thức, hồ sơ thủ tục cung cấp thông tin:*  *a). Cá nhân, tổ chức có nhu cầu cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm gửi Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin (theo Mẫu số....) đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông qua Thành viên lưu ký bằng các hình thức nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm trực tuyến.*  *b). Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có nhu cầu cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm gửi công văn trực tiếp đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam*  *c) Thời hạn Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam giải quyết hồ sơ cung cấp thông tin thực hiện theo quy định tại điểm b, Khoản 6 Điều 160 Nghị định này*  *d). Việc trả kết quả cung cấp thông tin cho cá nhân, tổ chức được thực hiện theo quy định tại điểm a, Khoản 7 Điều 160 Nghị định này và việc trả kết quả cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại điểm b, Khoản 7 Điều 160 Nghị định này*  - Đề nghị sửa khoản 2 Điều 161 Dự thảo quy định: *“2. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có quyền yêu cầu Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp thông tin về chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm để phục vụ hoạt động chuyên môn thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của cơ quan mình”.*  **Techcombank, VSD**  Đề nghị bổ sung cơ chế làm rõ/xác định cá nhân, tổ chức có liên quan. Từ ngữ này có cùng cách giải thích như khái niệm người có liên quan tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán không? | **Tiếp thu** và đã chỉnh sửa tại Điều 167 dự thảo  **Giải trình:**  - Dự thảo (Điều 161) đã sửa đổi theo hướng quy định mở rộng đối tượng cung cấp thông tin về BPBĐ (theo ý kiến VCCI), nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan. Theo đó, các cá nhân, tổ chức đều có quyền tìm hiểu về chứng khoán đăng ký BPBĐ tại VSD |
| 84 | **Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm (Điều 163)** | **VSD**  - Khoản 1 đề nghị sửa lại như sau:  *1. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc đăng ký, quản lý đăng ký và cung cấp thông tin đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định của Nghị định này, quy định của Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;*  - Khoản 5 đề nghị sửa đổi như sau:  *"Cập nhật, tích hợp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty LKVBTCK VN vào Hệ thống dữ liệu quốc gia về biện pháp bảo đảm và báo cáo định kỳ hàng năm cho Bộ Tư pháp (Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm) về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ".*  - Bổ sung thêm 01 khoản quy định về giá dịch vụ đăng ký giao dịch bảo đảm như sau:  *Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam được thu các khoản giá dịch vụ từ việc cung cấp dịch vụ đăng ký biện pháp bảo đảm và trích một phần giá dịch vụ đăng ký biện pháp bảo đảm cho Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp để trang trải chi phí cho việc cập nhật, tích hợp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán vào Hệ thống dữ liệu quốc gia về biện pháp bảo đảm theo hướng dẫn của Bộ Tài chính”.* | **Giải trình**  - Luật Chứng khoán đã giao Nghị định hướng dẫn về đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán, do đó không ủy quyền tiếp cho Bộ Tài chính.  - Khoản 5 Điều 163 quy định:*“Cập nhật, tích hợp thông tin về biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty LKVBTCK VN”* vẫn đảm bảo rõ ý như đề xuất của VSD.  **Tiếp thu**, đã bổ sung tại khoản 6 Điều 169 **(**Bộ Tư pháp cũng đã đề xuất về nội dung này). |
| 85 | **Điều kiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán (Điều 189)** | **KBSC**  Đề nghị bỏ điều kiện an toàn tài chính tại điểm c và điểm d khỏi các điều kiện để công ty chứng khoán được cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán. | **Giải trình:**  **Bảo lưu bởi các lý do sau:**   * Điểm c dự thảo là quy định chung cho các CTCK phải thực hiện hiện nay do vậy đề nghị giữ nguyên nhằm đảm bảo tính tuân thủ * Điểm d dự thảo hiện nay không áp dụng đối với dịch vụ ứng trước tiền bán |
| 86 | **Chào bán sản phầm tài chính (Điều 193)** | **MB**  - Cần bổ sung hướng dẫn cụ thể về điều kiện của tổ chức phát hành CW (tương tự khoản 1 Điều 193 Dự thảo) cũng như thẩm quyền của Bộ Tài chính trong việc hướng dẫn các vấn đề về CW tương tự như khoản 2 Điều 193 Dự thảo).  - Đề nghị sửa đổi quy định chỉ cần HĐQT của công ty chứng khoán thông qua (không cần thiết lên cấp ĐHĐCĐ).  **VSD**  Đề nghị bỏ Điểm e Khoản 1: Nghĩa vụ thanh toán diễn ra sau khi được cấp phép chào bán, do vậy không thể ràng buộc vào điều kiện chào bán | **-** Đã nêu ý kiến giải trình về thuật ngữ tại khoản 40 Điều 3  - **Giải trình:** Bảo lưu như dự thảo bởi các lý do sau:  Việc cho phép công ty chứng khoán chào bán sản phẩm tài chính đồng nghĩa với việc công ty chứng khoán gánh chịu rủi ro mà những rủi ro này khi xảy ra phải bù đắp, xử lý bằng nguồn lực tài chính, danh tiếng của công ty chứng khoán.  Sản phẩm tài chính là các sản phẩm mới theo thông lệ quốc tế. Do vậy, trong thời gian mới phát triển sản phẩm, việc quy định như dự thảo nhằm bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư và tạo thông lệ cho sản phẩm.  - **Giải trình:** Nghĩa vụ thanh toán là điều kiện quan trọng đối với sản phẩm, đối với lần đầu tiên phát hành sản phẩm, CTCK không bị ràng buộc bởi điều kiện này. Vụ QLKD sẽ chỉnh sửa để rõ nghĩa hơn |
| 87 | **Tổ chức lại tổ chức kinh doanh chứng khoán (Điều 197)** | **KBSC**  Đề nghị cho phép và hướng dẫn trường hợp việc chuyển nhượng được thực hiện trước khi hợp nhất sáp nhập nhằm tăng quy mô và t ăng cường khả năng cạnh tranh của CTCK | **Giải trình**  Bảo lưu vì lý do sau:  - Khoản 6 Điều 91 Luật Chứng khoán đã ngoại trừ trường hợp hợp nhất, sáp nhập, mua dưới 5% vốn điều lệ và không có ngoại lệ khác  - Khoản 1 Điều 93 Luật Chứng khoán đã quy ddnhj việc tổ chức lại CTCK phải được UBCKNN chấp thuận trước khi thực hiện |
| 88 | **Về nhận biết khách hàng qua phương thức điện tử (eKYC)** | **MB**  Đề nghị Dự thảo Nghị định bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể trong trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ được thực hiện giao dịch không gặp mặt trực tiếp khách hàng, nhận biết khách hàng và giao kết hợp đồng thông qua các hình thức công nghệ hiện đại xác thực khác | **Giải trình**  Nội dung này được giao Bộ Tài chính hướng dẫn theo quy định tại khoản 8 Điểu 86 Luật Chứng khoán |
| 89 | **Điều kiện trở thành thành viên lập quỹ (Điều 241)** | VSD:  Đề nghị bổ sung đối tượng “ngân hàng lưu ký” tại khoản 1 | **Tiếp thu**  Đã bổ sung đối tượng thành viên lập quỹ bao gồm cả “ngân hàng lưu ký” tại dự thảo Nghị định.  Thứ nhất, thành viên lập quỹ quỹ ETF đã được quy định tại khoản 1 Điều 11 TT 227/2012/TT-BTC, cụ thể “là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký”.  Thứ hai, tham khảo kinh nghiệm quốc tế (Malaysia) thành viên lập quỹ quỹ ETF bao gồm cả các thành viên của SGD (CTCK là tổ chức tạo lập thị trường) và các tổ chức tài chính được cấp phép, đa số đều là các tổ chức tài chính, ngân hàng lớn. Do vậy, việc bổ sung đối tượng thành viên lập quỹ bao gồm cả “ngân hàng lưu ký” tại dự thảo Nghị định là phù hợp với thông lệ quốc tế. |
| 90 | **Hồ sơ thành lập quỹ hoán đổi danh mục (Khoản 1 Điều 244)** | **VSD**  Đề nghị giải thích rõ **“lô lẻ chứng khoán cơ cấu”** là như thế nào.  Ngoài ra, các trường hợp góp bằng tiền cần có thêm chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành, khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng/hạn chế đầu tư hoặc chưa thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc không thể đầu tư do chứng khoán đó bị giới hạn tỷ lệ đầu tư nước ngoài. | Tiếp thu ý kiến và sửa khoản 1 Điều 250 thành:  “1. Việc tham gia góp vốn thành lập quỹ hoán đổi danh mục của các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thực hiện bằng danh mục chứng khoán cơ cấu và không dùng cổ phiếu của chính mình để góp vốn hoặc hoán đổi. Việc góp vốn bằng tiền chỉ được thực hiện cho khoản thanh toán ~~cho các lô lẻ chứng khoán cơ cấu~~ chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng, bị hạn chế đầu tư do bị giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại thời điểm thực hiện giao dịch; các khoản cổ tức, trái tức của chứng khoán cơ cấu.” |
| 91 | **Ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường chứng khoán (Điều 260)** | ***VBF-MCWG (Diễn đàn doanh nghiệp – Nhóm công tác thị trường vốn), HSBC***  Đề xuất bổ sung quy định các thành viên thị trường phải diễn tập định kỳ kế hoạch dự phòng khẩn cấp đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ được duy trì bình thường trong mọi tình huống khẩn cấpvà báo cáo định kỳ hàng năm cho UBCKNN.  Đối với các SGDCK và TTLK, việc xây dựng tất cả các tình huống giả định và diễn tập định kỳ kế hoạch này còn phải được công bố công khai cho các thành viên thị trường biết và cùng phối hợp. Ngoài ra, việc công bố công khai kế hoach cũng như kết quả diễn tập tình huống dự phòng khẩn cấp cũng giúp xây dựng niềm tin cho NĐT, đặc biệt là NĐTNN về hoạt động của thị trường luôn được đảm bảo an toàn, liên tục và thông suốt trong mọi trường hợp.  Chúng tôi đề xuất bổ sung Khoản 6 Điều 260 như sau:*"6. Kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động thị trường chứng khoán quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này phải được báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi ban hành. Kết quả diễn tập hàng năm của các kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động thị trường chứng khoán đã được phê duyệt và ban hành phải được báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong vòng 7 ngày sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước."* | **Tiếp thu**, chỉnh sửa tại Khoản 3, 4 Điều 265 và bổ sung khoản 5 Điều 265 như sau:  “3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chủ trì, phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thường xuyên thực hiện giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán, xây dựng cơ chế phối hợp thực hiện giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán, báo cáo Bộ Tài chính về tiêu chí nhận diện nguy cơ, rủi ro hệ thống phù hợp với tình hình thị trường; báo cáo Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ về hoạt động giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán theo định kỳ hàng năm, theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ hoặc trong trường hợp đột xuất khi thấy có nguy cơ, rủi ro hệ thống, trong đó bao gồm cả kế hoạch ứng phó, khắc phục nguy cơ, rủi ro hệ thống; chủ trì, phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tổ chức diễn tập triển khai kế hoạch ứng phó, khắc phục nguy cơ, rủi ro hệ thống trong trường hợp cần thiết. 4. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam thực hiện giám sát an ninh, an toàn đối với thị trường giao dịch chứng khoán. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thành viên thực hiện giám sát an ninh, an toàn đối với hệ thống đăng ký, lưu ký, bừ trừ và thanh toán chứng khoán. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán theo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc trong trường hợp đột xuất khi thấy có nguy cơ, rủi ro hệ thống liên quan đến hoạt động của mình, trong đó bao gồm cả kế hoạch ứng phó, khắc phục nguy cơ, rủi ro hệ thống.  5. Căn cứ kết quả hoạt động giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán, định kỳ hàng năm Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm tổ chức diễn tập triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó, khắc phục nguy cơ, rủi ro hệ thống liên quan đến hoạt động của mình, giám sát hoạt động diễn tập của thành viên. Thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng thanh toán có trách nhiệm phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký, bù trừ chứng khoán Việt Nam trong xây dựng, triển khai, diễn tập kế hoạch ứng phó, khắc phục nguy cơ, rủi ro hệ thống. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng thanh toán phải báo cáo UBCKNN, đồng thời thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của mình về kết quả diễn tập trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc diễn tập.”  5. Căn cứ kết quả hoạt động giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán, định kỳ hàng năm Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm tổ chức diễn tập triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó, khắc phục nguy cơ, rủi ro hệ thống liên quan đến hoạt động của mình, giám sát hoạt động diễn tập của thành viên. Thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng thanh toán có trách nhiệm phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký, bù trừ chứng khoán Việt Nam trong xây dựng, triển khai, diễn tập kế hoạch ứng phó, khắc phục nguy cơ, rủi ro hệ thống. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng thanh toán phải báo cáo UBCKNN, đồng thời thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của mình về kết quả diễn tập trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc diễn tập.” |
| 92 | **Tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động giao dịch của SGDCK (Khoản 3 Điều 262)** | ***HOSE***  Đề nghị sửa thành “3. Trong vòng 24 giờ kể từ khi *nhận được* quyết định *của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về* tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán *phải thực hiện tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục* đóng cửa một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của thị trường giao dịch chứng khoán, bao gồm cả thị trường chứng khoán cơ sở và thị trường chứng khoán phái sinh và công bố về việc này trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán” | **Giải trình**  **-** Về đoạn đề xuất "Trong vòng 24 giờ kể từ khi *nhận được* quyết định *của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước"*: cách ghi tại dự thảo Nghị định rõ và dễ hiểu hơn cách ghi như nội dung góp ý.  - Đối với đề nghị sửa nội dung dự thảo từ "*Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con phải thực hiện đóng cửa một phần hoặc toàn bộ hoạt động* …" thành "Sở giao dịch chứng khoán *phải thực hiện tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục":* việc tạm ngừng, đình chỉ có chủ thể là UBCKNN và đối tượng là SGDCK, do vậy, việc quy định hành động của SGDCK tương tự như hành động của UBCKNN dễ gây hiểu lầm, cách ghi tại dự thảo hiện tại là đảm bảo phân biệt, dễ hiểu. |
| 93 | **Tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (Khoản 3 Điều 263)** | **HOSE**  Đề nghị điều chỉnh cụm từ “dừng một phần hoặc toàn bộ” thành “tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục” | **Giải trình**  Về đề nghị sửa nội dung dự thảo từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải thực hiện *dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động*…" thành "*tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục":* tương tự như ý kiến về Khoản 3 Điều 268, việc tạm ngừng, đình chỉ có chủ thể là UBCKNN và đối tượng là VSD, do vậy, việc quy định hành động của VSD tương tự như hành động của UBCKNN dễ gây hiểu lầm, cách ghi tại dự thảo hiện tại là đảm bảo phân biệt, dễ hiểu. |
| 94 | **Biện pháp cấm, phong tỏa tài khoản** | ***VBF-MCWG (Diễn đàn doanh nghiệp – Nhóm công tác thị trường vốn), HSBC:*** Chúng tôi đề xuất các biện pháp cấm, phong tỏa tài khoản trong Mục này có thể xem xét đưa vào Nghị đinh xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán. | **Giải trình**  Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 quy định các biện pháp đình chỉ hoạt động có thời hạn, tước quyền sử dụng giấy phép/chứng chỉ có thời hạn là các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, tuy nhiên không quy định về biện pháp cấm, phong tỏa tài khoản, do vậy không có cơ sở đưa vào quy định tại Nghị định xử phạt. Biện pháp cấm, phong tỏa tài khoản tại Luật Chứng khoán 2019 dưới góc độ biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn TTCK cần đưa vào quy định tại Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 (được Luật CK 2019 quy định giao Chính phủ hướng dẫn). |
| 95 |  | ***HNX***  - Đề nghị bổ sung tình huống dịch bệnh, thiên tai. Đây là các nguy cơ bất khả kháng nhưng là vấn đề nghiêm trọng, cần được liệt vào danh sách nguy cơ đe dọa sự an toàn của thị trường chứng khoán  - Đề nghị bổ sung các quy định về công bố thông tin của SGDCK và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sau khi thực hiện các biện pháp phong tỏa tài khoản, cấm đảm nhiệm chức vụ đối với cá nhân, tổ chức vi phạm.  ***-***Đề nghị sửa *Điều 259, khoản 3:* thành "Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chủ trì, phối hợp…; xây dựng và báo cáo Bộ Tài chính về tiêu chí nhận diện nguy cơ, rủi ro hệ thống phù hợp với tình hình thị trường (UBCKNN là cơ quan phù hợp nhất trong vai trò xây dựng tiêu chí phòng ngừa rủi ro).  - Hiện đang có sự trùng lặp về nội dung tại điểm b và điểm đ *Điều 260, khoản 1*; ngoài ra, công việc tại điểm d (triển khai phương án theo từng cấp độ) cần được thực hiện đồng thời với công việc tại điểm c (giới hạn thiệt hại), do đó có thể gộp 2 điểm này làm 1. Đề nghị chỉnh sửa. | **Gải trình:**  - Dịch bệnh, thiên tai mà ảnh hưởng tiêu cực đến TTCK nằm trong sự kiện đã được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 265 dự thảo Nghị định chung "c) Có sự kiện ảnh hưởng tiêu cực đến việc vận hành một cách ổn định, trật tự, thông suốt của thị trường chứng khoán hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân ở quy mô toàn thị trường;"  **- Giải trình**  + Tại Khoản 4 Điều 271 dự thảo Nghị định chung đã quy định việc CBTT, cụ thể: "*Quyết định áp dụng biện pháp cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn phải được gửi cho đối tượng bị áp dụng, tổ chức, cá nhân liên quan và được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký bù trừ chứng khoán Việt Nam trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành. Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được quyết định, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, tổ chức kinh doanh chứng khoán nơi có cá nhân bị áp dụng là người nội bộ hoặc người hành nghề chứng khoán phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình quyết định này."*  + Về biện pháp phong tỏa tài khoản: đây là biện pháp được áp dụng trong 02 trường hợp theo Khoản 4 Điều 264 dự thảo Nghị định chung gồm: *"a) Khi cần xác minh tình tiết làm căn cứ quyết định xử lý vi phạm về chứng khoán và thị trường chứng khoán; b) Khi có căn cứ xác định tổ chức, cá nhân đang thực hiện vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán…"* Như vậy, cả 02 trường hợp, biện pháp phong tỏa để phục vụ xác minh, xử lý, ngăn chặn vi phạm, thực hiện trong giai đoạn đầu để xử lý vi phạm và không cần thiết phải CBTT trên thị trường do quyết định đã được gửi đến đối tượng bị phong tỏa tài khoản. Khi có kết quả xử lý vi phạm (xử phạt hành chính hoặc khởi tố) thì hình thức xử lý vi phạm sẽ được CBTT theo quy định pháp luật liên quan.  **- Giải trình:**  tại Khoản 3 Điều 265 dự thảo Nghị định chung đã quy định: "UBCKNN chủ trì, phối hợp… báo cáo Bộ Tài chính về tiêu chí nhận diện nguy cơ, rủi ro hệ thống phù hợp với tình hình thị trường." Như vậy, UBCKNN là cơ quan báo cáo Bộ Tài chính về tiêu chí giám sát tùy theo tình hình thị trường.  **- Giải trình:**  Hoạt động ứng phó khắc phục sự cố, sự kiện tại Khoản 1 Điều 266 đang được thiết kế theo trình tự ứng phó gồm 5 giai đoạn cơ bản, cụ thể:  - Giai đoạn 1: phát hiện, xác định có hay không sự cố, sự kiện xảy ra, tương ứng với biện pháp tại Điểm a;  - Giai đoạn 2: xác minh thông tin để nhận diện loại sự cố, sự kiện, tương ứng với biện pháp tại Điểm b;  - Giai đoạn 3: thực hiện các biện pháp ngăn chặn mang tính khẩn cấp, khoanh vùng để giới hạn tác động, thiệt hại, tương ứng với biện pháp tại Điểm c;  - Giai đoạn 4: triển khai đầy đủ phương ứng phó, khắc phục, tương ứng với biện pháp tại Điểm d;  - Giai đoạn 5: sau khi kết thúc ứng phó, làm rõ nguyên nhân chính xác của sự cố và xử lý trách nhiệm của các đối tượng liên quan theo quy định pháp luật, tương ứng với biện pháp tại Điểm đ.  Do vậy, biện pháp tại điểm b và đ là khác nhau. Biện pháp tại điểm c và d không trùng nhau do biện pháp tại điểm c mang tính ngăn chặn khẩn cấp khi không có đủ thời gian để triển khai ứng phó đầy đủ như biện pháp tại điểm d, nếu gộp lại thì dẫn tới thực hiện đồng thời nhiều biện pháp nhưng có thể không đảm bảo theo trình tự ưu tiên là biện pháp khẩn cấp, ngăn chặn trước rồi ứng phó đầy đủ sau nên quy định tách riêng phù hợp hơn. |
| 96 | **Điều khoản chuyển tiếp (Điều 268)** | **VBF**  **(i)** Theo quy định tại khoản 10 và 11 Điều 268, thời gian chuyển đổi 12 tháng có thể là không đủ hoặc không phù hơp đối với quy định cho phép các thành viên lưu ký được tham gia ngay hoạt động bù trừ, thanh toán như thành viên bù trừ trực tiếp không có nhiều ý nghĩa nếu thành viên đó không thể đáp ứng kịp các điều kiện trở thành thành viên bù trừ hoặc không bao giờ trở thành thành viên bù trừ sau 12 tháng.  Ngoài ra, nếu ngân hàng lưu ký có thể trở thành thành viên bù trừ trực tiếp thì việc ký kết lại các hợp đồng lưu ký với các ngân hàng lưu ký toàn cầu cũng mất rất nhiều thời gian, từ 1-2 năm.  Trường hợp tồn tại các thành viên không bù trừ tại thời điểm triển khai CCP, cần có sẵn các thành viên bù trừ chung để thông qua đó các thành viên không bù trừ có thể thực hiện thanh toán bù trừ cho khách hàng của mình với VSDC.  Ngoài ra, đề xuất quy định một thời gian chuyển tiếp dài để các ngân hàng lưu ký trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài và các tổ chức liên quan có đủ thời gian chuẩn bị. Việc quy định một thời gian chuyển tiếp cụ thể tại Nghị định sẽ thiếu linh hoạt cho cơ quan quản lý thị trường khi triển khai sau này do chưa lường hết được những khó khan phát sinh từ thị trường. Do đó, đề xuất sửa đổi khoản 10 Điều 268 như sau:  "10. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo mô hình bù trừ đa phương ***trong vòng 12 tháng kể từ*** ~~cho đến~~ khi hoàn tất hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng mô hình thanh toán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm ***và ban hành quy chế hướng dẫn chi tiết quy trình thanh toán bù trừ trung tâm***."  Ngoài ra, kiến nghị việc chuyển đổi nên được tiến hành như sau:   1. Trước thời điểm thi hành phương thức thanh toán bù trừ trung tâm, ít nhất 06 tháng, Tổng công ty lưu ký bù trừ chứng khoán yêu cầu tất cả các thành viên hiện tại xác nhận việc có tham gia với tư cách là thành viên bù trừ trực tiếp hoặc thành viên bù trừ chung. 2. Trước thời điểm thi hành phương thức thanh toán bù trừ trung tâm 03 tháng, Tổng công ty lưu ký bù trừ chứng khoán chốt danh sách và công bố các thành viên sẽ đóng vai trò là thành viên bù trừ trực tiếp và thành viên bù trừ chung cho tất cả thành viên thị trường. 3. Các thành viên không bù trừ theo đó có kế hoạch triển khai kí kết hợp đồng với các thành viên bù trừ chung cho khách hàng của mình. 4. Tại thời điểm triển khai, chỉ thành viên nào đã xác nhận tham gia sẽ được chuyển đổi thành thành viên bù trừ (chung hoặc trực tiếp) với Tổng công ty lưu ký bù trừ chứng khoán.    Đồng thời, kiến nghị bỏ quy định về thời hạn 12 tháng đối với việc duy trì tư cách thành viên bù trừ trong Nghị định, chuyển xuống hướng dẫn tại thông tư, tránh bó buộc các thành viên vào một thời hạn quá gấp gáp, do đây là một cơ chế hoàn toàn mới với thị trường, các thành viên có thể cần nhiều thời gian hơn để thu xếp nguồn lực, hệ thống và thông báo cho khách hàng. | **Giải trình:**  Tại thời điểm triển khai CCP, tất cả các CTCK đều được tham gia hoạt động bù trừ thanh toán. Sau 12 tháng chỉ có thành viên bù trừ mới được tham gia hoạt động thanh toán. NHTM không là TVBT sẽ thông qua TVBT chung để thực hiện thanh toán chứng khoán.  Trong trường hợp ngân hàng lưu ký không làm TVBT, nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký cần mở tài khoản giao dịch tại thành viên giao dịch, mở tài khoản ký quỹ tại TVBT và chuyển tài sản sang TVBT để ký quỹ và thanh toán. |
| 97 | **Phụ lục** | - Mẫu 42, đề nghị sửa mục 5 như sau:  *5. Số tài khoản nhận tiền rút ký quỹ, thanh toán, ~~nhận hoàn trả khoản đóng góp Quỹ bù trừ~~;*  - Mẫu 95, đề nghị sửa thống nhất tên **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam** | **Tiếp thu** và đã chỉnh sửa tại phụ lục 42 |